



Con hỏi bố mẹ trả lời

(6-15 TUỔI)

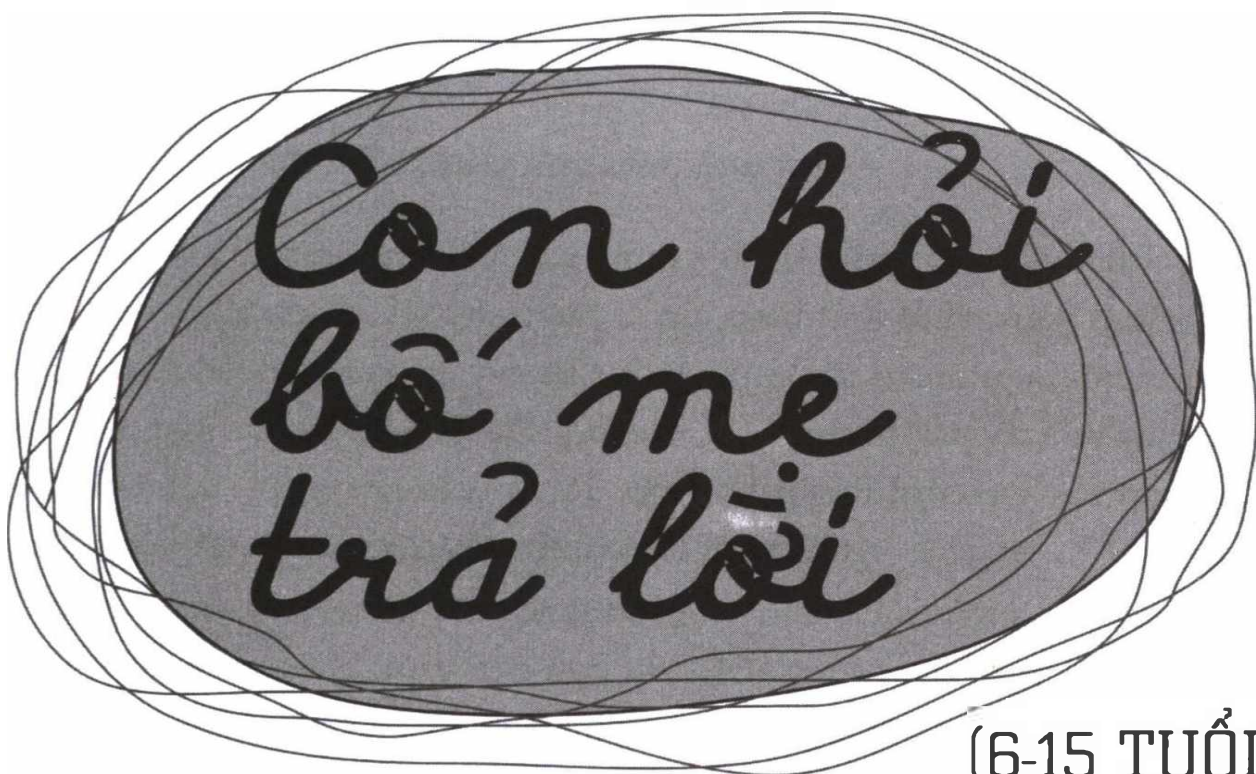


KHOA HỌC XÃ HỘI



- **Tại sao dân tộc Do Thái được cho là thông minh nhất thế giới?**
- **Tại sao lại gọi Điện ảnh là Nghệ thuật thứ bảy?**
- **Tại sao lại gọi là Thánh địa Mỹ Sơn?**
- **Tại sao đèn tín hiệu giao thông lại có ba màu: đỏ, xanh lục và vàng?**

Giáo sư - Tiến sĩ - Nhà giáo Nhân dân
NGUYỄN LÂN DŨNG



(6-15 TUỔI)



KHOA HỌC XÃ HỘI

In lần thứ hai

- Tại sao dân tộc Do Thái được cho là thông minh nhất thế giới?
- Tại sao lại gọi Điện ảnh là Nghệ thuật thứ bảy?
- Tại sao lại gọi là Thánh địa Mỹ Sơn?
- Tại sao đèn tín hiệu giao thông lại có ba màu: đỏ, xanh lục và vàng?

Thân gửi các anh chị đang làm cha, làm mẹ!

Con cái là của cải lớn nhất của chúng ta và cũng là niềm hạnh phúc không gì thay thế được. Trẻ em, nhất là các em ở tuổi thiếu niên thường có rất nhiều câu hỏi muốn được giải đáp. Gặp cái gì các em cũng muốn biết: nó là cái gì, ai nghĩ ra nó, nó hoạt động ra sao...? Có những em đã làm quen với máy tính thì có thể tự tìm câu trả lời, nhưng thế giới Internet quá rộng lớn nên cũng không dễ gì tìm được câu trả lời thỏa đáng.

Còn các bậc cha mẹ thì đâu phải dễ dàng gì trả lời ngay được các câu hỏi của con. Đọc sách cũng còn hạn chế thời gian và bề học là vô cùng. Chính vì vậy yêu cầu học hỏi thêm để tự nâng cao kho tàng kiến thức cho mình và để giúp dễ dàng trả lời trước các câu hỏi của con là chuyện ai cũng mong muốn.

Nhằm đáp ứng yêu cầu này của các bậc phụ huynh, Nhà xuất bản Phụ nữ đã xuất bản bộ sách “Con hỏi Bố Mẹ trả lời”. Người biên soạn là GS.TS.NGND. Nguyễn Lâm Dũng, một nhà khoa học đã quen thuộc với rất nhiều người. Ông là nhà Sinh học, đúng hơn chỉ chuyên sâu về Vi sinh vật học, vì vậy để thực hiện biên soạn cuốn sách này Giáo sư đã phải tra khảo các sách Bách khoa toàn thư, nhất là cuốn “Kingfisher Bách khoa thư Thiếu nhi”, hay Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, các bài viết trên Internet của nhiều chuyên gia từng lĩnh vực khác nhau... Bộ sách gồm ba tập thuộc ba lĩnh vực khác nhau: Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Sức khỏe - Đời sống. Tùy theo yêu cầu của bạn đọc mà Nhà xuất bản có thể sẽ in bổ sung thêm nhiều tập tiếp theo (dựa trên các câu hỏi mới do độc giả gửi về cho Nhà xuất bản).

Nếu thấy phần giải đáp nào chưa thỏa đáng chúng tôi rất mong nhận được góp ý để có thể sửa chữa trong những lần in sau.

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ







Âm nhạc xuất hiện từ bao giờ?

Âm nhạc là một bộ môn nghệ thuật dùng âm thanh (hay chất giọng) để diễn đạt tình cảm, xúc cảm của con người. Âm nhạc được chia ra hai thể loại chính: thanh nhạc và khí nhạc. Thanh nhạc là âm nhạc dựa trên lời hát thể hiện rõ ý tưởng và tình cảm. Khí nhạc là âm nhạc dựa trên âm thanh thuần túy của các nhạc cụ, nên trừu tượng, gây cảm giác và sự liên tưởng. Ký hiệu âm nhạc là toàn bộ các dấu hiệu cũng như chữ viết được dùng để ghi lại âm thanh với các đặc tính của chúng. Môn ký âm là ghi âm thanh lại bằng các ký hiệu âm nhạc trên giấy và môn xướng âm là đọc lên những ký hiệu âm nhạc (đã được ký âm) đúng cao độ và trường độ của chúng. Các ký hiệu âm nhạc và khóa nhạc dùng để quy định cao độ, trường độ, cường độ của bản nhạc. Có nhiều khóa nhạc khác nhau nhưng khóa sol là phổ biến nhất. Khi cần thiết, người ta có thể “dịch” một bản nhạc





của ngôn ngữ khóa sol sang những khóa nhạc khác và ngược lại. Thuở ban đầu ca hát và nhảy múa đã giúp con người tiếp thêm dũng khí trong việc săn đuổi các loài thú hoang dại. Âm nhạc của thổ dân châu Phi là một trong những loại hình âm nhạc lâu đời nhất và hiện nay vẫn được tiếp tục duy

trì. Đó là loại âm nhạc luôn đi kèm với nhịp trống rộn ràng. Người Ấn Độ từ xa xưa thường sử dụng điệu thức *raga* cổ trong đời sống. Tại châu Âu thời Trung đại người ta sử dụng âm nhạc mang tính chức năng tôn giáo với các bài thánh ca hát trong nhà thờ. Âm nhạc thể tục (phi tôn giáo) phát triển ở phương Tây trong thời Phục hưng (1400-1600) với nhiều bản nhạc dành riêng cho nhạc cụ. Các vở opera hoành tráng đi kèm với hợp xướng bắt đầu thịnh hành trong thời kỳ Baroque (1600-1750). Trong thời kỳ âm nhạc cổ điển (1750-1820) xuất hiện các loại hình tứ tấu đàn dây¹, sonata, concerto và giao hưởng... gắn liền với tên tuổi các nhà soạn nhạc vĩ đại như Haydn, Mozart, Beethoven... Tiếp đó là thời kỳ âm nhạc lãng mạn (1820-1900) với các ca khúc đậm chất thơ, những vở opera đầy kịch tính xúc động, gắn liền với những tài năng lớn như Schubert, Mendelssohn, Schumann, Chopin, Berlioz, Wagner, Verdi, Brahms, Tchaikovsky... Thời đại gần đây xuất hiện nhiều phong cách âm nhạc mới như nhạc Blues, nhạc Jazz, nhạc Pop, nhạc Rock...

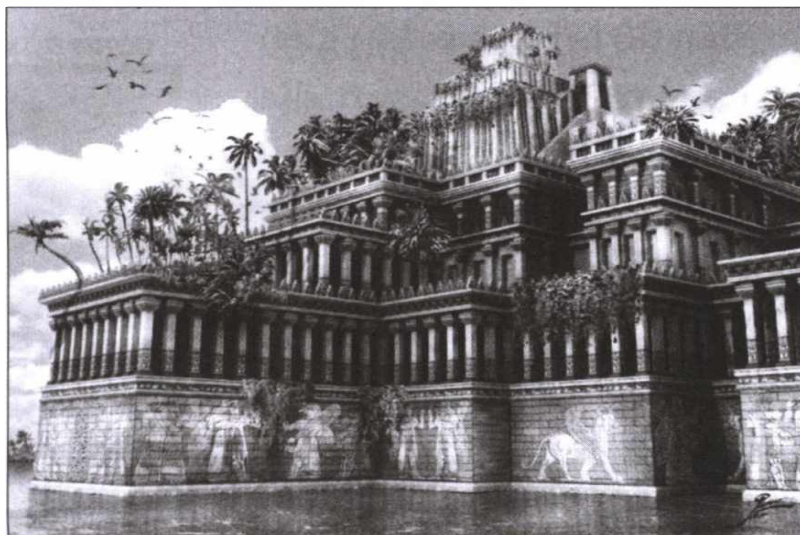
¹ Tứ tấu đàn dây: là một thể loại sáng tác cho 4 nhạc cụ dây solo, thường là hai violin, một viola và một cello.





Thành phố Babilon nổi tiếng trước đây hiện nay thuộc vùng đất nào?

Babilon là một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại được hình thành vào khoảng thế kỷ thứ 23 trước Công nguyên và dần dần trở thành một thành phố lớn, thịnh vượng trong suốt 2.000 năm. Các đường phố hẹp của



Babilon luôn chật ních thương nhân. Thành Babilon có tám cổng thành cùng với hai lớp tường lớn bao quanh. Cổng Ishtar cao tới 12m còn tường thành thì rộng đến mức xe ngựa có thể đi lại trên tường thành. Trong thành có vô số các đền thờ hình kim tự tháp xây bằng gạch phơi khô. Người dân Babilon đã biết đào những con kênh dẫn nước về các cánh đồng bên ngoài thành phố trồng lương thực và rau quả. Vườn treo Babilon được Nebuchadnezzar II cho xây dựng vào khoảng những năm 605-562 trước Công nguyên để chiều lòng hoàng hậu đương thời và về sau được coi là một trong bảy kỳ quan thế giới thời cổ đại. Năm 539 trước Công nguyên thành phố Babilon rơi vào tay người Ba Tư, rồi bị Alexander đại đế chinh phục vào năm 331 trước Công nguyên. Babilon “ngày xưa” chính ở vào vị trí hiện nay là cạnh con sông Euphrates của Irắc (Iraq), khoảng 85km về phía Nam thủ đô Baghdad. Tất cả những gì còn lại ngày nay của thành Babilon nổi tiếng là một gò đất và những tòa nhà xây bằng gạch bùn và các mảnh vỡ ở vùng đồng bằng màu mỡ Lưỡng Hà.

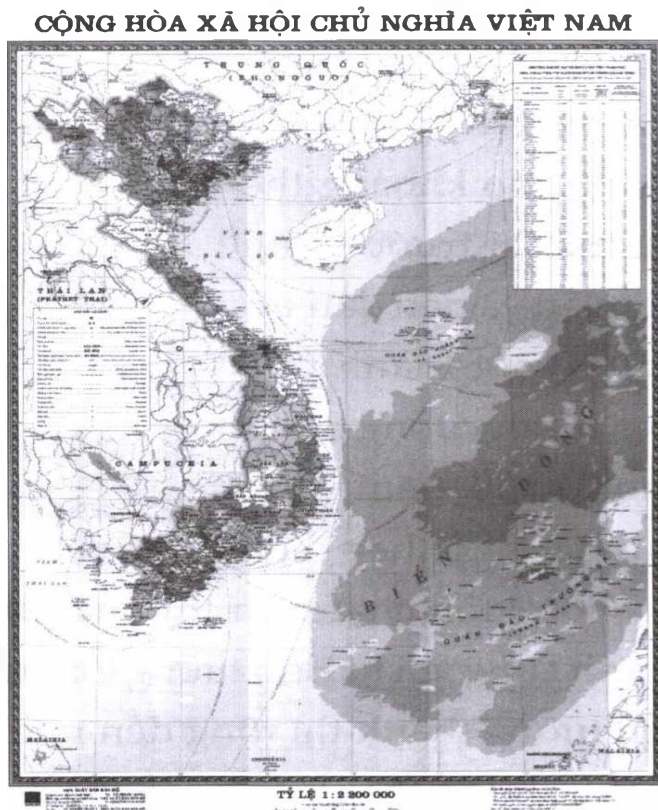




Con người biết vẽ bản đồ từ bao giờ?

Bản đồ là bản vẽ đơn giản miêu tả một không gian, địa điểm và hiển thị những thông số liên quan trực tiếp với khu vực xung quanh.

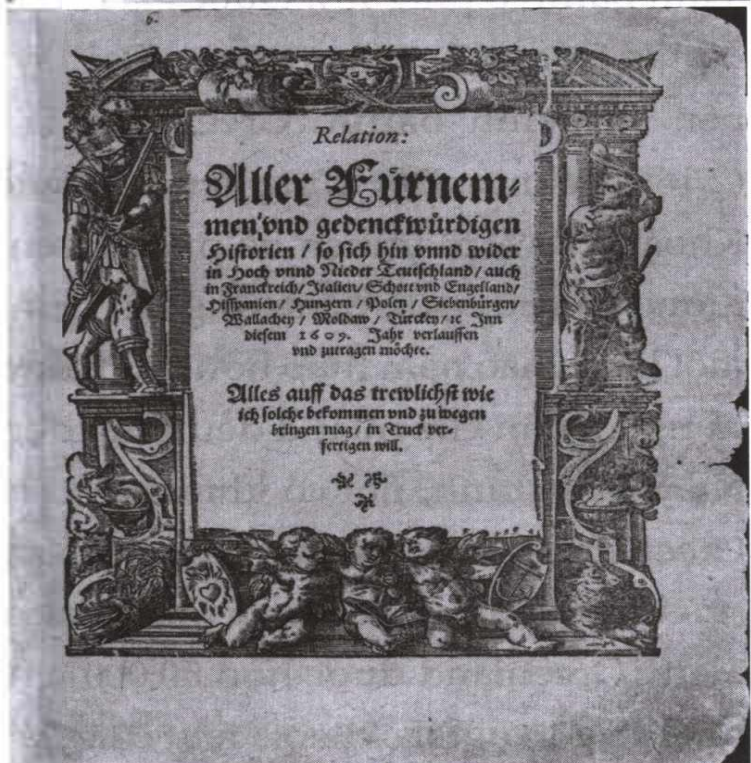
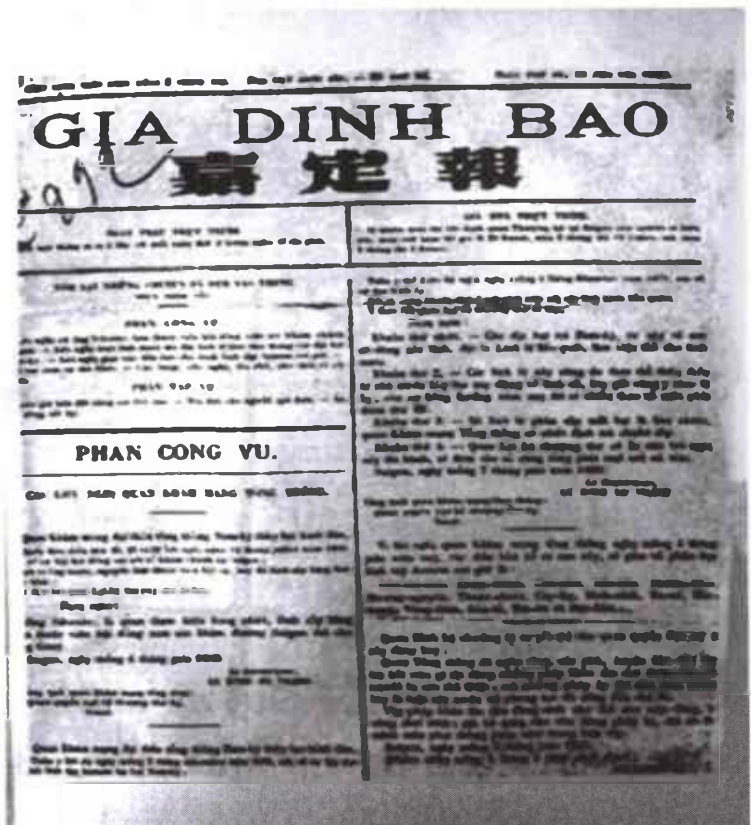
Từ xa xưa con người đã biết vẽ những bản đồ đơn giản nhằm mục đích miêu tả một tuyến đường hay một địa điểm nào đó. Vào khoảng năm 2.300 trước Công nguyên, ở vùng Lưỡng Hà người ta đã vẽ trên đất sét những bản đồ đầu tiên. Chúng chỉ ra đường đi tới các thành phố lân cận. Mãi tới năm 140, nhà khoa học Claudius mới xuất bản một cuốn sách địa lý với khá nhiều bản đồ. Sau đó quân đội La Mã đã biết sử dụng một loại bản đồ có đo đạc khá chính xác vị trí các thành phố và các pháo đài. Hải đồ cần dùng cho các thủy thủ đi biển chỉ xuất hiện từ những năm 1450 trở về sau. Bản đồ hiện đang được sử dụng là sự miêu tả khái quát, thu nhỏ bề mặt Trái đất hoặc bề mặt thiên thể khác trên mặt phẳng trong một phép chiếu xác định, nội dung của bản đồ được biểu thị bằng hệ thống ký hiệu quy ước. Tỷ lệ của một bản đồ địa lý là tỷ số giữa một khoảng cách đo trên bản đồ và khoảng cách ngoài thực địa. Chẳng hạn, nếu 1cm trên bản đồ ứng với 1km ngoài thực địa thì bản đồ đó có tỷ lệ 1:100.000, vì $1\text{km} = 100.000\text{cm}$.





Con người bắt đầu biết in báo từ bao giờ?

Báo, hay gọi đầy đủ là báo chí (xuất phát từ 2 từ “báo” - thông báo - và “chí” - giấy), nói một cách khái quát là những xuất bản phẩm định kỳ, như nhật báo hay tạp chí. Nhưng cũng để chỉ cả các loại hình truyền thông khác như đài phát thanh, đài truyền hình. Định nghĩa này cũng áp dụng cho một tạp chí liên tục xuất bản trên web (báo điện tử). Thời La Mã cổ đại đã có các hình thức thông tin khác nhau, nhưng chưa mang tính báo chí. Chẳng hạn Acta Diurna, bản tin thông báo của chính quyền, được Julius Caesar công bố. “Báo” này được chạm khắc trên đá hoặc kim loại và treo ở nơi công cộng, mỗi khi có việc cần thông báo mới lại “ra báo”. Tờ báo tiếng Đức





Relation aller Fürnemmen und gedenckwürdigen Historien của Johann Carolus phát hành năm 1605 ở Strassburg (nay thuộc Pháp) được thừa nhận là tờ báo giấy đầu tiên. Tờ nhật báo tiếng Anh đầu tiên, *Daily Courant*, phát hành từ năm 1702 đến 1735. Trường học đầu tiên về ngành Báo chí, Missouri School of Journalism, thành lập năm 1908 tại Hoa Kỳ bởi Walter Williams. Tại Việt Nam, *Gia Định báo* là tờ báo tiếng Việt đầu tiên, phát hành từ năm 1865 đến 1910 tại Sài Gòn.



Hòn đảo nào là hòn đảo lớn nhất thế giới?

Đó là đảo Greenland ở gần Bắc cực và là một khu tự trị thuộc Đan Mạch. Dù về địa lý và dân tộc đây là một đảo quốc Bắc cực liên kết với lục địa Bắc Mỹ, nhưng về lịch sử Greenland có quan hệ mật thiết với châu Âu. Đại Tây Dương bao quanh Greenland ở phía Đông Nam, biển Greenland ở phía Đông, Bắc Băng Dương ở phía Bắc và Vịnh Baffin ở phía Tây. Quốc gia nằm gần vùng này nhất là Iceland, ở phía Đông Greenland trong Đại Tây Dương và Canada ở phía Tây bên kia Vịnh Baffin. Greenland là hòn đảo lớn nhất thế giới (2.166.086km²). Đây cũng là nơi có vườn quốc gia lớn nhất thế giới. Khoảng 81% diện tích bề mặt Greenland bị băng bao phủ, trọng lượng của băng đã nén vùng đất trung tâm lục địa hình thành nên một lòng chảo nằm thấp hơn 300m dưới mực nước biển. Hầu như tất cả người dân Greenland đều sống dọc theo các vịnh hẹp ở phía Tây Nam đảo chính, nơi có khí hậu ôn hòa hơn. Đa phần người dân Greenland là hậu duệ của cả người Kalaallit (Inuit) và Scandinavia và sử dụng tiếng Greenland (hay Kalaallisut) làm ngôn ngữ chính. Tiếng Greenland được hơn 50.000 người sử dụng, lớn hơn toàn bộ nhóm ngôn ngữ Eskimo-Aleut cộng lại. Một cộng đồng thiểu số Đan





Mạch di cư tới đây nói tiếng Đan Mạch. Tiếng Greenland và tiếng Đan Mạch đều là ngôn ngữ chính thức, trong khi đó phương ngữ Greenland phía Tây là hình thức chính thức của tiếng Greenland.



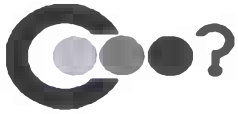
Người ta gọi nước Mỹ là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ hay là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ?

Hoa Kỳ hay Mỹ, chữ Hán là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (*chúng có nghĩa là nhiều*). Đây là một cộng hòa lập hiến liên bang gồm có 50 tiểu bang và một đặc khu liên bang. Quốc gia này nằm gần hoàn toàn trong Tây bán cầu với 48 tiểu bang lục địa, thủ đô là Washington D.C. Hoa Kỳ có tiểu bang Alaska nằm trong vùng Tây



Bắc của lục địa Bắc Mỹ, giáp với Canada ở phía Đông. Tiểu bang Hawaii nằm giữa Thái Bình Dương. Hoa Kỳ cũng có 14 lãnh thổ hay còn được gọi là vùng quốc hải rải rác trong vùng biển Caribe và Thái Bình Dương. Với 9,83 triệu km² và 316 triệu dân, Hoa Kỳ là quốc gia lớn thứ ba về tổng diện và thứ ba về dân số (317.888.000 người) trên thế giới. Quốc gia được thành lập ban đầu với 13 thuộc địa của Vương quốc Anh nằm dọc theo bờ biển Đại Tây Dương. Sau khi tự tuyên bố trở thành các “tiểu quốc”, cả 13 cựu thuộc địa này đã đưa ra tuyên ngôn độc lập vào ngày 4 tháng 7 năm 1776. Các tiểu bang nổi loạn đã đánh bại Đế quốc Anh trong Chiến tranh Cách mạng Mỹ, đây là cuộc chiến tranh thuộc địa giành độc lập đầu tiên thành công trong lịch sử. Dân di cư đã đến đây từ châu Phi, châu Âu, châu Á và Trung Mỹ. Hội nghị Liên bang quyết định sử dụng bản Hiến pháp Hoa Kỳ hiện tại vào ngày 17 tháng 9 năm 1787. Việc thông qua bản hiến pháp một năm sau đó đã biến các cựu thuộc địa thành một phần của một nước cộng hòa duy nhất.





Cuộc cách mạng công nghiệp xảy ra trên thế giới từ khi nào?

Cách mạng công nghiệp là cuộc cách mạng trong lĩnh vực sản xuất, là sự thay đổi cơ bản các điều kiện kinh tế-xã hội, văn hóa và kỹ thuật, xuất phát từ nước Anh sau đó lan tỏa ra toàn thế giới. Trong thời kỳ này, nền kinh tế giản đơn, quy mô nhỏ, dựa trên lao động chân tay được thay thế bằng công nghiệp và chế tạo máy móc quy mô lớn. Tên gọi “Cách mạng công nghiệp” thường dùng để chỉ giai đoạn thứ nhất của nó diễn ra ở cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Giai đoạn thứ hai hay còn gọi là Cách mạng công nghiệp lần thứ hai tiếp tục ngay sau đó từ nửa sau thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20. Cuộc cách mạng bắt đầu với sự phát triển sản xuất hàng hóa của ngành công nghiệp dệt. Sau đó, với nhu cầu cung cấp máy móc và năng lượng





cho công nghiệp dệt, các kỹ thuật gia công sắt thép được cải thiện và than đá sử dụng với khối lượng lớn. Thương mại mở rộng tạo điều kiện cho sự ra đời của kênh đào giao thông và đường sắt. Bên cạnh đó, đường giao thông được nâng cấp cho hoạt động giao thương nhộn nhịp. Động cơ hơi nước sử dụng nhiên liệu than và máy móc dẫn động bằng cơ khí đã đưa đến gia tăng năng suất lao động đột biến. Sự phát triển các máy công cụ trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ 19 tạo thuận lợi cho lĩnh vực chế tạo máy, phục vụ những ngành sản xuất khác. Ý kiến về thời gian diễn ra cách mạng công nghiệp lần thứ nhất không thống nhất, nhưng nói chung là ở nửa cuối thế kỷ 18 đến nửa đầu thế kỷ 19. Ảnh hưởng của nó diễn ra ở Tây Âu và Bắc Mỹ trong suốt thế kỷ 19 và sau đó là toàn thế giới.

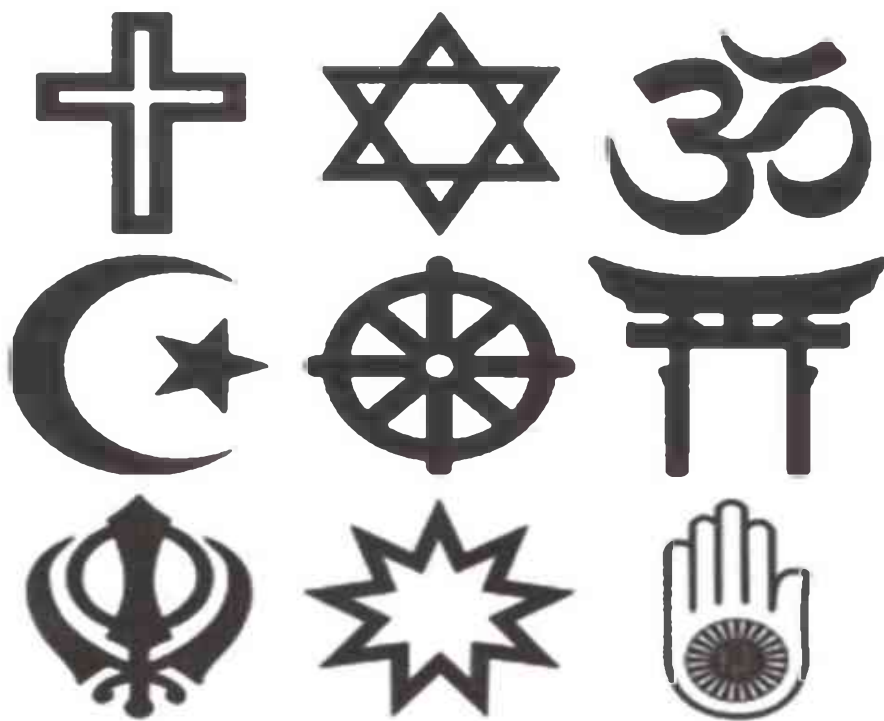
Những cuộc phát kiến địa lý và tiếp xúc văn hóa cùng với cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo nên diện mạo mới cho các quốc gia, dân tộc. Với những phát minh trong công nghiệp giúp cải tiến máy móc, giải phóng sức lao động của con người đã tạo nên sự phát triển vượt bậc của ngành khoa học kỹ thuật (máy hơi nước, đầu máy xe lửa, lò luyện gang thép...)



Hiện nay trên thế giới những tôn giáo nào có đông tín đồ nhất?

Niềm tin và thực tiễn tôn giáo vô cùng đa dạng và ngày nay trên thế giới có rất nhiều tôn giáo, có tôn giáo chỉ hạn chế trong một vùng địa lý không lớn nhưng có những tôn giáo có thể gọi là tôn giáo thế giới với nhiều triệu tín đồ ở khắp nơi trên thế giới. Nói chung có khoảng 87% dân số thế giới đang gắn bó với một tôn giáo nào đó; chỉ có khoảng 13% là không tôn giáo. Những tôn giáo có nhiều tín đồ





nhất gồm có: Kitô giáo: 2,1 tỷ người; Hồi giáo: 1,5 tỷ người, Ấn Độ giáo: 900 triệu người, Đạo giáo: 400 triệu người, Phật giáo: 365 triệu tín đồ chính thức (nếu kể cả không chính thức có thể tới 1,2 - 1,6 tỷ người), Nho giáo: 150 triệu người, tôn giáo truyền thống châu Phi: 100 triệu người, Thần đạo Nhật Bản: 30 triệu người, Đạo Sikh: 23 triệu người, Do Thái giáo: 14 triệu người.

Các biểu tượng của các tôn giáo lớn trên thế giới (từ trái qua phải)- 1: Cơ-đốc giáo, Do Thái giáo, Hindu; 2: Hồi giáo, Phật giáo, Thần đạo; 3: Đạo Sikh, Đạo Bahai, Đạo Jaina.

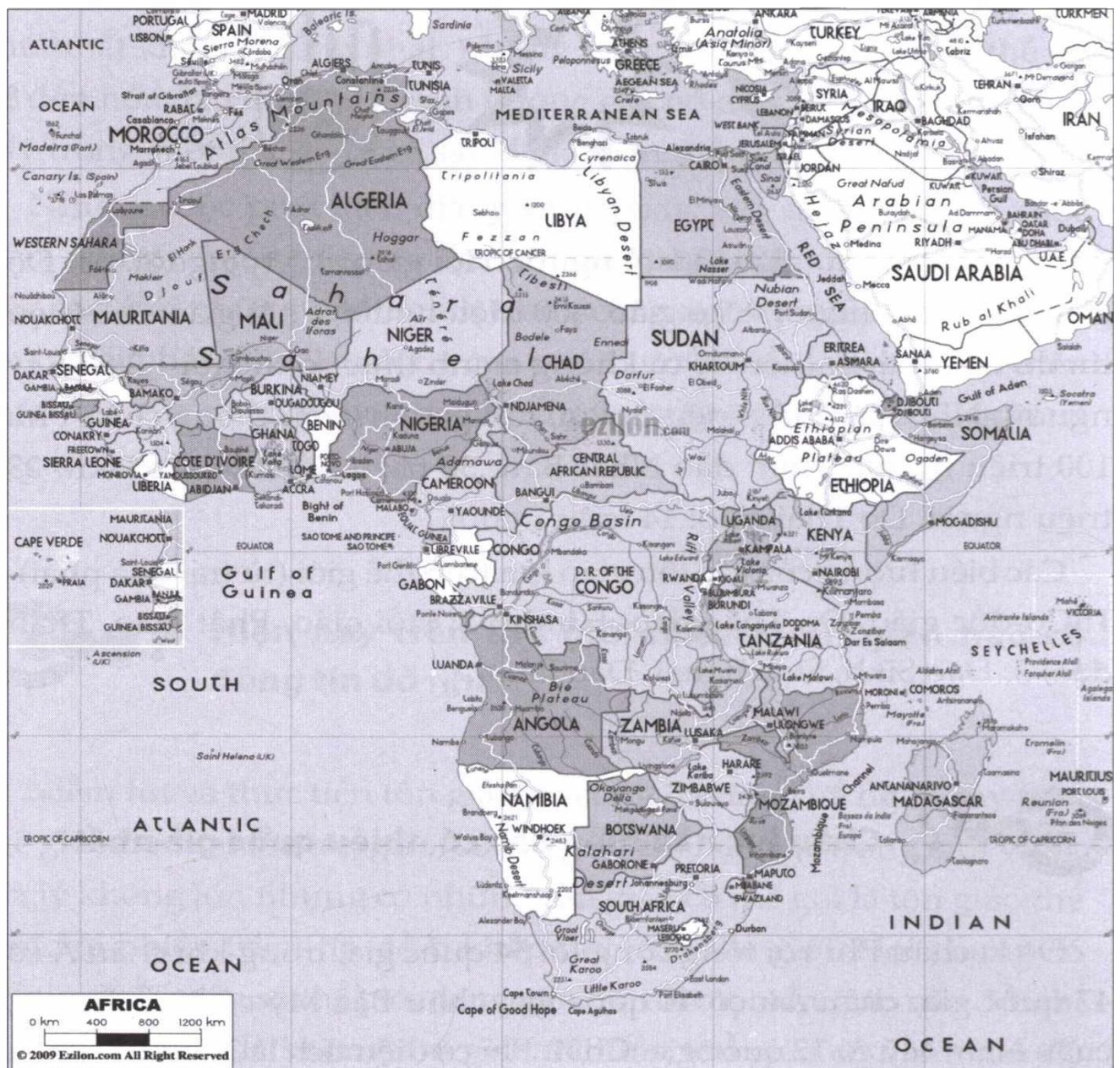


Châu lục nào hiện nay có nhiều quốc gia nhất?

Đó là châu Phi với tổng cộng tới 54 quốc gia, trong khi châu Á có 47 quốc gia, châu Âu có 44 quốc gia, châu Bắc Mỹ có 23 quốc gia, châu Nam Mỹ có 12 quốc gia. Châu Phi có diện tích là 30.306.000km².



Nếu bao gồm cả các đảo cận kề thì nó chiếm 20,4% tổng diện tích đất đai của Trái đất. Dân số châu Phi là 900 triệu, chiếm khoảng 1/7 dân số thế giới. Quốc gia lớn nhất là Sudan ($2.505.813\text{km}^2$), quốc gia nhỏ nhất là Seychelles (455km^2). Điểm cao nhất là núi Kilimanjaro (5.895m), hồ lớn nhất là hồ Victoria (69.484km^2), sông dài nhất là sông Nile (6.670km). Châu Phi là cái nôi của loài người. Trong suốt thời kỳ tiền sử của loài người, châu Phi giống như các châu lục khác đã không có các quốc gia và chủ yếu là các nhóm người săn bắn theo



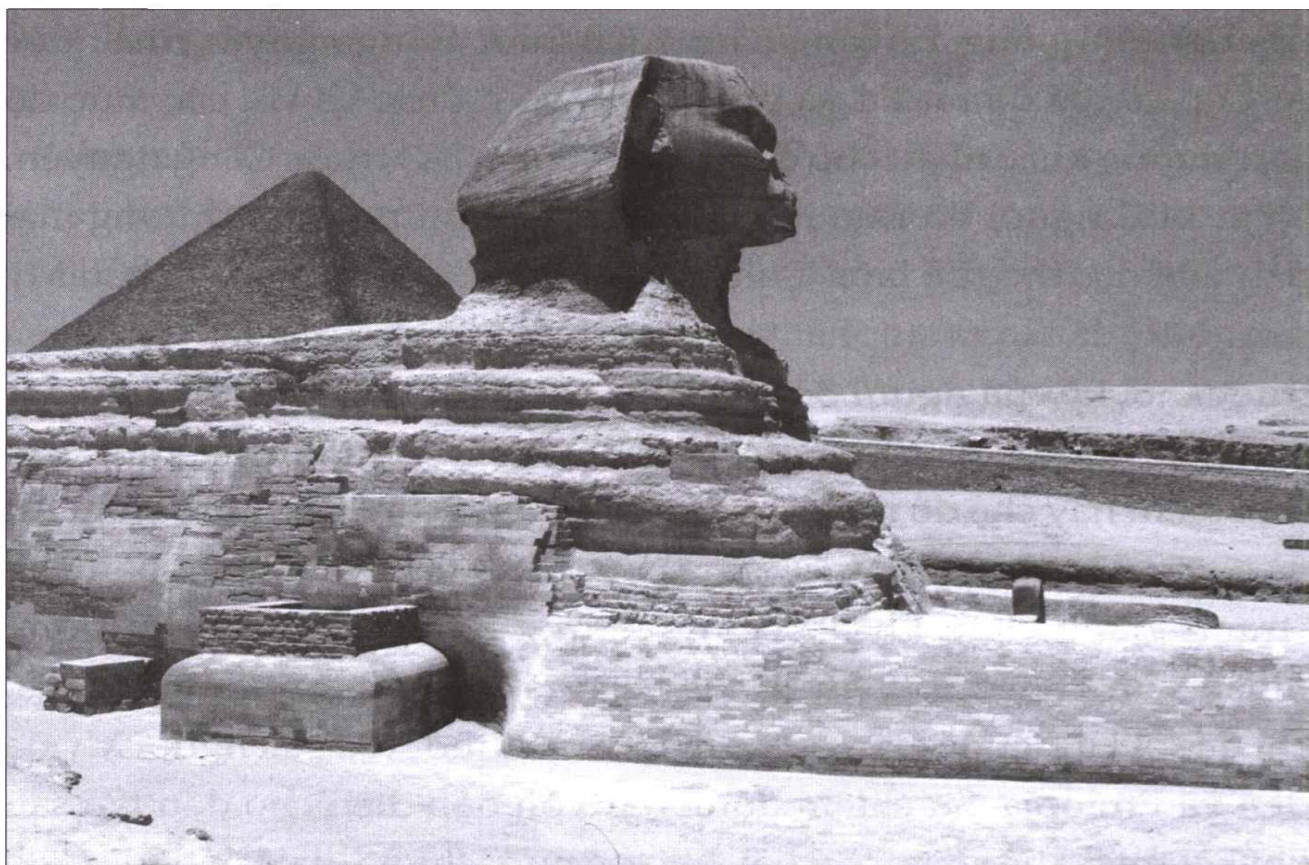
bầy đàn sinh sống. Khoảng năm 3.300 trước Công nguyên nhà nước Ai Cập cổ đại đã ra đời và phát triển, nó đã tồn tại với các mức độ ảnh hưởng khác nhau cho đến khoảng năm 343 trước Công nguyên. Năm 1482 người Bồ Đào Nha đã thiết lập những trạm thương mại đầu tiên dọc theo bờ biển Guinée ở Elmina. Sự phát hiện ra châu Mỹ năm 1492 đã tạo ra sự phát triển mạnh mẽ trong buôn bán nô lệ mà trước thời kỳ của người Bồ Đào Nha thì việc buôn bán này trên đất liền gần như chỉ là những trường hợp hãn hữu. Nhưng cùng vào thời điểm này chế độ nông nô đã đi vào giai đoạn kết thúc ở châu Âu và trong đầu thế kỷ 19 lực lượng thực dân châu Âu đã tiến hành sự “tranh giành châu Phi” vô cùng khùng khiếp và đã chiếm đóng nhiều vùng đất của châu lục này, tạo ra nhiều quốc gia thuộc địa, chỉ để sót lại 2 quốc gia độc lập là Liberia, thuộc địa của người Mỹ da đen và Ethiopia. Sự chiếm đóng này còn tiếp diễn cho đến tận sau khi kết thúc Thế chiến thứ hai, khi các nước thuộc địa dần dần giành được quy chế độc lập hình thức. Chỉ riêng phía nam sa mạc Sahara đã có tới trên 1.000 ngôn ngữ khác nhau được sử dụng. Đây là châu lục nóng nhất thế giới, có rừng mưa nhiệt đới và trảng cỏ thưa thớt cây cối (gọi là savan). Hiện nay khoảng 2/3 số nước nghèo nhất thế giới nằm ở châu Phi. Có những nước như Sierra Leone, Uganda, Malawi tuổi thọ bình quân của người dân chỉ là 45 năm. Cairo, thủ đô Ai Cập là thành phố lớn nhất với dân số trên 9,9 triệu người.



Nhà nước Ai Cập cổ đại xuất hiện cách đây bao nhiêu năm?

Theo cách phân định thời gian của Manetho (thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên) thì lịch sử Ai Cập cổ đại được chia ra thành Cổ, Trung và Tân Vương quốc, với 30 vương triều kéo dài khoảng từ cuối thiên





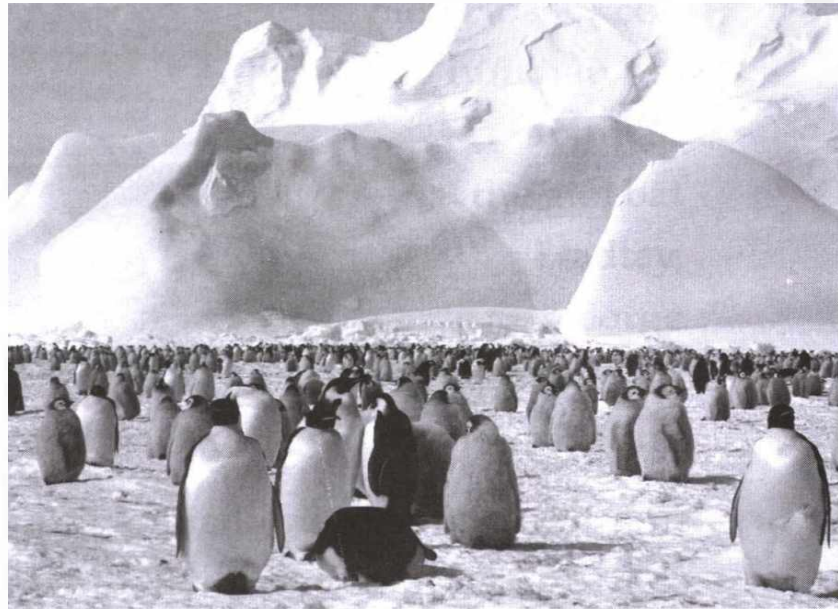
niên kỷ thứ 4 trước Công nguyên đến năm 332 trước Công nguyên. Vua của toàn cõi Ai Cập thường có các vua chư hầu dưới quyền, nên nhiều tài liệu dùng danh từ Cổ, Trung và Tân Đế quốc thay vì Vương quốc. Danh từ *pharaon* bắt đầu được các vua Ai Cập cổ dùng từ vương triều thứ 12 trở đi. *Pharaon* có nghĩa là *ngôi nhà lớn*, ám chỉ cung vua. Vẫn còn nhiều nghiên cứu về các vương triều Ai Cập đang được tiếp tục và có thể các vương triều này sẽ còn thay đổi, bởi vì ngày nay công tác khảo cổ vẫn tiếp tục phát hiện thêm nhiều dữ liệu, chứng cứ khác nhau. Ai Cập cổ đại là cái nôi lớn nhất của nền văn minh thế giới. Nó phát triển bên bờ sông Nile trù phú và đến năm 30 trước Công nguyên thì trở thành một bộ phận của đế quốc La Mã. Vào thế kỷ thứ VII người Ả Rập đã chinh phục miền Bắc châu Phi.





Tại sao châu Nam cực là châu cao nhất thế giới?

Châu Nam cực bao quanh Nam cực và 98% bề mặt bị vùi dưới một lớp băng dày, vì vậy châu Nam cực trở thành châu lục cao nhất. Chỉ có một ít ngọn núi và đá trần nhô lên khỏi lớp băng che phủ Nam cực. Đỉnh núi Vinson cao 4.897m. Diện tích châu Nam cực là 14 triệu km², nhưng không có cư dân thường trú, chỉ có các đoàn



ngiên cứu khoa học và du lịch thám hiểm (có lúc lên đến 10.000 người) xuất hiện trên lục địa rộng lớn và hết sức giá lạnh này. Chim cánh cụt là động vật tiêu biểu của Nam cực. Tại trạm khoa học Vostok người ta đo được nhiệt độ không khí lạnh đến - 89,2°C.



Thế nào gọi là Chiến tranh lạnh?

Chiến tranh lạnh (1945-1991) là tình trạng tiếp nối xung đột chính trị, căng thẳng quân sự, và cạnh tranh kinh tế tồn tại sau Thế chiến II (1939-1945), chủ yếu giữa Liên bang Xô viết và các quốc gia ủng hộ Liên Xô, với các cường quốc thuộc thế giới phương Tây, gồm cả Hoa Kỳ. Dù các lực lượng tham gia chủ yếu không bao giờ chính thức xung đột, họ đã thể hiện sự xung đột thông qua các liên minh quân



sự, những cuộc triển khai lực lượng quy ước chiến lược, một cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, tình báo, chiến tranh ủy nhiệm, tuyên truyền, và cạnh tranh kỹ thuật, như cuộc chạy đua không gian. Năm 1955 một khối liên minh các nước Đông Âu do Liên Xô đứng đầu được thành lập, gọi là khối Hiệp ước Vacsava để đối phó với khối NATO của Hoa Kỳ và một số nước Tây Âu. Trong hơn 45 năm hai siêu cường là Hoa Kỳ và Liên Xô không ngừng đối chọi nhau bằng cách sử dụng gián điệp, các khối liên minh, cấm vận thương mại và lấy các cuộc chiến tranh cục bộ làm vũ khí. Cuộc chiến tranh lạnh có đặc điểm nổi bật ở những giai đoạn khá yên tĩnh và những giai đoạn căng thẳng lên cao trong quan hệ quốc tế như cuộc phong tỏa Berlin (1948-1949), Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), Khủng hoảng Berlin năm 1961, Chiến tranh Việt Nam (1954-1975), Khủng hoảng tên lửa Cuba (1962), Chiến tranh Xô viết tại Afghanistan (1979-1989), và những cuộc tập trận Able Archer 83 của NATO vào tháng 11 năm 1983. Cả hai phía đã tìm cách làm giảm các căng thẳng chính trị và tránh một cuộc tấn công quân sự trực tiếp, vốn sẽ dẫn tới một sự tiêu diệt có đảm bảo từ hai phía với các loại vũ khí hạt nhân. Trong thập



niên 1980, Hoa Kỳ tăng cường sức ép ngoại giao, quân sự và kinh tế chống lại Liên Xô. Sau đó, Mikhail Gorbachev đưa ra những cuộc cải cách tự do *perestroika* ("tái cơ cấu", 1987) và *glasnost* ("mở cửa", khoảng 1985). Liên bang Xô Viết sụp đổ năm 1991, khiến Hoa Kỳ còn lại là cường quốc quân sự có vị thế thống trị, và Nga sở hữu hầu hết kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô. Gần đây với việc Crimea sáp nhập Nga, nhiều nhà phân tích và các hãng thông tấn, báo chí thế giới bắt đầu nhắc đến một cuộc chiến tranh lạnh mới. Ông Stephen Hadley, cựu cố vấn an ninh quốc gia dưới thời cựu Tổng thống Mỹ George W.Bush, cho rằng hồ sâu lần này khó hàn gắn hơn nhiều bởi "Moscow trên thực tế đang thay đổi trật tự thế giới được xây dựng thời hậu Liên Xô".



Có phải Napoléon tự phong là Hoàng đế nước Pháp?

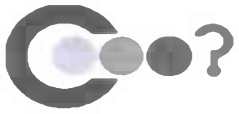
Napoléon Bonaparte sinh ngày 15-8-1769, là một nhà quân sự và nhà chính trị kiệt xuất người Pháp trong và sau cuộc cách mạng Pháp cũng như các cuộc chiến tranh liên quan ở châu Âu. Năm 1804 ông tự phong là Hoàng đế với đế hiệu Napoléon I, và phong cho vợ làm Hoàng hậu. Ông được nhớ đến nhiều nhất bởi vai trò của mình trong các cuộc chiến tranh mà Pháp phải đương đầu với hàng loạt liên minh, được gọi là các cuộc chiến tranh Napoléon. Ông đã thiết lập quyền bá chủ trên phần lớn lục địa châu Âu và tìm cách truyền bá những lý tưởng của cách mạng Pháp. Nhờ thắng lợi trong những cuộc chiến này, thường là chống lại đối phương có ưu thế về quân số, ông được coi là một trong những nhà quân sự vĩ đại nhất mọi thời đại, và các chiến dịch của Napoléon được nghiên cứu tại các học



viện quân sự trên khắp thế giới. Trong thập niên đầu tiên của thế kỷ 19, Đế nhất Đế chế Pháp dưới quyền Napoléon đã tham gia vào một loạt xung đột - những cuộc chiến tranh Napoléon - lôi kéo mọi cường quốc chính ở châu Âu tham gia. Sau một loạt thắng lợi, Pháp đạt được vị trí thống trị ở lục địa châu Âu, và Napoléon duy trì phạm vi ảnh hưởng của Pháp thông qua việc thành lập những mối đồng minh rộng lớn và tấn phong bạn bè, người thân cai trị các quốc gia châu Âu khác như những chư hầu của Pháp. Cuộc chiến kéo dài ở bán đảo Iberia và cuộc xâm lược nước Nga năm 1812 đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp quân sự của Napoléon. Quân đội chủ lực của Pháp, *Grande Armée*, bị tổn thất nặng nề trong chiến dịch và không bao giờ có thể khôi phục lại hoàn toàn. Năm 1813, Liên minh thứ sáu đã đánh bại quân đội của ông tại Leipzig, năm sau đó Liên minh xâm lược Pháp, buộc Napoléon phải thoái vị và đày ông đến đảo Elba. Chưa đầy một năm sau, ông thoát khỏi Elba và trở lại nắm quyền, nhưng đã bị đánh bại trong trận Waterloo vào tháng 6 năm 1815. Napoléon trải qua sáu năm cuối cùng của cuộc đời trong sự

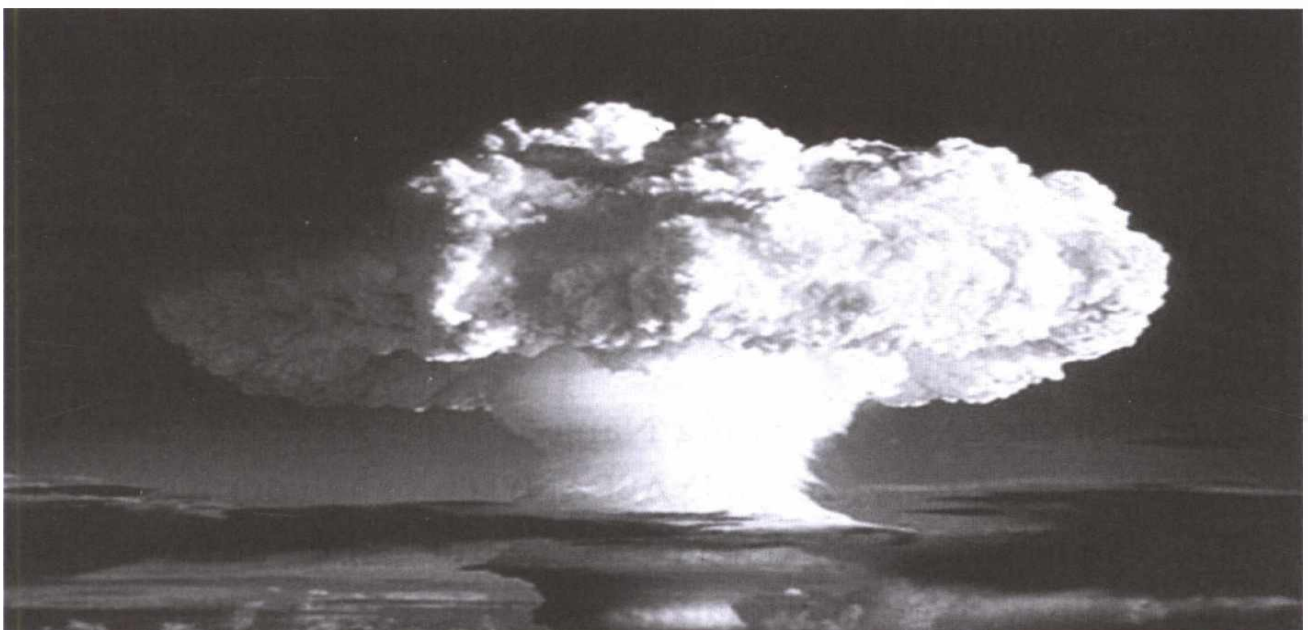
giam cầm của người Anh trên đảo Saint Helena. Cái chết của ông vào ngày 5-5-1821 đã gây ra nhiều tranh cãi về sau, chẳng hạn một số học giả cho rằng ông là nạn nhân của một vụ đầu độc bằng arsenic.





Tại sao lại có hai cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và lần thứ hai?

Chiến tranh thế giới thứ nhất, còn được gọi là Thế chiến thứ nhất, diễn ra từ tháng 8 năm 1914 đến tháng 11 năm 1918, là một trong những cuộc chiến tranh quyết liệt, quy mô to lớn nhất trong lịch sử nhân loại; về quy mô và sự khốc liệt nó chỉ đứng sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Đây là cuộc chiến giữa phe *Hiệp ước* (chủ yếu là Anh, Pháp, Nga, Ý và sau đó là Hoa Kỳ, Brasil) và phe *Liên minh* (chủ yếu là Đức, Thổ Ottoman, Áo-Hung và Bulgaria). Cuộc Đại chiến mở đầu với sự kiện Hoàng thái tử Áo-Hung bị ám sát, dẫn đến việc người Áo - Hung tuyên chiến với Serbia. Sự kiện này được nối tiếp bởi việc Hoàng đế Đức là Wilhelm II ra lệnh tấn công Bỉ, Luxembourg, và Pháp. Hơn 70 triệu quân nhân được huy động ra trận tiền, trong số đó có 60 triệu người Âu châu, đây là một trong những cuộc chiến tranh lớn nhất trong sử sách. Trong cuộc chiến tranh kinh hoàng này, Pháp là nước chịu tổn thất nặng nề hơn cả và hoàn toàn bị khánh kiệt, dẫn tới đại bại của họ trong các cuộc chiến tranh về sau. Tất cả những Đế quốc quân chủ đều sụp đổ trong cuộc chiến tranh này,





nó tạo điều kiện cho đảng Bolshevik lên nắm quyền tại nước Nga, và mở đường cho Adolf Hitler lên nắm quyền tại Đức. Không có một nước nào thật sự chiến thắng cuộc chiến tranh này. Sau chiến tranh, châu Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và những cao trào dân tộc chủ nghĩa trỗi dậy ở các nước bại trận.

Chiến tranh thế giới thứ hai hay Thế chiến thứ hai là cuộc chiến tranh thế giới thảm khốc bắt đầu từ năm 1939 và chấm dứt vào năm 1945 giữa các lực lượng Đồng minh và nhóm các nước theo chủ nghĩa phát xít. Hầu hết mọi lục địa trên thế giới đều bị ảnh hưởng của cuộc chiến này, ngoại trừ châu Nam Cực và Nam Mỹ. Nó là cuộc chiến rộng lớn và tai hại nhất trong lịch sử nhân loại. Các chiến sự đã xảy ra tại Đại Tây Dương, châu Âu, Bắc Phi, Trung Đông, Địa Trung Hải, Thái Bình Dương và phần lớn của Đông Á và Đông Nam Á. Cuộc chiến kết thúc tại châu Âu khi Đức đầu hàng vào ngày 8-5-1945 nhưng vẫn còn tiếp diễn tại châu Á cho đến khi Nhật đầu hàng vào ngày 2-9-1945. Trước đó, hai thành phố Hiroshima và Nagasaki đã bị tổng thống Mỹ H.S. Truman cho ném bom nguyên tử làm chết 200 nghìn dân. Khoảng 62 triệu người đã bị chết do Thế chiến hai, kể cả các hành động tàn sát diệt chủng của Đức quốc xã, có tới 60% người chết là thường dân. Thiệt hại nặng nhất là Liên Xô với 23 triệu người chết, Trung Quốc với 10 triệu người, Ba Lan với 5,6 triệu người chết.

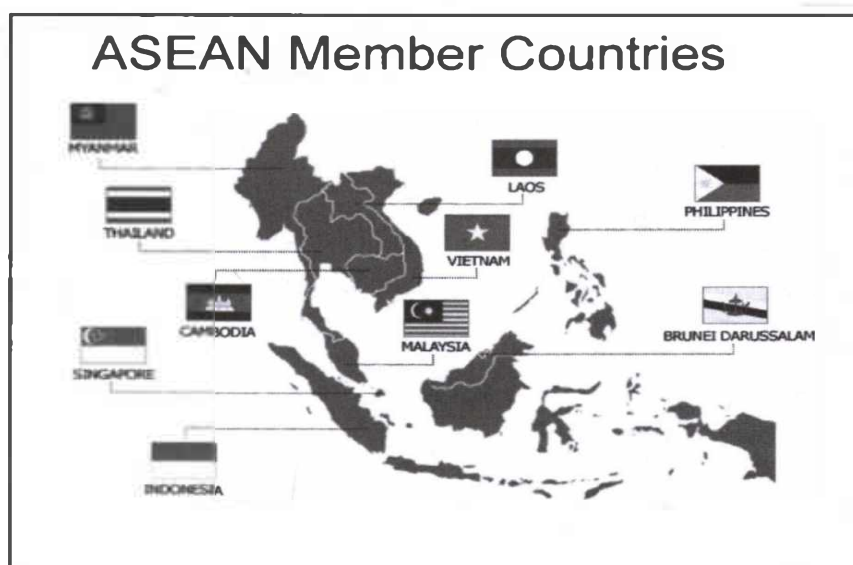


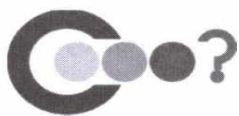
ASEAN gồm những nước nào và được thành lập từ bao giờ?

Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (tiếng Anh: *Association of Southeast Asian Nations*, viết tắt là ASEAN) là một liên minh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Tổ chức này được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1967 với các



thành viên đầu tiên là: Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore, và Philippines, để biểu hiện tinh thần đoàn kết giữa các nước trong cùng khu vực với nhau, đồng thời hợp tác chống tình trạng bạo động và bất ổn tại những nước thành viên. Sau Hội nghị Bali năm 1976, ASEAN xúc tiến chương trình cộng tác kinh tế, nhưng các nỗ lực đều đi đến bế tắc vào giữa thập niên 1980. Phải đợi đến năm 1991 khi Thái Lan đề xuất thành lập khu vực thương mại tự do thì khối mậu dịch ASEAN mới hình thành. Hàng năm, các nước thành viên đều luân phiên tổ chức các cuộc hội họp chính thức để tăng cường hợp tác. Hiện nay, tổ chức này gồm 10 quốc gia thành viên được liệt kê theo ngày gia nhập: Các quốc gia sáng lập (ngày 8 tháng 8 năm 1967): Cộng hòa Indonesia, Liên bang Malaysia, Cộng hòa Philippines, Cộng hòa Singapore, Vương quốc Thái Lan; Các quốc gia gia nhập sau: Vương quốc Brunei (ngày 8 tháng 1 năm 1984), Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (ngày 28 tháng 7 năm 1995), Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (ngày 23 tháng 7 năm 1997), Liên bang Myanma (ngày 23 tháng 7 năm 1997), Vương quốc Campuchia (ngày 30 tháng 4 năm 1999), Papua New Guinea là quan sát viên của ASEAN, Đông Timo là ứng cử viên của ASEAN. ASEAN có diện tích đất là 4,46 triệu km², chiếm 3% tổng diện tích đất của Trái đất, và dân số khoảng 600 triệu người, chiếm 8,8% dân số thế giới. Vùng biển của ASEAN lớn hơn so với đất liền ba lần.





Tại sao có thể nói người Hy Lạp cổ đại đã tạo ra một trong những nền văn minh vĩ đại nhất thế giới?

Văn minh của người Hy Lạp cổ đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến ngôn ngữ, chính trị, hệ thống giáo dục, triết học, khoa học, nghệ thuật, và kiến trúc của thế giới cận đại, thúc đẩy phong trào Phục hưng tại Tây Âu cũng như làm sống lại các phong trào tân Cổ điển tại châu Âu và châu Mỹ thế kỷ 18 và 19. Người Hy Lạp di chuyển về phía Nam, tới vùng đất ngày nay là Hy Lạp vào khoảng 4.000 năm trước. Người Minos là những người đầu tiên phát triển một nền văn minh lớn vào khoảng thế kỷ 20 trước Công nguyên trên đảo Crete. Nhưng hầu hết những thành tựu trong nghệ thuật, khoa học và chính trị được thực hiện vào Thời đại hoàng kim, đó là thời kỳ từ năm 477 đến năm 431 trước Công nguyên khi Athens trở thành bang cầm quyền. Người dân Hy Lạp cổ tin vào nhiều vị thần, những con người có sức mạnh siêu việt và bất tử. Họ xây đền để thờ các thần,

Swastikas in Ancient Greek Culture



Collected and presented by Minghui.org for free.



trong đền họ cúng thức ăn, rượu và có khi cả động vật sống. Họ trang trí đền đài, cung điện theo một phong cách mới với các phù điêu và tượng cẩm thạch. Âm nhạc, kịch, nhảy múa và thể thao được cử hành tại các lễ hội. Thi sĩ Homer (tác giả thiên anh hùng ca *Odyssey* và *Iliad*) là một trong rất nhiều nhà văn vĩ đại của Hy Lạp. Rất nhiều kịch tác gia và các nhà triết học nổi tiếng (Aeschylus, Euripides, Socrates, Plato, Aristotle...) và các nhà khoa học lớn (Pythagor, Archimede...) đã góp phần làm nên nét đặc sắc của nền văn minh Hy Lạp thời cổ đại - một trong những nền văn minh vĩ đại nhất thế giới.



Có phải 2/3 diện tích đất nước Hà Lan nằm thấp hơn mặt nước biển?

Đúng như vậy, Hà Lan là một trong những quốc gia trên thế giới có mật độ dân số cao và nằm thấp nhất so với mực nước biển. Hà Lan có khoảng 27% diện tích và 60% dân số nằm ở khu vực có độ cao dưới mực nước biển. Nhiều phần của Hà Lan như gần toàn bộ tỉnh Flevoland được tạo thành do lấn biển chiếm đất với khoảng 18,41% diện tích là nước. Trong đó phần lớn nhất là IJsselmeer, ngày xưa nguyên





là một vịnh của biển Bắc, đã được ngăn bằng một con đập dài 29km vào năm 1932 để lấy đất. Các con sông quan trọng nhất của Hà Lan là sông Rhein, sông Waal và sông Maas. Hà Lan nổi tiếng với các con đê, cối xay gió, giày gỗ, hoa tulip và sự đa dạng về xã hội. Quốc gia này là nơi đặt trụ sở của Tòa án Quốc tế vì Công lý. Amsterdam là thủ đô chính thức được công nhận trong hiến pháp. Den Haag (hay còn gọi là *La Haye* theo tiếng Pháp) là thủ đô hành chính (nơi hội họp của chính phủ), nơi ở của Nữ hoàng, và là nơi đặt trụ sở của nhiều đại sứ quán, của Tòa án quốc tế. Hà Lan đứng thứ năm trong danh sách năm 2004 về đánh giá các quốc gia theo tiêu chuẩn mức sống, sau Na Uy, Thụy Điển, Úc và Canada. Hai nước Bỉ và Luxembua (Luxembourg) từng là một phần của nước Hà Lan mãi cho tới thế kỷ 16.



Tại sao nước Ý được coi là trung tâm của nền văn minh châu Âu trong nhiều thế kỷ?

Nước Ý (Italia), nằm ở phía Nam châu Âu với những công trình kiến trúc mang dáng dấp của một vương quốc La Mã cổ xưa huyền thoại, là điểm đến mơ ước của nhiều du khách. Italia từng là nơi xuất phát của nhiều nền văn hóa châu Âu, như Etruscan và La Mã, và sau này cũng là nơi sản sinh ra phong trào Phục hưng Italia. Thủ đô Roma của Italia từng là trung tâm của nền Văn minh phương Tây, và là trung tâm của Giáo hội Công giáo La Mã. Không một quốc gia nào trên thế giới để lại cho nhân loại nhiều biểu tượng văn hóa, ngành công nghiệp ô tô hàng đầu, kiến trúc, thời trang, các vở opera kinh điển, hội họa, điêu khắc và ẩm thực như nước Italia. Mãi đến năm 1861, Italia mới trở thành một nước thống nhất từ nhiều lãnh thổ tự



trị và điều này đã hình thành nên các truyền thống và tập tục đặc trưng từng vùng, làm nên bản sắc văn hóa Italia ngày nay. Ngược lại với sự cô lập chính trị và xã hội của các vùng này, Italia vẫn có những đóng góp đáng kể vào di sản văn hóa và lịch sử của châu Âu và thế giới. Hiện nay Italia được coi là nơi lưu giữ nhiều công trình di sản văn hóa thế giới bậc nhất. Văn hóa của Italia có dấu ấn

trong các di tích cổ và tàn tích lịch sử, phản ánh tinh thần giác ngộ và sự sang trọng. Kể từ khi ra đời, đất nước này đã đóng góp nhiều cho sự tiến bộ của nền văn hóa thế giới. Những người Italia, chuyên gia trong tất cả các lĩnh vực văn hóa như văn học, âm nhạc, kiến trúc và điêu khắc là các tác giả của những kiệt tác trong từng lĩnh vực tương ứng. Nước Italia hiện có diện tích 301.230km² với dân số trên 58,13 triệu người, thủ đô của Italia là Rome.

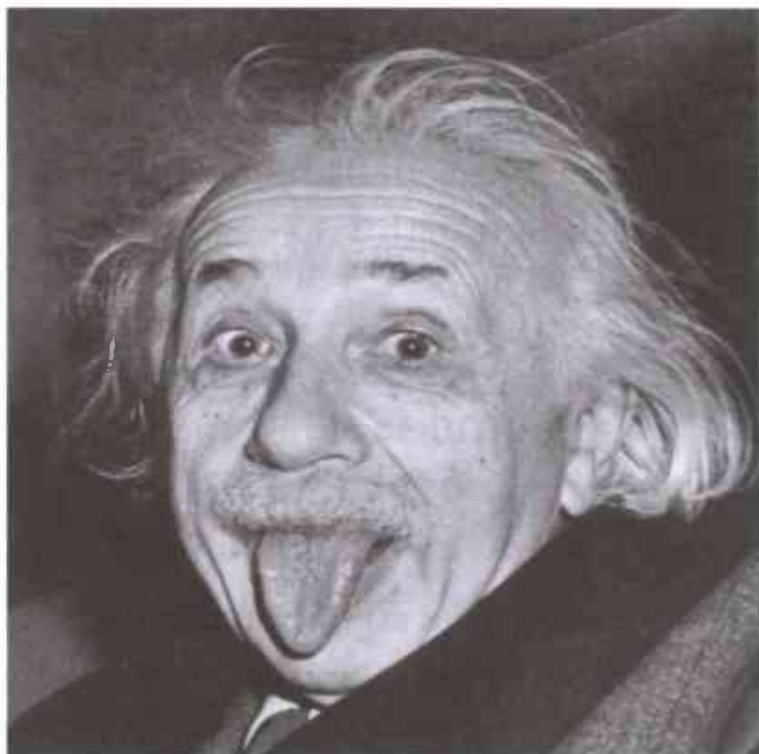


Tại sao dân tộc Do Thái được cho là thông minh nhất thế giới?

Người Do Thái có tổ quốc là Israel. Đây là một đất nước quá nhỏ bé với diện tích có 20.770km² (Việt Nam có diện tích 331.210km²), dân số quá ít với 7.233 triệu người (Việt Nam có trên 90 triệu người).



Đặc biệt lại là một nước Trung Đông với khí hậu sa mạc nóng và khô, diện tích đất canh tác chỉ chiếm có 13,68%, lượng nước ngọt dành cho nông nghiệp chỉ khoảng 5% (Việt Nam là 95%). Vậy mà thật khó hiểu khi GDP/PPP tính theo đầu người của họ là 33.900 USD (Việt Nam: 3.800 USD). Họ làm gì để giàu có? Chính là nhờ trí tuệ Do Thái. Họ không những đủ trình độ xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao như thiết bị tin học, hàng không, điện tử y tế, sợi thủy tinh, hóa chất, chất dẻo, kim cương cắt gọt... mà về nông nghiệp không chỉ thừa ăn vẫn còn có vô số thứ xuất khẩu (thịt, sữa, bông, chanh, phân lân và kali...). Các thể hệ ở Israel có được trí tuệ rất cao, bình quân cứ 1 triệu người có được tới 74 phát minh. Tại sao lại như vậy? Một phần rất lớn là cách giáo dục cho trẻ em rất đặc biệt. Trẻ em Do Thái được giáo dục ngay từ khi còn nằm trong bụng mẹ; được mẹ dạy chữ và dạy toán dưới nhiều cách thức ngay từ 3 tuổi; cha mẹ hướng dẫn con có ý chí muốn giàu có từ khi còn nhỏ, tuy nhiên phải kiếm tiền bằng sức sáng tạo, bằng trí tuệ, bằng những giải pháp độc đáo. Sự thông minh cùng với trí tuệ uyên bác đã tạo ra nền văn minh Do Thái. Tuy dân số chỉ chiếm có 0,19% dân số nhân loại nhưng trên 17% những nhà khoa học hàng đầu trên thế giới có nguồn gốc Do Thái. Khi Albert Einstein được đề nghị làm Tổng thống Israel vào năm 1921 ông đã trả lời: “Đối với tôi các phương trình quan trọng



hơn, bởi vì chính trị chỉ là cho hiện tại, còn các phương trình là để cho muôn đời". Một dân tộc bị phát xít Đức sát hại đã hơn 6 triệu người (2/3 dân số) mà nhanh chóng trở thành "một dân tộc thần kỳ" được cả thế giới ca ngợi. Người Do Thái cho rằng mỗi đồng tiền dù nhỏ cũng biến thành đám nô lệ làm việc và con cháu của đám nô lệ này cũng sẽ làm việc cho bạn khiến cho bạn trở nên giàu có. Học hỏi là việc không có giới hạn với người Do Thái, khi tiền đẻ ra tiền con người sẽ trở nên giàu có và xã hội phải công nhận sự giàu có của họ. Người Do Thái nhận thấy thay vì bố thí cho người nghèo thì hãy làm một cái gì đó để xã hội không xuất hiện người nghèo.



Có phải trong lăng mộ của Tần Thủy Hoàng tìm thấy hàng nghìn binh lính bằng đất nung?

Năm 1974, một phần hầm mộ Tần Thủy Hoàng được khai quật. Đầu tiên là *đường hầm Binh mã dũng số 1*. Các nhà khảo cổ ước lượng có đến 8.000 tượng làm bằng đất sét gồm có quan văn, quan võ, binh lính và ngựa là những người thân cận và trung thần với Tần Thủy Hoàng. Năm 1994 tiếp tục khai quật *đường hầm số 2*. Đây được coi là "tinh hoa trong tinh hoa" của Binh mã dũng, chứa đựng trận thế kị binh và các cung thủ với các tư thế bắn tạo hình phong phú, tính nghệ thuật cao. Tuy nhiên việc khai quật lăng mộ gặp rất nhiều khó khăn: Phải vượt qua lớp thủy ngân bao bọc (nồng độ cực kỳ lớn, gấp 280 lần so với mức bình thường), phải di chuyển một khối lượng đất khổng lồ, mực nước ngầm dưới lòng đất khá cao. Quan trọng nhất là việc bảo quản các văn vật được đào lên. Các tượng binh mã khi vừa đào lên thì có màu sắc riêng biệt, sau thời gian đều bị phai nhạt hết. Vì vậy bảo quản bằng phương pháp "đông khô" để tránh nứt,





Một phần của bộ sưu tập tượng đất sét nung trong mộ

vỡ, phai màu. Hiện vật đào lên được đưa ngay vào hầm lạnh -40°C để tạo lớp băng mỏng bao bọc, sau đó bảo quản lâu dài trong kho chứa. Trước khi khai quật không quên dựng một nhà bảo quản khổng lồ bao toàn bộ khu lăng mộ. Vì vậy muốn khai quật toàn bộ khu lăng mộ thì phải tốn hàng trăm triệu USD. Cuộc khai quật được tiến hành trong nhiều năm và những hiện vật phát hiện được là những tư liệu quý về lịch sử Trung Quốc thời Tần Thủy Hoàng.

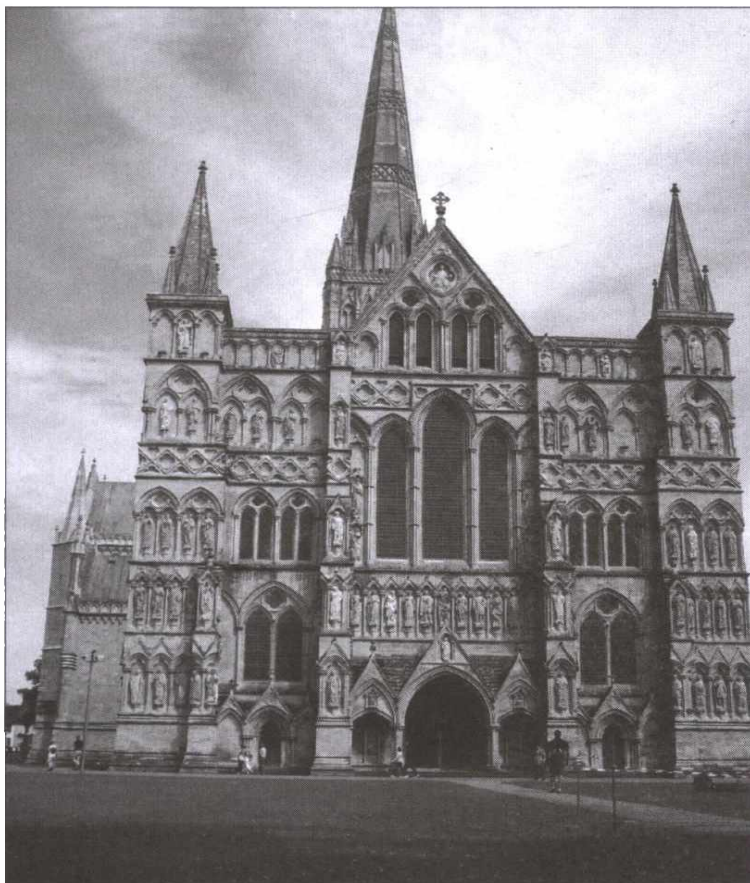


Thế nào là kiến trúc Gò-tích?

Kiến trúc Gò-tích (Gothic) là một phong cách kiến trúc bắt đầu phát triển từ nửa sau thời Trung cổ ở Tây Âu. Kiến trúc Gothic ra đời sau thời kỳ kiến trúc Roma, được thể hiện rõ rệt nhất và đẹp nhất trong



các cung điện, các nhà thờ lớn, trong các thánh đường và một số các công trình dân dụng bắt đầu từ sau năm 1200. Nhiều mẫu kiến trúc nhà thờ còn lại đến ngày nay mà trong số chúng, ngay những công trình nhỏ nhất cũng mang vẻ đẹp đặc trưng vì không có hai công trình kiến trúc Gothic nào lại giống hệt nhau, dù đều có đặc điểm “nhận dạng” phổ biến nhất là các mái vòm vuốt nhọn (hình cung nhọn).



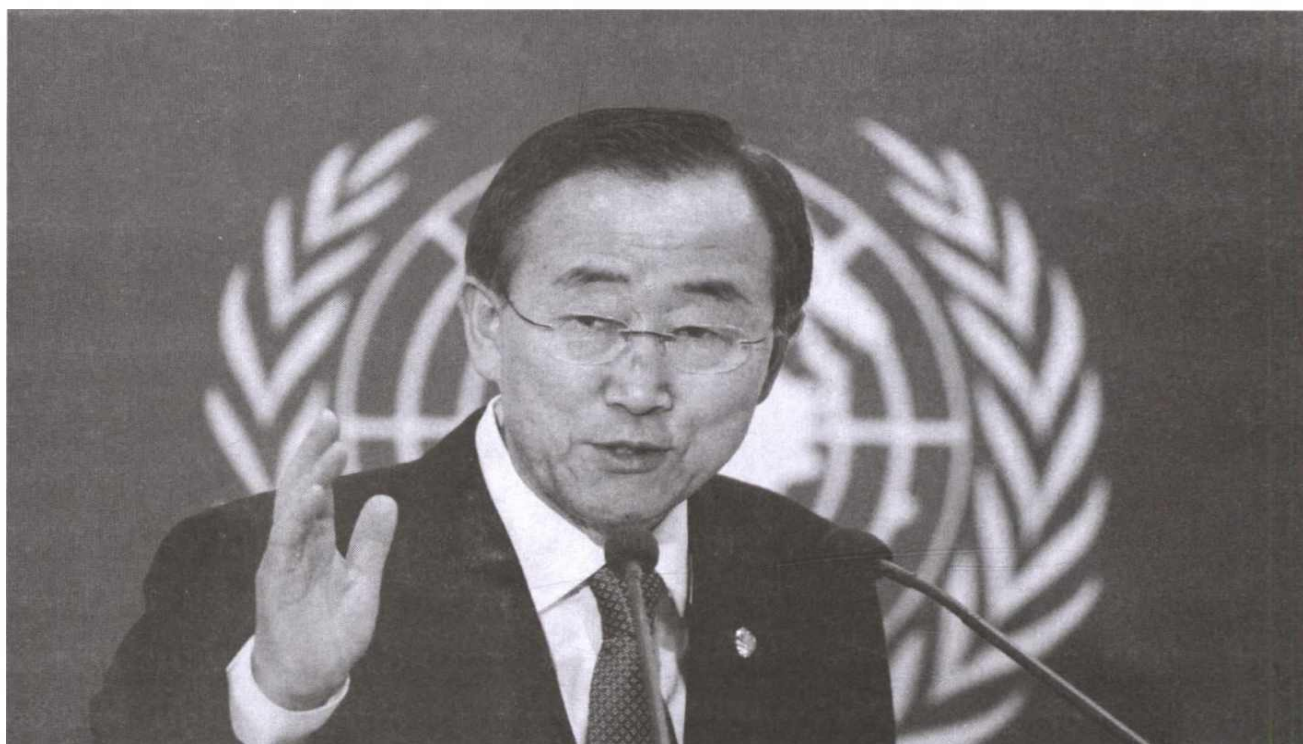
Rất nhiều những công trình lớn là những kiệt tác kiến trúc vô giá được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Thời kỳ hưng thịnh của kiến trúc Gothic từ giữa thế kỷ 12 ở Anh và lan rộng khắp châu Âu trong suốt thế kỷ 13, sau đó vẫn ảnh hưởng rất mạnh trong các kiến trúc về nhà thờ và trường đại học cho đến tận thế kỷ 15.



Tổ chức Liên hiệp quốc được hình thành từ bao giờ và có nhiệm vụ gì?

Liên hiệp quốc là một tổ chức quốc tế có mục đích duy trì hòa bình và an ninh trên thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân





tộc. Tiền thân của Liên hiệp quốc là Hội quốc liên, vốn là một sáng kiến của tổng thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Dù Hội đạt được một số thành tựu đáng kể trong công cuộc giải phóng phụ nữ cũng như những hoạt động nhân đạo nhưng chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và buộc Hội quốc liên phải giải tán. Sau Thế chiến thứ hai, các nước khối Đồng minh và nhân dân thế giới có nguyện vọng giữ gìn hòa bình và ngăn chặn các cuộc chiến tranh thế giới mới. Tại Hội nghị Yalta, nguyên thủ ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh đã thống nhất thành lập tổ chức quốc tế để giữ gìn hòa bình và an ninh thế giới. Từ 25 tháng 4 đến 26 tháng 6 năm 1945, đại diện của 50 quốc gia đã họp tại San Francisco, California, Hoa Kỳ để thông qua Hiến chương Liên hiệp quốc. Ngày 24 tháng 10 năm 1945, Liên hiệp quốc chính thức được thành lập. Tuy vậy, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đầu tiên, tham dự bởi 51 nước, không được tổ chức cho mãi đến ngày 10 tháng 1 năm 1946. Hiện nay, Liên hiệp quốc có 193 nước thành viên, bao gồm hầu hết các quốc gia có chủ quyền trên Trái đất. Liên hiệp quốc sử dụng 6 ngôn



ngữ chính thức: Tiếng Ả Rập, tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Trung. Trụ sở trong lãnh phận quốc tế tại thành phố New York, Liên hiệp quốc và các cơ quan chuyên môn của nó quyết định các vấn đề về điều hành và luật lệ. Theo hiến chương Liên hiệp quốc thì tổ chức này gồm 6 cơ quan chính, chủ yếu gồm: Đại hội đồng, Hội đồng Bảo An, Hội đồng kinh tế và xã hội, Ban thư kí, Tòa án Quốc tế vì Công lý, Hội đồng Ủy trị Liên hiệp quốc. Ngoài ra, một số tổ chức tiền hành quản lý các cơ quan của Hệ thống Liên hiệp quốc, ví dụ như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Nhân vật đại diện tiêu biểu nhất của Liên hiệp quốc là Tổng thư kí, đương nhiệm là Ban Ki-moon, người Hàn Quốc. Kinh phí hoạt động của Liên hiệp quốc được hình thành bằng tài trợ đóng góp tự nguyện và nguồn niên liễm (hội phí hàng năm) có kiểm soát từ các nước thành viên.



Luật pháp xuất hiện từ bao giờ?

Luật pháp là những quy định buộc mọi người phải tuân theo trong đời sống. Khoảng 4.000 năm trước, ở Babylon cổ đại, vua Hammurabi đã ban bố một danh mục các luật xử lý những việc như ăn cắp chẳng hạn. Luật pháp của người Do Thái ngày xưa dựa vào Mười điều răn của Chúa Trời. Người Hy Lạp xưa kia đã thiết lập ra nền dân chủ, trong đó mọi người dân đều góp sức làm luật. Người La Mã đã để lại hầu hết các loại





luật mà ngày nay vẫn có giá trị. Hoàng đế Justinian I của đế quốc Byzantine, đã soạn ra Bộ luật Dân sự nổi tiếng vào năm 529. Năm 1215 vua John nước Anh đã ký bản Đại hiến chương - một thỏa thuận cai trị theo luật pháp. Về sau Nghị viện bắt đầu làm luật thay vua. Năm 1804 Hoàng đế Napoleon I của Pháp đưa ra bộ luật Napoleon và đến nay vẫn là cơ sở cho nhiều bộ luật của nước Pháp. Các nhánh luật chính hiện nay gồm có Luật Hình sự, Luật Gia đình, Luật Công ty, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Tài sản, Luật Quốc tế... Theo nguyên tắc dân chủ, luật pháp được Chính phủ đề xuất cho ngành lập pháp thông qua, còn cảnh sát và Tòa án yêu cầu mọi người phải tuân theo. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của quốc gia, chế định những nguyên tắc về thể chế chính trị, những quyền cơ bản của công dân, v.v.



Quốc gia nào mà có hai phần cách nhau tới 650km?

Đó là Malaysia, một quốc gia phát triển nhanh ở Đông Nam Á, gồm 13 bang và ba lãnh thổ liên bang với tổng diện tích đất là 329.847km². Malaysia bị tách làm hai phần qua biển Đông: Malaysia bán đảo và Borneo thuộc Malaysia. Malaysia có biên giới trên bộ với Thái Lan, Indonesia, và Brunei, trong khi có biên giới trên biển với Singapore, Việt Nam, và Philippines. Thành phố thủ đô là Kuala Lumpur, song nơi đặt trụ sở của chính phủ liên bang là Putrajaya. Năm 2010, dân số Malaysia là 28,33 triệu người, trong đó 22,6 triệu người sinh sống tại phần bán đảo. Malaysia có điểm cực nam của đại lục Á-Âu là Tanjung Piai. Malaysia là một quốc gia nhiệt đới, là một trong 17 quốc gia đa dạng sinh học siêu cấp trên Trái đất, với nhiều loài đặc hữu. Đây là quốc gia sản xuất dầu cọ lớn nhất thế giới, cũng đang dần trở





thành một cường quốc công nghiệp sản xuất các cấu kiện cho ngành công nghiệp điện tử, dệt may, xi măng, ô tô và lốp xe... Malaysia có công trình tháp đôi Petronas, một tháp đôi cao nhất thế giới.



Nước nào choán hết biên giới phía Nam của Hoa Kỳ?

Đó là nước Mexico, một quốc gia rộng lớn với diện tích gần 2 triệu km², đứng hàng thứ 14 trên thế giới và dân số hơn 111,2 triệu người, đứng hàng thứ 11 trên thế giới. Nước này giáp với Hoa Kỳ về phía Bắc, giáp với Guatemala và Belize về phía Đông Nam, giáp với Thái Bình Dương về phía Tây và Tây Nam, giáp với vịnh Mexico về phía Đông. Liên bang Mexico là quốc gia theo thể chế cộng hòa liên bang. Nước này có tổng cộng 31 bang và 1 quận thuộc liên bang là thủ đô Mexico, một trong những khu đô thị đông dân cư nhất trên thế giới. Mexico là một đất nước có thiên nhiên đa dạng và nền văn hóa vô cùng đặc sắc, mang ảnh hưởng



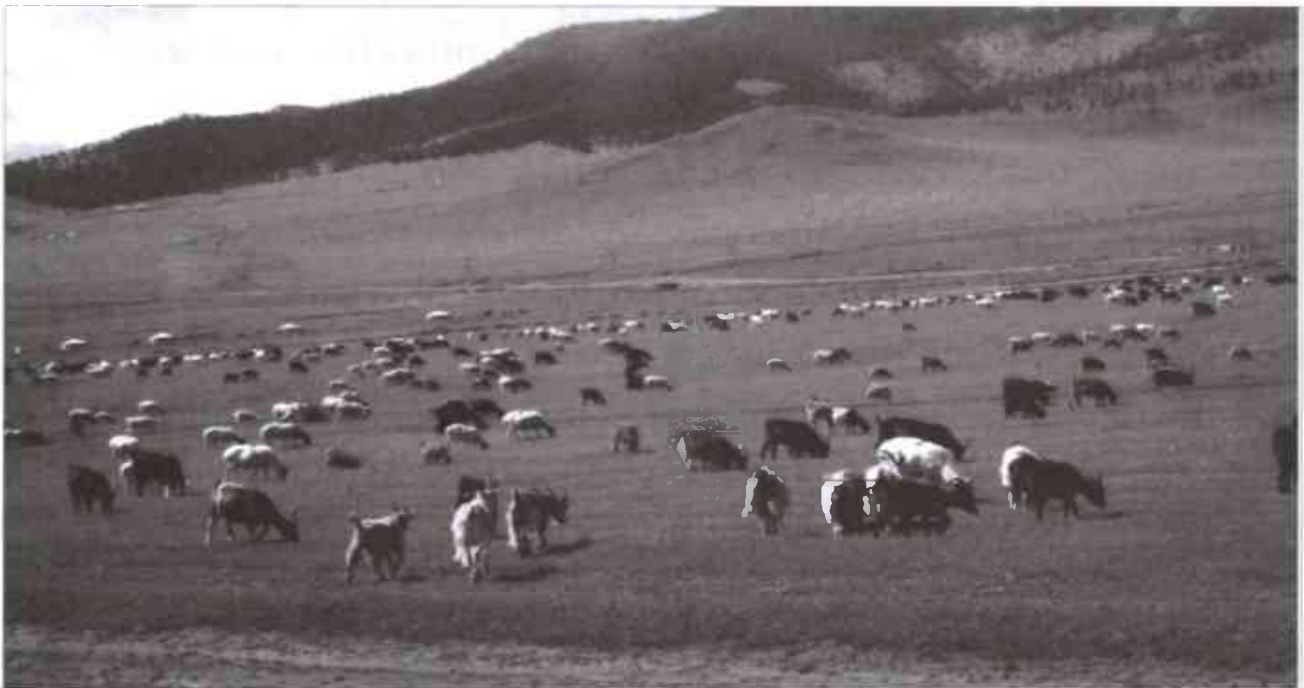
của cả nền văn hóa bản địa truyền thống và văn hóa Tây Ban Nha. Mexico có khoảng 170.000km² được coi là khu vực bảo tồn tự nhiên, trong đó bao gồm 34 khu dự trữ sinh quyển, 64 công viên quốc gia cùng nhiều khu vực bảo vệ các loài thực vật và động vật quý hiếm khác. Nước này có số lượng người nói tiếng Tây Ban Nha cao nhất trên thế giới và tôn giáo chủ yếu tại đây là Công giáo Roma. Núi Orizaba cao 5.700m là một ngọn núi lửa đang ngủ. Khoảng 70% lãnh thổ Mexico có lượng mưa hầu như không đáng kể, tuy vậy miền Nam Mexico (đặc biệt là những vùng đồng bằng duyên hải như bán đảo Yucatan) thì lượng mưa thường đạt trên 2.000mm/năm. Thủ đô là Mexico City được xây dựng từ năm 1325 trên vị trí của thành cổ Aztec. Mexico xuất khẩu bạc, dầu khí, khí đốt...





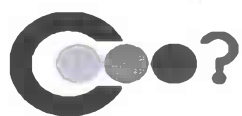
Tại sao Mông Cổ có lúc đã là đế quốc có lãnh thổ liền nhau lớn nhất trong lịch sử loài người?

Đây là đế quốc cuối cùng đã trải dài từ Đông Âu đến biển Nhật Bản, bao gồm nhiều phần rộng lớn của Siberi ở phía Bắc và khuếch trương về phía Nam đến Đông Nam Á, tiểu lục địa Ấn Độ, cao nguyên Iran, và Trung Đông. Ở thời điểm tối cường, đế quốc Mông Cổ trải dài 9.700km, diện tích lãnh thổ lên tới 24.000.000km², tương đương 16% diện tích đất liền của Trái đất, và thống trị 100 triệu thần dân. Vào năm 1206, đế quốc Mông Cổ được xây dựng bởi Thành Cát Tư Hãn. Đế quốc phát triển nhanh chóng dưới quyền cai trị của ông cùng các hậu duệ, họ đã tiến hành các cuộc xâm lược theo mọi hướng. Đế quốc liên lục địa rộng lớn này đã kết nối phương Đông và phương Tây với việc thi hành *hòa bình kiểu Mông Cổ*, cho phép mậu dịch, công nghệ, hàng hóa, ý thức hệ trở nên phổ biến và được trao đổi khắp lục địa Á-Âu. Đế quốc Mông Cổ tan rã đầu những năm 1400. Ngày nay Mông Cổ là một quốc gia Trung Á giáp với Liên bang





Nga về phía Bắc và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về phía Nam, phía Đông và phía Tây. Dù không có biên giới chung với Kazakhstan nhưng điểm cực Tây của Mông Cổ chỉ cách điểm cực Đông của Kazakhstan 38km (24 dặm). Đây là quốc gia có diện tích lớn thứ 19 trên thế giới đồng thời là quốc gia không giáp biển có diện tích lớn thứ nhì, sau Kazakhstan. Với một diện tích rộng lớn nhưng dân số chỉ khoảng 3 triệu người (2007), Mông Cổ trở thành nước có mật độ dân cư thấp nhất hành tinh. Phần lớn đất đai Mông Cổ không thể trồng trọt được, chủ yếu là thảo nguyên, đồi núi và sa mạc. Thủ đô và thành phố lớn nhất của Mông Cổ là Ulan Bator, là nơi sinh sống của gần 38% dân số.



Rừng mưa Amazon thuộc về châu lục nào?

Rừng mưa Amazon hay rừng nhiệt đới Amazon, gọi tắt là Rừng Amazon, là một khu rừng lá rộng đất ẩm ở lưu vực Amazon của Nam Mỹ. Khu vực này, được gọi là Amazonia hoặc Lưu vực Amazon bao gồm diện tích 7 triệu km², trong đó rừng mưa chiếm 5,5 triệu km². Khu vực này nằm trong lãnh thổ của 9 quốc gia, chủ yếu là Brasil (với 60% rừng mưa), Peru (13 %), và phần còn lại thuộc Colombia, Venezuela, Ecuador, Guyana Bolivia, Surinam và Guyana thuộc Pháp. Các bang hoặc tỉnh của 4 quốc gia được đặt tên Amazonas theo tên khu rừng này. Rừng mưa Amazon chiếm hơn 50% rừng mưa còn lại của Trái đất và bao gồm một dải rừng mưa nhiệt đới lớn nhất, phong phú nhất về loài trên thế giới. Rừng mưa Amazon là một khu bảo tồn thiên nhiên trên thế giới. Đó là khu dự trữ sinh quyển cho loài người. Chính vì vậy sự bảo tồn các loài động vật quý hiếm và các loại tài nguyên, nhất là nguồn tài nguyên sinh vật tại khu vực này là nhằm





bảo vệ sự tồn tại và phát triển của thế giới loài người. Cũng nên biết thêm Nam Mỹ là lục địa lớn thứ tư với diện tích là trên 17,8 triệu km² với dân số trên 392,6 triệu người gồm 12 quốc gia khác nhau.



Nước nào có kiểu chào cọ mũi vào nhau?

Đó là kiểu chào Hongi của người Maori, thổ dân ở New Zealand - một quốc gia gồm hai đảo lớn nằm ở Thái Bình Dương, cách Australia 1.900km về phía Đông Nam. Hongi là lời chào truyền thống được thực hiện bằng cách cọ mũi và chạm trán nhau tại một cuộc gặp gỡ. Nó tương tự như cái bắt tay chính thức trong văn hóa phương Tây hiện đại. Ban đầu người Maori từ Polynesia đến New Zealand định cư vào khoảng năm 900, hiện nay họ chiếm khoảng 1/8 dân số nước này. New Zealand có tổng diện tích là 268.680km² với dân số trên 4,2 triệu dân, nói tiếng Anh và là một nước phát triển





Công nương Anh cò mui với ông Lewis Moera - lãnh đạo thổ dân Maori

với 4/5 dân cư sống ở thành thị, có khá nhiều sinh viên và nghiên cứu sinh sang du học tại New Zealand. Từ năm 1907 New Zealand giành được độc lập từ tay thực dân Anh.

Công nương Catherine xứ Cambridge đón nhận “Hongi” từ ông Lewis Moera, lãnh đạo thổ dân Maori.



Nước Nga có phải là quốc gia rộng lớn nhất thế giới?

Liên bang Nga có diện tích 17.075.400km², là nước có diện tích lớn nhất thế giới, bao phủ hơn một phần chín diện tích lục địa Trái đất. Nga cũng là nước đông dân thứ chín thế giới với 142 triệu người. Nước Nga giáp biên giới với các quốc gia Na Uy, Phần Lan, Estonia, Latvia, Litva, Ba Lan, Belarus, Ukraina, Gruzia, Azerbaijan, Kazakhstan, Trung Quốc, Mông Cổ, và Bắc Triều Tiên. Nước Nga cũng có biên





giới biển với Nhật Bản (qua Biển Okhotsk) và Hoa Kỳ (qua Eo biển Bering). Nước Nga kéo dài toàn bộ phần phía Bắc châu Á và 40% châu Âu, bao gồm 11 múi giờ và sở hữu nhiều loại môi trường và địa hình. Nga có trữ lượng khoáng sản và năng lượng lớn nhất thế giới, và được coi là một siêu cường năng lượng. Nước này có trữ lượng rừng lớn nhất thế giới và các hồ của Nga chứa xấp xỉ một phần tư lượng nước ngọt không đóng băng của thế giới. Liên bang Nga được thành lập sau sự giải tán Liên Xô năm 1991. Nga có nền kinh tế đứng thứ tám hoặc thứ chín theo GDP danh nghĩa hay đứng thứ sáu theo sức mua tương đương. Đây là một trong năm nhà nước sở hữu vũ khí hạt nhân được công nhận và sở hữu kho vũ khí hủy diệt hàng loạt lớn nhất thế giới. Nga là một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, một thành viên của G8, G20, APEC, SCO và EurAsEC, và là một thành viên lãnh đạo của Cộng đồng các quốc gia độc lập.





Ngôn ngữ khác thế nào với lời nói. Esperanto có phải ngôn ngữ chung cho tất cả mọi người trên thế giới?

Ngôn ngữ là công cụ người ta dùng để biểu đạt ý nghĩa và tình cảm của mình đối với người khác, qua đó để người ta hiểu nhau. Ngôn ngữ là cách con người giao tiếp với nhau, thông qua lời nói hoặc chữ viết hay các ngôn ngữ ký hiệu (với người câm điếc). Nói cách khác, ngôn ngữ có thể cấu tạo bởi hình thức biểu ý, cũng tức là âm thanh (tiếng nói), nét mặt, hoặc là điệu bộ bằng tay, hoặc động tác cụ thể. Nó cũng có thể là thể tổng hợp của tất cả những cái đó. Theo đà phát triển của văn minh, con người bắt đầu sống trong những quần thể cộng đồng lớn, cuộc sống trở nên phức tạp hơn, tri thức nắm được cũng ngày một nhiều hơn, mà ngôn ngữ cũng trở nên phức tạp và phát triển mạnh mẽ. Đến nay, chúng ta chưa thực sự hiểu được ngôn ngữ bắt đầu như thế nào. Có người cho rằng ngôn ngữ bắt đầu từ việc người ta gọi nhau một cách tự nhiên, người ta dùng nó để diễn đạt sự kinh ngạc, vui hoặc buồn của mình. Cũng có người cho rằng, ngôn ngữ bắt đầu từ việc người ta bắt chước những âm thanh trong thiên nhiên. Có thể là mỗi nhận định kể trên đều là một phần của nguồn gốc ngôn ngữ, nhưng



Ludwik Lejzer Zamenhof



nhận định nào chiếm một tỷ lệ bao nhiêu thì ta chưa biết. Chúng ta chỉ biết rằng, tất cả mọi ngôn ngữ mà loài người trên thế giới sử dụng đều có thể truy tìm về cùng một nguồn gốc chung: Một ngôn ngữ ban đầu, từ đó đẻ ra nhiều ngôn ngữ khác. Hiện nay có khoảng 4.000-5.000 ngôn ngữ trên thế giới. Ngôn ngữ được nhiều người sử dụng nhất là tiếng Hoa, rồi đến tiếng Anh. Riêng Ấn Độ đã có tới 845 ngôn ngữ khác nhau. Năm 1887 nhà khoa học Ludwik Lejzer Zamenhof, người Ba Lan, đã sáng tạo ra Quốc tế ngữ (Esperanto) nhằm mục tiêu để học nhất để các nước có thể dùng chung trong giao tiếp, trao đổi văn hóa. Tuy nhiên sau hơn 100 năm hình thành và phát triển, tại thời điểm điều tra năm 1996, số người sử dụng Quốc tế ngữ như thứ tiếng thứ nhất chỉ là khoảng từ 200 tới 2.000 người. Có khoảng 2 triệu người khác trải khắp 115 quốc gia và vùng lãnh thổ sử dụng ngôn ngữ này như ngôn ngữ thứ hai của mình.



Tại sao lại gọi Điện ảnh là Nghệ thuật thứ bảy?

Ricciotto Canudo (1879 - 1923) là người đầu tiên dùng cụm từ “Nghệ thuật thứ bảy”. Ông là người Pháp gốc Ý, là nhà văn, nhà thơ, nhà biên kịch, nhà điện ảnh, nhà nghiên cứu văn học và nghệ thuật. Cụm từ “Nghệ thuật thứ bảy” được ông dùng không phải để đặt tên cho điện ảnh mà dùng nó khi viết về điện ảnh trong quá trình nghiên cứu tính chất và mối quan hệ của các loại hình nghệ thuật. Nhà nghiên cứu nghệ thuật người Đức Max Dessoir (1867 - 1947) phát hiện ra là vào thời “hậu Aristote” người ta đã tách ra 6 loại hình nghệ thuật và căn cứ vào tính chất của chúng xếp thành hai nhóm: 1/ Nhóm nghệ thuật tĩnh gồm có: Kiến trúc, Điêu khắc và Hội họa. 2/ Nhóm nghệ thuật động gồm có: Âm nhạc, Thơ và Múa. Điện





ảnh sau khi ra đời, nhờ sự tìm tòi sáng tạo của các nghệ sĩ, đã dần dần vươn tới tầm cỡ một nghệ thuật. Các nhà trí thức, các nghệ sĩ, các nhà lý luận rất ủng hộ xu hướng này và bằng những phân tích lý luận sâu sắc tác động mạnh vào quá trình hoàn thiện nghệ thuật điện ảnh. Trong *"Tuyên ngôn của bảy nghệ thuật"*, sau khi phân tích tính chất của 6 nghệ thuật ở hai nhóm trên,

ông dành vị trí thứ bảy cho điện ảnh mà ông gọi là "Nghệ thuật tổng thể". Theo R. Canudo thì điện ảnh tổng hợp các tính chất của 6 nghệ thuật trên. Tức là điện ảnh vừa là nghệ thuật không gian lại vừa là nghệ thuật thời gian; vừa là nghệ thuật tĩnh lại vừa là nghệ thuật động; vừa là nghệ thuật tạo hình lại vừa là nghệ thuật tiết tấu.



Thế nào là khuynh hướng Nhiếp ảnh siêu thực ngoại cỡ?

Jean-François Rauzier, một nhiếp ảnh gia sống tại thủ đô Paris (Pháp) đã đưa đến cho người xem những hình ảnh về một thế giới tưởng tượng vô tận bằng cách ghép những bức ảnh chụp đời thực. Điểm đặc biệt là những bức ảnh này của ông đều được ghép thủ





công bằng tay. Nhiếp ảnh gia Jean-François Rauzier bắt đầu sự nghiệp chụp ảnh thời trang vào những năm 1970. Tuy nhiên, khi thời đại kỹ thuật số “bùng nổ”, Jean-François Rauzier đã tạo ra những bức ảnh “ngoại cỡ” cho thấy một thế giới tưởng tượng dường như mở rộng ra vô tận bằng cách ghép những bức ảnh thực tế lại với nhau. Khi những bức ảnh này được in ra, chúng có khổ lớn bằng hai chiếc xe bus cộng lại. Đầu tiên, Rauzier dành một đến hai tiếng để chụp một cảnh cụ thể từ mọi góc độ và chụp lại mọi chi tiết nhỏ giống như một chiếc máy quét. Sau đó, ở trong phòng tối kỹ thuật số công việc thực sự bắt đầu với photoshop, kéo dài, uốn cong... Mỗi tác phẩm cuối cùng của Rauzier bao gồm hàng trăm hoặc hàng ngàn những bức ảnh nhỏ được pha trộn liền mạch hoàn toàn trong một địa điểm siêu thực tuyệt đẹp.



Có phải họa sĩ Picasso là người sáng lập trường phái Lập thể trong hội họa và điêu khắc?

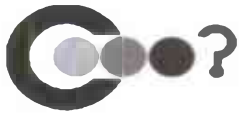
Pablo Ruiz Picasso (25/10/1881- 8/4/1973), thường được biết tới với tên Pablo Picasso là một họa sĩ và nhà điêu khắc người Tây Ban Nha. Ông cùng với Georges Braque là hai người sáng lập trường phái Lập



thể trong hội họa và điêu khắc. Ông là một trong 10 họa sĩ vĩ đại nhất trong top 200 nghệ sĩ tạo hình lớn nhất thế giới thế kỷ 20 do tạp chí *The Times*, Anh công bố. Các tác phẩm của Picasso thường được phân loại theo các thời kỳ khác nhau. Tuy rằng tên gọi các thời kỳ sáng tác sau này của họa sĩ còn gây nhiều tranh cãi, người ta phần lớn đều chấp nhận cách phân chia thời kỳ đầu sáng tác của Picasso thành Thời kỳ Xanh (1901-1904); Thời kỳ Hồng (1904-1906); Thời kỳ Ảnh hưởng Phi châu - điêu khắc (1908-1909); Thời kỳ Lập thể phân tích (1909-1912) và Thời kỳ Lập thể tổng hợp (1912-1919). Chủ nghĩa Lập thể phân tích là phong cách vẽ mà Picasso đã phát triển cùng Georges Braque theo đó sử dụng những màu đơn sắc ngả nâu cho các tác phẩm. Các vật thể sẽ được hai họa sĩ tách thành những bộ phận riêng biệt và “phân tích” chúng theo hình dạng bộ phận này. Thời kỳ Lập thể tổng hợp: là sự phát triển chủ nghĩa Lập thể của Picasso với việc sử dụng nghệ thuật cắt dán bằng các chất liệu vải, giấy báo, giấy dán tường để mô tả đề tài tĩnh vật và nhân vật. Sau Thế chiến thứ nhất, Picasso bắt đầu thực hiện các tác phẩm theo trường phái Tân cổ điển. Một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Picasso, bức *Guernica* đã được sáng tác trong thời kì này. Bức tranh mô tả cuộc ném bom vào Guernica của phát xít Đức trong Nội



chiến Tây Ban Nha. Trong thập niên 1950, họa sĩ một lần nữa thay đổi phong cách sáng tác, ông thực hiện các bức tranh dựa trên phong cách của các bậc thầy cổ điển như Diego Velázquez, Goya, Poussin, Édouard Manet, Courbet và Delacroix.



Có phải trước khi trở thành nhà soạn kịch vĩ đại, Sếch-xpia ban đầu chỉ là anh chăn ngựa và soát vé ở rạp hát?

Sếch-xpia (William Shakespeare) sinh năm 1564 (không rõ ngày sinh), mất ngày 23-4-1616 là một nhà văn và nhà viết kịch Anh, được coi là nhà văn vĩ đại nhất của Anh và là nhà viết kịch đi trước thời đại. Ông cũng được vinh danh là nhà thơ tiêu biểu của nước Anh. Những tác phẩm của ông, bao gồm cả những tác phẩm hợp tác, bao gồm 38 vở kịch, 154 bản sonnet, 2 bản thơ tường thuật dài, và vài bài thơ ngắn. Những vở kịch của ông đã được dịch ra rất nhiều ngôn ngữ lớn và được trình diễn nhiều hơn bất kỳ nhà viết kịch nào. Hầu như ai cũng biết đến các tác phẩm như *Hăm-let* (Hamlet), *Ô-ten-lô* (Othello), *Rô-mê-ô và Ju-li-et* (Romeo and Juliet)... Vậy mà ít ai biết là vào năm 1585, ông rời quê lên Luân Đôn đang





lúc kịch trường ở chốn kinh kỳ trong thời kỳ sôi nổi. Bước đầu ông xin làm chân giữ ngựa, soát vé ở cổng rạp hát. Sau đó làm nghề nhắc tuồng, thợ sửa bản in, dần dần lên làm diễn viên, đạo diễn và sau đó trở thành nhà viết kịch. Lợi nhuận thu từ rạp hát là nguồn sống suốt đời của ông. Khi đời sống đã khá, ông củng cố địa vị xã hội bằng cách mua một tước quý tộc nhỏ. Lúc ở kinh thành Luân Đôn, ông được Bá tước Southampton giúp đỡ. Dưới mái nhà của bá tước, có một người Ý lưu vong là Giovanni Florio đã giúp Shakespeare hiểu biết thêm về văn học Phục hưng của Ý và Pháp. Cuộc sống đang êm đềm thì xảy ra biến cố. Đó là vụ án Essex và Southampton (1601). Essex bị kết tội gây loạn chống triều đình Elizabeth I. Shakespeare cũng bị tình nghi có liên quan vì vở kịch *Richard III* được diễn ra một ngày trước đó. Essex bị chém đầu, Southampton bị tù chung thân, còn Shakespeare trốn biệt. Vào năm 1603, Elizabeth I qua đời, Quốc vương nước Scotland là James VI lên nối ngôi và trở thành Quốc vương James I của nước Anh; khi đó Bá tước Southampton được trả tự do và trọng dụng. Shakespeare xuất hiện trở lại với đoàn kịch của mình và được triều đình hậu đãi. Vào năm 1612, Shakespeare rời kinh đô Luân Đôn sau 1/4 thế kỷ hoạt động sân khấu và trở về Stratford để sống những năm cuối đời.



Ai là những người đầu tiên đặt chân đến châu Mỹ?

Các dân tộc bản địa của châu Mỹ là những cư dân đặt chân đến châu Mỹ trước cả Christopher Columbus. Họ sinh sống ở cả Bắc lẫn Nam Mỹ. Hậu duệ của họ nay vẫn còn nhưng là thiểu số. Một số được đồng hóa và hòa nhập vào xã hội chung ở châu Mỹ. Họ cũng thường được gọi là thổ dân châu Mỹ. Có giả thuyết cho rằng trước



năm 20.000 trước Công nguyên họ đã vượt biên sang châu Mỹ dọc theo một dải đất trải dài suốt từ Đông Á qua eo biển Bering. Cho đến khoảng năm 10.000 trước Công nguyên họ đã mở rộng về phía Nam, tới tận cùng của Nam Mỹ. Họ sống trong những bộ lạc du mục và sinh sống bằng cách săn thú. Khoảng năm



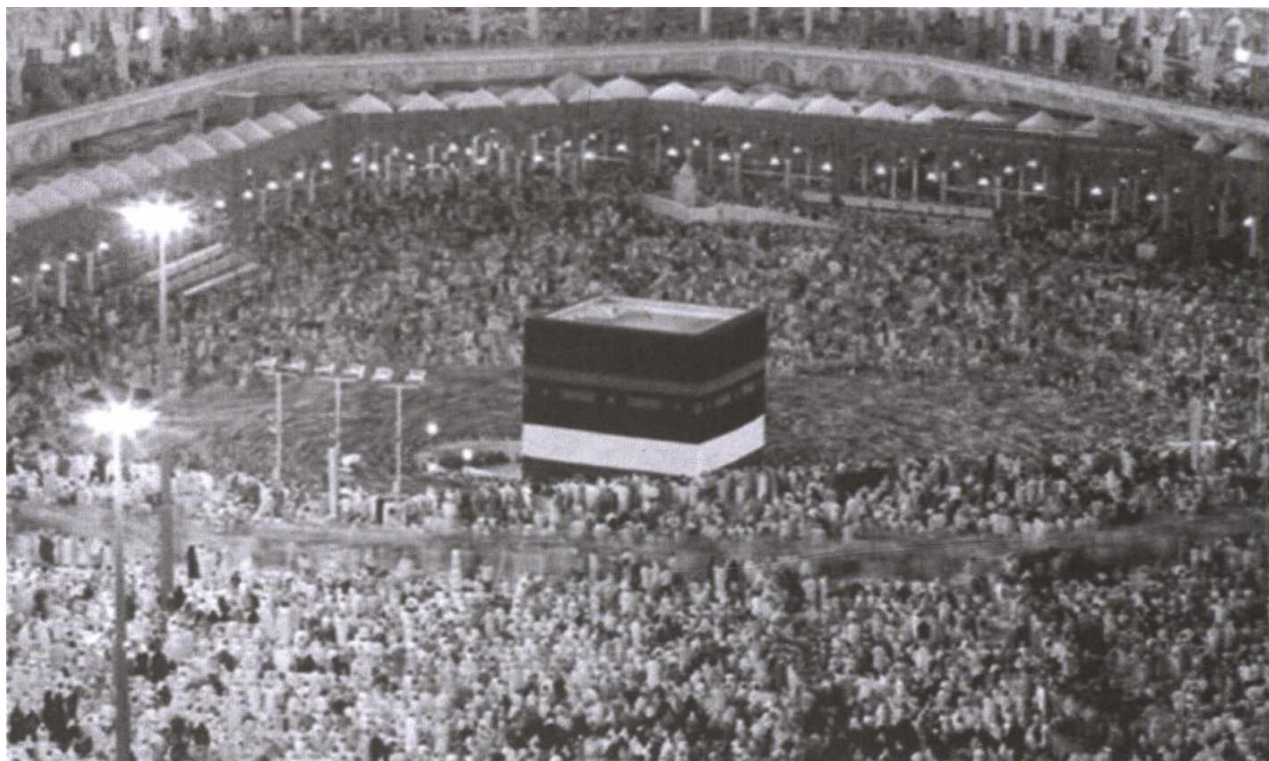
1.500 trước Công nguyên, một số tộc người đã bắt đầu làm nông nghiệp (trồng ngô, đậu, bí...). Hiện nay, trên lãnh thổ Hoa Kỳ, dân tộc da đỏ chỉ còn khoảng 1%. Họ sống ở những vùng có điều kiện tự nhiên rất khó khăn, như các vùng núi cao, khô hạn ở phía Tây. Trong một thời gian dài, sự phân biệt, kỳ thị, hay một lí do nào đó đã làm cho người bản địa có nguy cơ tuyệt chủng.



Có phải tín đồ đạo Hồi ít nhất một lần trong cuộc đời phải hành hương về thánh địa Mecca?

Mecca (Méch-ca) là thành phố thánh địa của đạo Hồi, thuộc lãnh thổ Ả Rập Xê Út. Theo quy định của đạo Hồi, mỗi giáo dân ít nhất một lần trong cuộc đời phải hành hương về thánh địa





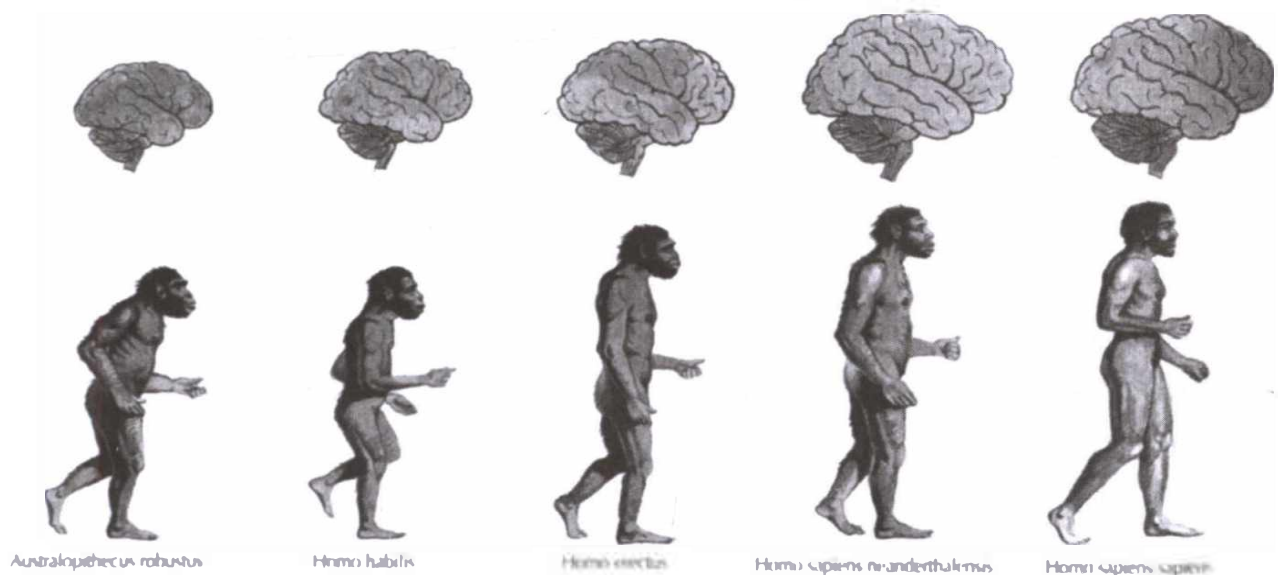
Mecca bằng chính kinh phí của bản thân mình và trước khi đi phải chuẩn bị đồ ăn thức uống cho người thân (những người ở nhà, không đi hành hương) trong thời gian mà họ đi vắng. Vào tháng Ramadan, người Hồi giáo hành hương về đây (và chỉ có người Hồi giáo mới được về đây). Sau khi hành hương đến Mecca, tín đồ đạo Hồi sẽ có được danh hiệu là “Haj” hoặc “Haji”. Với dân số 1.700.000 người (2008), thành phố Mecca nằm ở độ cao 277m trên mực nước biển với diện tích 1.200km². Mỗi năm, hàng triệu người Hồi giáo thực hiện Hajj hành hương đến Mecca đi bộ bảy lần quanh Kaaba và thường có tới hơn 13.000.000 người thăm Mecca hàng năm. Lý do chính của người Hồi giáo đến Mecca là để cầu nguyện. Họ thường tập trung chú ý tới phiến đá đen linh thiêng mà họ tin là do Đấng tối cao gửi xuống cho Adam để hút hết những tội lỗi của loài người.





Loài người thông minh xuất hiện trên Trái đất từ bao giờ?

Con người hiện đại được giới khoa học cho vào phân loài *Homo sapiens sapiens*, và là một mở rộng của loài *Homo sapiens*. Ngoài ra, trong loài *Homo sapiens* còn có một phân loài khác ngày nay đã tuyệt chủng mang tên *Homo sapiens idaltu*. Những nhà nhân chủng học hiện đại đang chấp nhận rộng rãi rằng loài *Homo sapiens* được hình thành ở những đồng cỏ châu Phi khoảng 200.000 đến 250.000 năm về trước, là hậu duệ của loài *Homo erectus*. Loài này tiếp tục mở rộng lãnh địa cư trú rồi thống trị lục địa Á-Âu và khu vực Thái Bình Dương vào khoảng 25.000 - 70.000 năm trước, đến châu Úc khoảng 50.000 năm trước, cuối cùng là châu Mỹ vào khoảng 12.000 - 15.000 năm trước. Chúng thay thế loài *Homo neanderthalensis* và loài *Homo floresiensis* vốn cũng là những hậu duệ khác của loài *Homo erectus* (chúng đã phát triển khắp lục địa Á-Âu vào hơn 2 triệu năm trước) do có sức sinh sản tốt hơn và tìm kiếm thức ăn tốt hơn. Những người thượng cổ thường kiếm sống bằng cách săn bắt-hái lượm, một





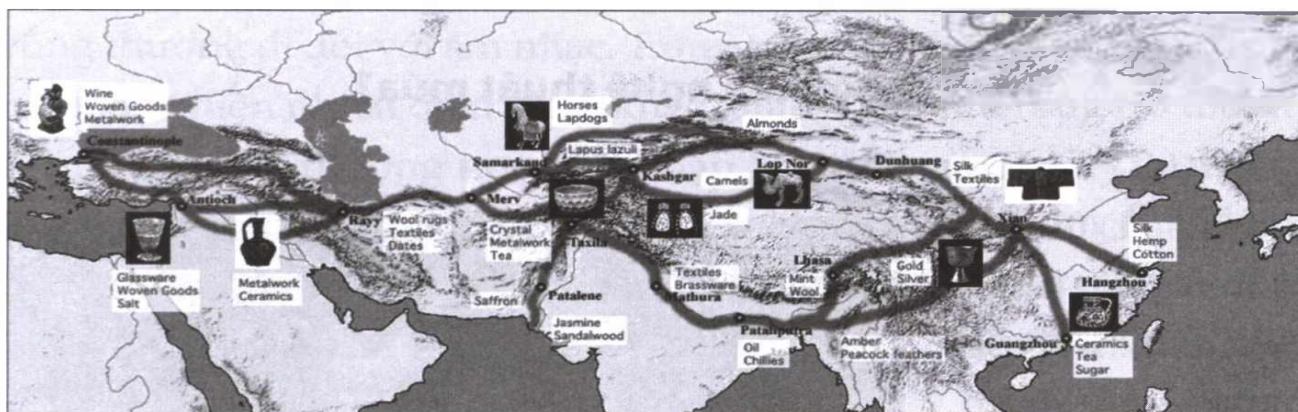
lối sống rất phù hợp với những vùng đồng cỏ châu Phi. Một số nhóm người về sau bắt đầu sống lối sống du mục và thường hay bắt thú vật để nuôi lấy thịt, về sau nữa, khi lối sống định cư phát triển thì nền nông nghiệp cũng ra đời. Những khu vực định cư chính của con người phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nước, vào lối sống, vào tài nguyên thiên nhiên (như đất đai có phù hợp để gieo trồng hay không, có nhiều cỏ để chăn nuôi hay không, có nhiều thú để săn bắt hay không). Tuy nhiên, con người lại có khả năng thay đổi nơi cư trú của họ bằng các phương tiện vận chuyển khác nhau. Do đó, sự thay đổi môi trường là nhân tố chủ yếu khiến con người thay đổi nơi cư trú, sinh sống.



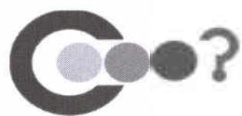
Con đường tơ lụa là con đường như thế nào?

Con đường tơ lụa là một hệ thống các con đường buôn bán nổi tiếng đã từ hàng nghìn năm nối châu Á với châu Âu (hay nói là giữa Đông và Tây). Con đường tơ lụa bắt đầu từ Phúc Châu, Hàng Châu, Bắc Kinh (Trung Quốc) qua Mông Cổ, Ấn Độ, Afghanistan, Kazakhstan, Iran, Iraq, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, xung quanh vùng Địa Trung Hải và đến tận châu Âu. Con đường cũng đi đến cả Hàn Quốc và Nhật Bản. Nó có chiều dài khoảng 6.437km. Trung Quốc là nước đầu tiên trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa sớm nhất trên thế giới vào thế kỷ 3 trước Công nguyên. Tơ lụa thời đó được dành riêng cho vua chúa và hàng quý tộc, sau này lụa tơ tằm được đưa đi các vùng. Con đường tơ lụa dần dần được hình thành từ đó. Con đường tơ lụa được hình thành từ thế kỷ 2 trước Công Nguyên nhưng lúc đầu con đường này được thành lập với ý định quân sự nhiều hơn mục đích thương mại. Từ khi con đường tơ lụa được hình thành, người Trung Hoa mang vải lụa, gấm vóc, sa, nhiễu... đến Ba Tư và La Mã





đồng thời những doanh nhân các vùng khác cũng tìm đường đến với Trung Hoa. Chính trị thời đó cũng có ảnh hưởng lớn đến con đường tơ lụa. Khi nhà Hán suy vong vào thế kỷ 3, con đường tơ lụa cũng bị đình lại. Chỉ khi nhà Tống hưng thịnh, con đường này mới phát triển trở lại. Cũng vào thời Tống, do thấy được giá trị của con đường giao thương Đông - Tây này, các vị hoàng đế đã ban hành hàng loạt những chiếu chỉ nhằm khuyến khích thương mại và cũng từ đó, những nhà truyền giáo đã bắt đầu tìm đến với phương Đông. Con đường tơ lụa dưới triều Tống đã trở thành một điểm nhấn rõ nét trong lịch sử thương mại thế giới. Đến thế kỷ 10, nhà Đường bị lật đổ, con đường tơ lụa cũng bị suy thoái dần. Tuy nhiên với sự hùng mạnh của đế quốc Nguyên Mông, công việc buôn bán sau đó lại thịnh vượng. Nhưng đến thời nhà Minh, con đường tơ lụa đã bị vương triều này khống chế và bắt mọi người phải nộp thuế rất cao khiến cho những thương gia phải tìm đến những con đường vận chuyển bằng đường biển. Với việc giao thương qua đường biển phát triển (hình thành con đường tơ lụa trên biển). Từ thế kỷ thứ 7, Quảng Châu đã được xem là nơi khởi đầu của con đường tơ lụa trên biển và con đường tơ lụa trên bộ dần dần biến mất. Hồi chuông cáo chung của con đường tơ lụa vang lên cũng là lúc người Ba Tư (Iran ngày nay) dần học được cách làm tơ lụa của người Trung Hoa và việc trung chuyển tơ lụa từ đó giảm hẳn do người Ba Tư tự làm và bán trực tiếp cho La Mã chứ không nhập khẩu từ Trung Hoa nữa.



Nguồn gốc của nghệ thuật múa?

Múa là một bộ môn nghệ thuật biểu diễn sử dụng ngôn ngữ hình thể để phản ánh tình cảm, hiện tượng của cuộc sống. Nguồn gốc của nghệ thuật múa chính là những hành động của con người



trong đời sống, trong quá trình lao động cộng với sự quan sát thiên nhiên. Những hình người nhảy múa được vẽ trong hang động ở châu Âu và châu Phi đã có từ thời tiền sử. Kịch múa giàu sức biểu cảm của người Hy Lạp cổ đại đã có ảnh hưởng lâu dài ở phương Tây. Múa ba-lê (ballet) bắt nguồn từ cung đình Ý ở thế kỷ 15 nhưng sau đó được phát triển ở Pháp. Nửa sau thế kỷ 19 là thời đại của ba-lê cổ điển Nga với các kiệt tác như *Hồ thiên nga* (của Tchaikovsky). Sau đó, các động tác múa có những thay đổi, cải tiến, đi đến khái quát nghệ thuật. Múa hiện đại ít cấu trúc phức tạp hơn múa ba-lê. Biên đạo múa sử dụng cơ thể của vũ công để tạo ra các cảnh múa ẩn tượng. Trong tiếng Việt, tùy tính chất thể hiện mà mỗi loại hình được gọi bằng các tên khác nhau như: nhảy, múa, khiêu vũ..., trong đó khiêu vũ thường hướng đến dùng hoạt động cơ thể để diễn đạt theo âm nhạc nhằm chuyển tải những nội dung, tình cảm, suy nghĩ và ý tưởng. Đặc trưng của múa là động tác, đội hình đều cách điệu. Múa



cũng thường đi đôi với âm nhạc. Trong trào lưu nhảy múa của thanh niên xuất hiện nhiều điệu nhảy khác nhau. Điệu Jitterbug trở thành điệu nhảy thời thượng trong các thập kỷ 30-40 của thế kỷ 20. Điệu Jive Rock and Roll gây chấn động trong các thập kỷ 40-50 của thế kỷ trước. Twist là vũ điệu phổ biến trong những năm 1960 rồi cuối thế kỷ 20 được đánh dấu bằng điệu nhảy Disco, điệu nhảy Breakdancing mạnh mẽ và các phong cách biểu diễn tự do.



Tại sao người Nhật lại hâm mộ môn võ Sumo?

Sumo là một môn võ cổ truyền của Nhật Bản. Hai lực sĩ Sumo sẽ phải đấu với nhau trong một vòng tròn gọi là *dohyo* có đường kính khoảng 4,55 mét (hay 15 *shaku* theo đơn vị đo chiều dài ở Nhật Bản). Lực sĩ nào bị ngã trong vòng tròn trước hay bị đẩy khỏi vòng tròn trước là người thua cuộc. Sumo được xem là môn thể thao dân tộc và





được yêu thích của người Nhật Bản, được hình thành từ hơn 1.000 năm về trước. Ban đầu Sumo là môn võ thể hiện một nghi lễ tôn giáo để dự đoán mùa vụ và sau này là môn thể thao yêu thích. Sumo chính là dũng khí của người Nhật, thể hiện sự mạnh mẽ, đầy nhuệ khí và những võ sĩ Sumo được coi như biểu tượng anh hùng. Các võ sĩ Sumo là những người có tầm vóc khổng lồ, nhưng lại nhanh nhẹn tuyệt vời khi bước vào trận đấu. Tuy nhiên, để trở thành một võ sĩ Sumo và được bước lên võ đài, thật không phải là điều đơn giản. Các võ sĩ đều thuộc vào một lò võ nhất định. Phải hội đủ các điều kiện về sức khỏe, trọng lượng và chiều cao mới được nhập môn, tiếp đó là phải khổ công tập luyện mới có thể trở thành võ sĩ có hạng và được lên võ đài. Khi đã nhập môn rồi thì coi như chỉ có dần thân và biết có "Sumo" thôi. Võ sĩ nào lấy vợ thì vợ chỉ lo việc giúp chồng tiến thân trên đường võ nghiệp. Các võ sĩ "Sumo" phải qua kỳ tuyển chọn gắt gao về trọng lượng, chiều cao, và sức lực. Sau khi được tuyển chọn, các võ sinh được các lò võ huấn luyện trong 2 năm, ai tốt nghiệp mới chính thức thành võ sĩ "Sumo" và được lĩnh lương. Trong thời gian huấn luyện cũng như sau khi đã thành võ sĩ chính thức, họ sống theo một lịch trình rất chặt chẽ: Thức dậy từ 4 giờ sáng, học cách giao đấu, và nhất là ăn uống theo một thực đơn đặc biệt, nhiều rau, thịt và cá, đậu phụ... để tăng trọng lượng. Có người nặng tới tới 260-270kg nhưng khác với những người mắc bệnh béo phì, các võ sĩ Sumo đều rất khỏe mạnh. Mỗi năm ở Nhật có 6 giải đấu sumo chính, tổ chức 2 tháng 1 lần vào các tháng 1, 3, 5, 7, 9, 11 tại các sàn đấu trong cả nước gồm có Osaka, Aichi, Fukuoka, riêng tại Tokyo 3 lần đều ở Shin-kokugikan. Mỗi lần kéo dài trong 15 ngày, mỗi ngày một võ sĩ chỉ ra đấu một trận. Trận đấu có võ sĩ nổi tiếng, thường có tiền thưởng do khán giả hâm mộ tặng. Trước khi nhận tiền thưởng, tay võ sĩ vẽ hình chữ "tâm". Ai thắng nhiều trận nhất sẽ là nhà vô địch, được nhận tiền thưởng của ban tổ chức khoảng 3.000.000 Yen (23.000 USD) và rất nhiều giải thưởng khác, ngoài ra còn có cúp

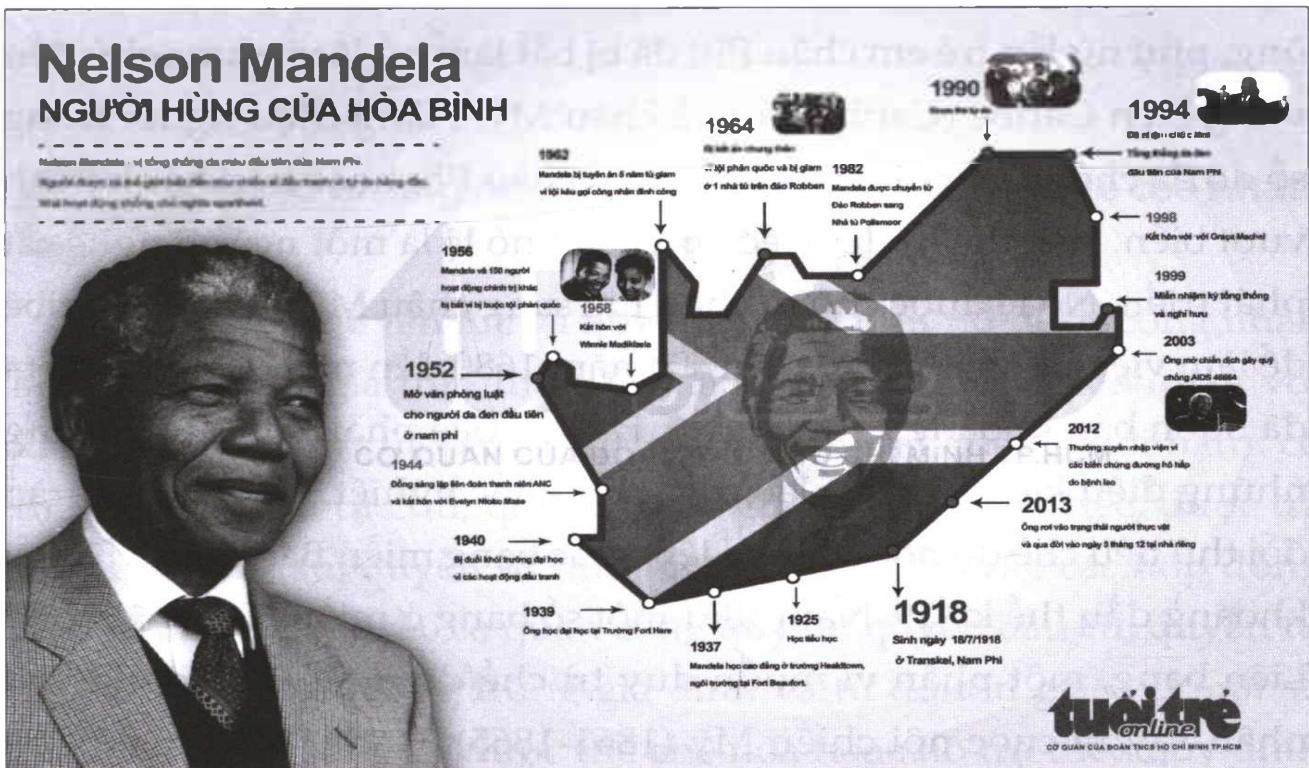


“Sumo” nặng tới 20-30kg. Giá vé vào cửa hạng nhất là 45.000 Yen (300 USD). Người xem có khi còn tặng tiền cho trận đấu trong đó có võ sĩ mình ái mộ. Nếu thắng trận đó thì đương nhiên võ sĩ được ái mộ đó nhận tiền, nếu thua thì khoản tiền ấy sẽ về tay địch thủ.



Có phải tổng thống Mandela đã nhận hơn 250 giải thưởng, trong đó có Giải Nobel Hòa bình?

Nelson Rolihlahla Mandela là tổng thống Nam Phi từ năm 1994 đến 1999, và là tổng thống Nam Phi đầu tiên được bầu cử dân chủ theo phương thức phổ thông đầu phiếu. Trước khi trở thành tổng thống, Mandela là nhà hoạt động chống chủ nghĩa apacthai (apartheid, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc), và là người đứng đầu phái vũ trang của Đảng Đại hội Dân tộc Phi (ANC). Vào năm 1962 ông bị bắt giữ và bị buộc tội phá hoại chính trị cùng các tội danh





khác, và bị tuyên án tù chung thân. Mandela đã trải qua 27 năm trong lao tù, phần lớn thời gian là ở tại Đảo Robben. Sau khi được trả tự do vào ngày 11 tháng 2 năm 1990, Mandela đã lãnh đạo đảng của ông trong cuộc thương nghị để tiến tới một nền dân chủ đa sắc tộc vào năm 1994. Trong nhiệm kỳ tổng thống của mình từ năm 1994 đến 1999, Mandela thường ưu tiên cho vấn đề hòa giải dân tộc. Tại Nam Phi, Mandela còn được biết tới với tên gọi *Madiba*, một tước hiệu danh dự mà bộ lạc của ông thường trao cho những già làng. Mandela đã nhận hơn 250 giải thưởng trong hơn bốn thập niên, trong đó có Giải Nobel Hòa bình năm 1993.



Có phải trước đây đã từng có 25 triệu người gốc Phi bị bắt làm nô lệ?

Cho dù số liệu thống kê thường xuyên bị thay đổi nhưng các nhà nghiên cứu vẫn cho rằng trong vòng 400 năm khoảng 25 triệu đàn ông, phụ nữ lẫn trẻ em châu Phi đã bị bắt làm nô lệ và được chở đến vùng biển Caribê (Caribbean) và châu Mỹ. Hàng triệu người trong số đó đã chết trong các trại giam giữ ở châu Phi hoặc trên hành trình vượt biển. Vào thế kỷ 18, việc buôn bán nô lệ là một ngành nghề rất phát triển. Nô lệ được chở từ châu Phi sang châu Mỹ và vùng Caribê để làm việc trong các đồn điền. Từ năm 1680 đến năm 1800 người ta đã buôn bán khoảng 7 triệu nô lệ. Đa số nô lệ phải chịu đựng trong những điều kiện sống và lao động rất khắc nghiệt. Một phong trào đòi thủ tiêu chế độ nô lệ đã nổi lên ở các bang miền Bắc châu Mỹ vào khoảng đầu thế kỷ 19. Năm 1861 một số bang ở miền Nam đã rời bỏ Liên bang, một phần vì muốn duy trì chế độ nô lệ. Đó là nguyên nhân xảy ra cuộc nội chiến Mỹ (1861-1865). Năm 1865 miền Nam





đầu hàng và cuộc nội chiến này đã cướp đi sinh mạng của 600.000 người. Chế độ nô lệ bị bãi bỏ ở Đế quốc Anh vào năm 1833, ở Mỹ năm 1865 và đến thập kỷ 1890 thì hầu hết các nước khác đã noi theo. Hầu hết các nước Ả Rập và Hồi giáo đã coi chế độ nô lệ là bất hợp pháp, tuy nhiên một số nô lệ vẫn được các gia đình giàu có hoặc có thể lực sử dụng làm đầy tớ.



Ở những nước nào quyền phụ nữ được đề cao nhất?

Nữ quyền là quyền lực và quyền lợi của phụ nữ được công nhận bởi nhiều quốc gia trên thế giới. Các vấn đề thường liên quan với khái niệm quyền của phụ nữ bao gồm (nhưng không giới hạn): cơ thể toàn vẹn và tự chủ; quyền được giáo dục và làm việc; được trả lương như nhau; quyền sở hữu tài sản; tham gia vào các hợp đồng hợp pháp, tổ chức các cơ quan công quyền; quyền bầu cử; quyền tự do kết hôn, bình đẳng trong gia đình và tự do tôn giáo. Ở một số nơi, những quyền này được thể chế hóa hoặc hỗ trợ theo quy định





của pháp luật, phong tục địa phương, hành vi ứng xử, trong khi ở một số nơi khác, tùy thuộc vào lịch sử và truyền thống, chúng có thể bị bỏ qua. Ngày 26 tháng 9 năm 2011, một nghiên cứu của tạp chí Newsweek được xuất bản dựa trên các quyền và chất lượng cuộc sống của phụ nữ ở các nước trên thế giới. Các yếu tố được đưa xét



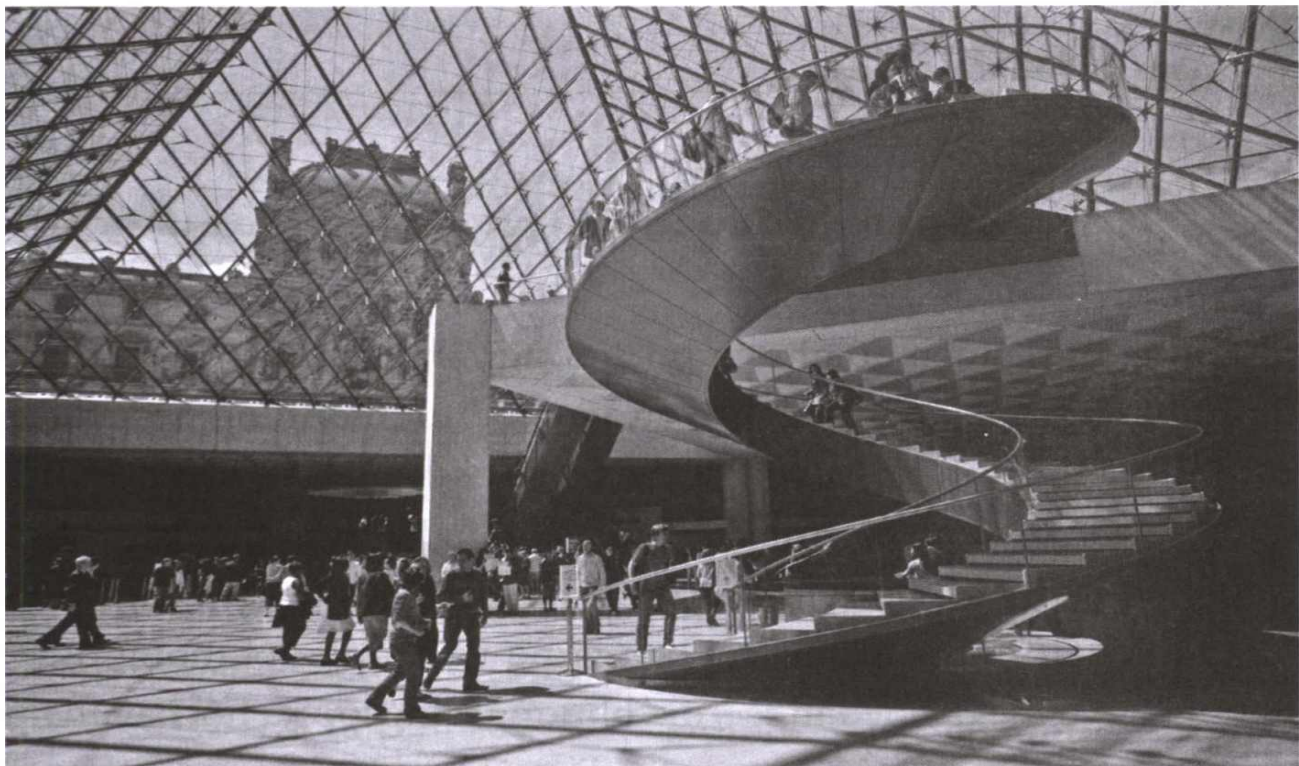
là công lý, sức khỏe và chăm sóc sức khỏe, giáo dục, cơ hội kinh tế và quyền lực chính trị. Bảng xếp hạng được xác định bởi Lauren Streib theo các tiêu chí đồng nhất và thống kê đã có. Theo nghiên cứu, chất lượng cuộc sống của phụ nữ tốt nhất là ở các nước theo thứ tự sau đây: Iceland, Thụy Điển, Canada, Đan Mạch, Phần Lan, Thụy Sĩ, Na Uy, Hoa Kỳ, Australia và Hà Lan. Còn kém nhất theo thứ tự là các nước sau đây: Chad, Afganistan, Yemen, CHDC Công Gô, Mali, Quần đảo Solomon, Niger, Pakistan, Ethiopia và Sudan.



Có phải Bảo tàng Louvre rất nổi tiếng về những bộ sưu tập nghệ thuật?

Louvre là một Viện Bảo tàng nghệ thuật và lịch sử nằm tại quận 1, thành phố Paris, nước Pháp. Những hiện vật ban đầu của Louvre chủ yếu từ bộ sưu tập hoàng gia và tài sản của giáo hội bị tịch thu trong thời kỳ Cách mạng. Dưới thời Đế nhất đế chế, nhờ





những cuộc chinh phạt của Napoléon, nhiều tác phẩm nghệ thuật và hiện vật khảo cổ giá trị được chuyển về Louvre. Nhưng sau thất bại của quân đội Pháp trong trận Waterloo, phần lớn các hiện vật này đã trở về với những quốc gia chủ nhân cũ. Bộ sưu tập của Louvre tăng trở lại dưới thời Bourbon phục hoàng và kể từ Đế tam cộng hòa, bên cạnh những hiện vật mua lại, bảo tàng còn liên tục nhận được các di vật và tặng phẩm cá nhân. Ngày nay, Louvre là một trong những Viện bảo tàng nổi tiếng nhất thế giới, nơi trưng bày các hiện vật về những nền văn minh cổ, nghệ thuật Hồi giáo và nghệ thuật châu Âu từ thế kỷ 13 cho tới giữa thế kỷ 19. Với diện tích 210.000m² Louvre trưng bày 35.000 trên tổng số 380.000 hiện vật. Trong bộ sưu tập của bảo tàng Louvre hiện nay có những tác phẩm nổi tiếng bậc nhất của lịch sử nghệ thuật, như *Tượng thần Vệ Nữ*, *Tượng thần chiến thắng Samothrace*, *Mona Lisa*, *Nữ thần Tự do dẫn dắt nhân dân*, cùng các hiện vật giá trị về những nền văn minh cổ, như phiến đá ghi bộ luật Hammurabi, tấm bia Mesha. Năm 2008, Louvre đón 8,5 triệu lượt khách, giữ vị trí địa điểm thu phí được viếng thăm nhiều nhất Paris, đồng thời cũng là bảo tàng thu hút nhất trên thế giới.

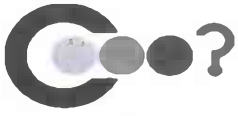


Thế nào thì được gọi là phong tục, tập quán?

Phong tục là toàn bộ những hoạt động sống của con người được hình thành trong quá trình lịch sử và ổn định thành nề nếp, được cộng đồng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phong tục không mang tính cố định, bắt buộc như nghi thức, nghi lễ, nhưng cũng không tùy tiện như hoạt động sống thường ngày. Nó trở thành một tập quán xã hội tương đối bền vững và tương đối thống nhất. Phong tục có thể ở một dân tộc, địa phương, tầng lớp xã hội hay thậm chí một dòng họ, gia tộc. Phong tục là một bộ phận của văn hóa và có thể chia thành nhiều loại. Hệ thống phong tục liên quan đến vòng đời của con người, như phong tục về sinh đẻ, trưởng thành, cưới xin, mừng thọ và lên lão... Phong tục có thứ trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân rất bền chặt, có sức mạnh hơn cả những đạo luật. Hệ thống phong tục liên quan đến hoạt động của con người

theo chu kỳ thời tiết trong năm, hệ thống phong tục liên quan đến chu kỳ lao động của con người. Tập quán là thói quen hình thành từ lâu trong đời sống, được mọi người làm theo. Thường khó phân biệt cái nào là phong tục, cái nào là tập quán. Ở nước ta có thể kể ra rất nhiều phong tục, tập quán như tục ăn trầu, hút thuốc Lào, lễ giao thừa, lễ cúng Thổ công, lễ động thổ, lễ tịch điền, lễ tảo mộ, lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cúng gia tiên, tục Lì xì, tục Xin chữ đầu năm...





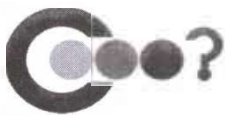
Vì sao người dân Singapore có mức sống vào hàng cao nhất châu Á?

Cộng hòa Singapore, là một đảo quốc tại Đông Nam Á. Lãnh thổ Singapore gồm có một đảo chính hình thoi, và khoảng 60 đảo nhỏ. Singapore là quốc gia đô thị hóa cao, chỉ còn lại ít thảm thực vật ban đầu. Lãnh thổ của Singapore liên tục mở rộng thông qua hoạt động cải tạo đất. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản chiếm đóng Singapore, sau chiến tranh Singapore tuyên bố độc lập từ nước Anh vào năm 1963 và hợp nhất với các lãnh thổ khác của nước Anh để hình thành Malaysia, tuy nhiên Singapore tách khỏi Malaysia hai năm sau đó. Kể từ đó, Singapore phát triển nhanh chóng, được công nhận là một trong bốn con hổ châu Á. Singapore là một trong các trung tâm thương mại lớn của thế giới, với vị thế trung tâm tài chính lớn thứ tư và một trong năm cảng bận rộn nhất thế giới với 500 hãng vận chuyển đường biển chọn sử dụng. Nền kinh tế mang tính toàn cầu và đa dạng của Singapore phụ thuộc nhiều vào mậu dịch, đặc





biệt là chế tạo. Theo sức mua tương đương, Singapore có thu nhập bình quân đầu người cao thứ ba trên thế giới. Quốc gia này xếp hạng cao trong các bảng xếp hạng quốc tế liên quan đến giáo dục, chăm sóc sức khỏe, sự minh bạch của chính phủ, và tính cạnh tranh kinh tế. Có hơn 5 triệu người sống tại Singapore, trong đó xấp xỉ 2 triệu người sinh ra tại nước ngoài. Singapore có thành phần dân tộc đa dạng: 75% dân số là người Hoa, các cộng đồng thiểu số đáng kể là người Malaysia, người Ấn Độ, và người Âu-Á. Quốc gia này có bốn ngôn ngữ chính thức là tiếng Anh, tiếng Malaysia, tiếng Hoa và tiếng Tamil, và chính phủ thúc đẩy chủ nghĩa văn hóa đa nguyên thông qua một loạt các chính sách chính thức. Sự phát triển nhanh chóng của Singapore tạo cho quốc gia này có ảnh hưởng đáng kể trong các vấn đề toàn cầu, khiến một số nhà phân tích nhận định Singapore là một cường quốc bậc trung.



Tục đấu bò tót có ý nghĩa thế nào với người dân Tây Ban Nha?

Đấu bò tót là một môn biểu diễn truyền thống của Tây Ban Nha và cũng là một biểu trưng cho văn hóa Tây Ban Nha. Một cuộc đấu được đánh giá là thành công hay không qua tốc độ thu phục sức mạnh những con bò mà ở đây chính xác việc lấy đi sự sống của những con vật xấu số này. Một trận đấu bò truyền thống được thực hiện bởi những đấu sĩ biểu diễn nhiều thao tác nhằm chọc tức hoặc làm cho con bò bị thương. Những thao tác biểu diễn như vậy được thực hiện với cự ly rất sát và có thể dẫn đến thương tích hoặc thậm chí tử vong của đấu sĩ. Một trận đấu thường kết thúc với cái chết của con bò bằng nhát đâm kết liễu chính xác của một mũi kiếm. Đầu tiên, trên sân là sáu người đàn ông liên tục vẫy những lá cờ màu



hồng và màu vàng để trêu chọc bò tót đồng thời biểu diễn các kỹ xảo của mình cho công chúng xem. Tiếp theo đó trận đấu giữa các đấu sĩ và con bò tót bắt đầu. Hai đấu sĩ mặc những trang phục màu bạc, cưỡi hai con tuấn mã mặc áo giáp tiến vào đấu trường. Trong khoảnh khắc con bò xông thẳng tới con ngựa thì đấu sĩ sẽ mau lẹ cầm ngọn móc dài đâm vào cái u chắc nịch trên lưng con bò. Ngay sau đó vài người cầm lao mặc áo giáp, không cưỡi ngựa mà chỉ đứng vào những vị trí và theo thứ tự đã quy định, phóng rất trúng và sâu cây lao vào cùng một chỗ trên thân con bò. Sau cùng mới diễn ra trận đấu chính thức giữa đấu sĩ và con bò mộng. Một đấu sĩ mặc bộ quần áo thêu kim tuyến thách đấu một con bò tót hung dữ bằng một chiếc khăn màu đỏ. Đấu sĩ không ngừng vung tẩm khăn màu đỏ, nhử cho con bò luôn luôn lao tới húc, rồi chờ đến khi con bò đã kiệt sức thì người đấu sĩ mới chọn thời cơ tốt nhất đâm thẳng mũi kiếm sắc vào tim con bò, chỉ một nhát là đâm chết. Trong tiếng hoan hô của công chúng, đấu sĩ sẽ cắt tai con bò tót đó ngay tại chỗ để làm kỷ niệm. Không khí đấu trường luôn hừng hực, khán giả càng cuồng nhiệt đầy phấn khích. Xem đấu bò là dịp để mỗi người hiểu thêm về



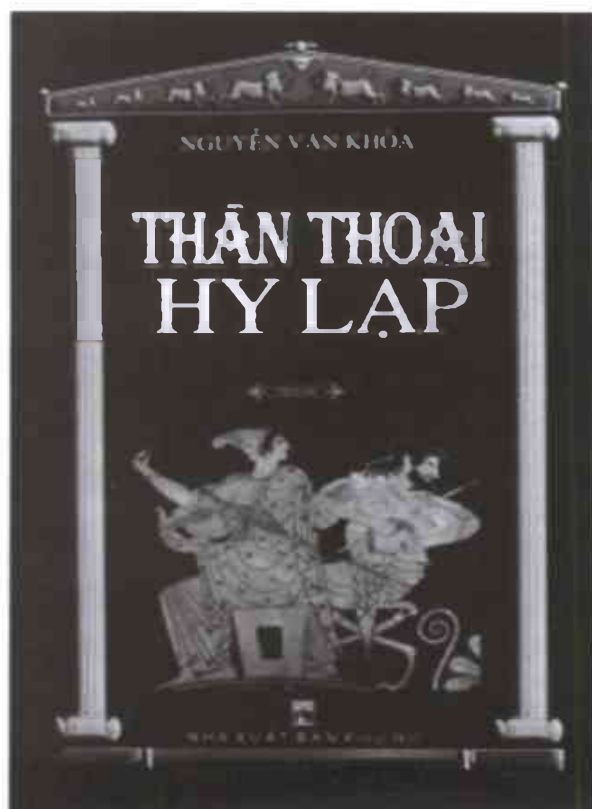


văn hóa Tây Ban Nha nhưng nhiều người lại không chịu nổi mức độ tàn bạo của trò giải trí này. Ngày nay, đấu bò tốt đang gây nhiều tranh cãi tại Tây Ban Nha, thậm chí trên khắp thế giới. Những người hâm mộ đấu bò tốt biện luận rằng đây là một truyền thống văn hóa, trong khi các nhóm bảo vệ quyền của thú vật chỉ trích rằng đây là một môn thể thao đẫm máu vì nó làm cho con bò và những con ngựa phải đau đớn trong quá trình thi đấu.



Thế nào là truyện thần thoại?

Thời xa xưa, khi con người chưa có kiến thức khoa học, chưa hiểu biết về thiên nhiên nên họ giải thích các hiện tượng của thế giới xung quanh bằng những câu chuyện được gọi là thần thoại. Truyện thần thoại là sáng tạo của trí tưởng tượng tập thể toàn dân, phản ánh khái quát hóa hiện thực dưới dạng những vị thần được nhân cách hóa hoặc những vật có linh hồn, mà dù đặc biệt hoặc phi thường đến mấy thì vẫn được đầu óc người nguyên thủy nghĩ và tin là hoàn toàn có thực. Tuy thần thoại tồn tại như những truyện kể về thế gian, nhưng nó không hẳn là một thể loại ngôn từ, mà là những ý niệm và biểu tượng nhất định về thế giới. Bên cạnh đó, cảm quan thần thoại nói chung không chỉ bộc lộ bằng truyện kể mà còn bộc lộ trong những hình thức



khác như hành động (ngghi lễ, lễ thức, điều răn dạy), các bài ca, vũ điệu v.v. Đặc điểm của thần thoại thể hiện rõ nhất trong văn hóa nguyên thủy, nơi mà vị trí của thần thoại trong tâm thức cộng đồng có thể coi tương đương với “văn hóa tinh thần” hay “khoa học” của các thời đại gần đây. Trong đời sống của các cộng đồng người nguyên thủy, thần thoại là một hệ thống mà nhờ nó, con người hiểu và mô tả thế giới bằng các biểu tượng. Do đó, có thể coi thần thoại là ý thức của xã hội nguyên thủy. Về sau, dù đã phân chia thần thoại thành các hình thái khác nhau như tôn giáo, nghệ thuật, văn học, khoa học, tư tưởng chính trị... thì các hình thái ấy vẫn bảo lưu trong chúng hàng loạt mô hình thần thoại, được cơ cấu, tái chế lại. Thần thoại khá gần gũi với văn học khi cả hai đều có tính hình tượng trong nội dung. Tuy vậy, thần thoại mang tính hình tượng một cách vô ý thức, khác biệt với những sáng tác văn học. Thần thoại, chẳng những là thi ca nguyên thủy mà còn là tôn giáo nguyên thủy, triết học nguyên thủy, khoa học nguyên thủy... Có thể nói, văn học gắn bó mật thiết với thần thoại, không chỉ về mặt nguồn gốc (thông qua truyện cổ tích và sử thi dân gian) mà còn về kiểu phản ánh thực tại (tính hình tượng). Nước ta cũng lưu truyền không ít các truyện thần thoại, chẳng hạn như: Thần trụ trời, Nữ thần Mặt Trăng, Thần Mặt trời, Thần Mưa, Cuộc tu bổ các giống vật, Thần Lúa, Ông Trời, Lạc Long Quân-Âu Cơ, Sơn Tinh-Thủy Tinh,...



Tại sao nhiều cuộc chiến tranh thời xưa lại được gọi là Thập tự chinh?

Thập tự chinh là một loạt các cuộc chiến tranh tôn giáo, được kêu gọi bởi giáo hoàng và tiến hành bởi các vị vua và quý tộc là những người tình nguyện cầm lấy cây thập tự giá với mục tiêu chính là phục





hồi sự kiểm soát của Kitô giáo với vùng Đất Thánh. Trong gần 200 năm những người Kitô giáo từ châu Âu hành quân sang Palestine để đánh người Hồi giáo và tranh quyền kiểm soát Đất Thánh, nhất là Jerusalem. Lời kêu gọi của Giáo hoàng được sự hưởng ứng hết sức rộng rãi. Với tiếng hô *Deus Vuli!* (Chúa muốn thế!) hàng nghìn người bắt đầu cuộc viễn chinh sang phương Đông. Cuộc Thập tự chinh đầu tiên bắt đầu vào tháng 11-1096, gồm một đạo quân lớn gồm các hiệp sĩ Pháp và Normandi. Đội quân này đã đánh bại quân Hồi giáo, chiếm được Jerusalem và Antioch, lập nên một vương quốc Kitô giáo dọc bờ biển Palestine và Syri. Cuộc Thập tự chinh thứ hai (1147-1149) chấm ngời bởi các cuộc phản công của phe Hồi giáo. Quân Kitô giáo thất bại và vị thế của họ ở Đất Thánh bị suy yếu. Năm 1187 quân kháng cự quét sạch quân Thập tự chinh rồi sau đó chiếm được Jerusalem và hầu hết vùng Đất Thánh. Cuộc Thập tự chinh thứ ba (1189-1192) quân Thập tự chinh đã lấy lại được nhiều vùng Đất Thánh, trừ Jerusalem. Tiếp đó là các cuộc Thập tự chinh thứ tư (1202-1204) và thứ năm (1217-1221) rồi thứ sáu (1222-1229). Và đến cuộc Thập tự chinh thứ bảy (1248-1254) đã kết thúc cùng với việc Louis IX



bị bắt sống rồi được thả sau khi trả một khoản tiền chuộc. Cuộc Thập tự chinh cuối cùng là cuộc thứ tám (1270-1272), khi đó phe Hồi giáo đã lấn thêm. Đến năm 1291 họ giành được cảng cuối cùng là cảng Acre. Nhiều hiệp sĩ Thập tự chinh đành an cư tại đảo Síp (Cyprus). Tuy nhiên các cuộc Thập tự chinh đều chịu tác động từ chính trị, kinh tế và xã hội sâu rộng ở châu Âu. Bởi vì các cuộc xung đột nội bộ giữa các vương quốc Thiên chúa giáo và quyền lực chính trị.



Thế vận hội đầu tiên tổ chức vào năm nào và Việt Nam bắt đầu tham gia Thế vận hội năm nào?

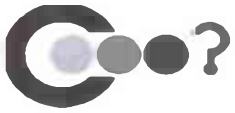
Thế vận hội (hay Đại hội Thể thao Olympic) là cuộc tranh tài trong nhiều môn thể thao giữa các quốc gia trên toàn thế giới. Thế vận hội gồm Thế vận hội Mùa hè và Thế vận hội Mùa đông được tổ chức xen kẽ nhau hai năm một lần (vào các năm chẵn). Đây là một đại hội thể thao không chỉ là đua sức thể lực mà còn mang ý nghĩa biểu trưng cho tinh thần đoàn kết, hòa bình của toàn nhân loại. Thế vận hội bắt nguồn từ các cuộc thi đấu thể thao thời Hy Lạp cổ đại từ năm 776 trước Công nguyên cho đến khi Hoàng đế La Mã Theodosius I cấm đoán vào năm 394. Thế vận hội hiện đại được Nam tước người Pháp Pierre Frèdy de Coubertin tổ chức lần đầu tiên và được tiến hành





tại Athens từ ngày 25/3 đến 3/4/1896, với sự tham dự của 285 vận động viên thuộc 12 nước. Tại đại hội này, chỉ có các vận động viên nam được quyền thi đấu 9 môn, gồm điền kinh, đấu kiếm, bắn súng, bơi lội, thể dục dụng cụ, cử tạ, vật, xe đạp và quần vợt. Chỉ đến lần tổ chức thứ 2 tại Paris, năm 1900, phụ nữ mới được tham gia thi đấu. Từ đó đến nay, phong trào Olympic không ngừng phát triển, trở thành sự kiện thể thao lớn nhất hành tinh. Ủy ban Olympic quốc tế (IOC) đã trở thành cơ quan chủ quản của Phong trào Olympic, với Hiến chương Olympic xác định cấu trúc và cơ quan có thẩm quyền của nó. Là cơ quan ra quyết định, IOC chịu trách nhiệm về việc lựa chọn các thành phố chủ nhà cho mỗi Thế vận hội. Các thành phố chủ nhà chịu trách nhiệm về tổ chức và tài trợ, kỷ niệm Thế vận hội sao cho phù hợp với Hiến chương Olympic. Trong thời gian diễn ra Thế vận hội, các nghi thức được tiến hành bao gồm nhiều nghi lễ trong đó có lễ khai mạc và bế mạc, trong mỗi buổi lễ đều sử dụng biểu tượng là lá cờ và ngọn đuốc Olympic. Hơn 13.000 vận động viên cạnh tranh tại Thế vận hội Mùa hè và Thế vận hội Mùa đông ở 33 môn thể thao khác nhau và gần 400 cuộc thi. Các vận động viên đạt thành tích cao trong mỗi cuộc thi nhận được huy chương Olympic: vàng, bạc, đồng. Thế vận hội đã ảnh hưởng rộng lớn trên toàn thế giới. Thế nhưng, thể vận hội vẫn còn nhiều thách thức lớn như: Sử dụng chất doping trong thi đấu, nạn khủng bố. Tuy nhiên, đây là cơ hội tốt để nước chủ nhà quảng bá hình ảnh quốc gia của mình với thế giới. Việt Nam lần đầu tiên tham dự Thế vận hội năm 1952 với tư cách Quốc gia Việt Nam, khi đất nước Việt Nam bị chia cắt chỉ còn lại Việt Nam Cộng hòa tranh tài từ năm 1956 cho đến năm 1972. Sau khi đất nước thống nhất, Việt Nam tranh tài từ năm 1980 tới nay. Vì lý do kinh tế và chính trị, Việt Nam không tham dự hai kỳ Thế vận hội 1976 và 1984. Đối với Thế vận hội Mùa đông, Việt Nam chưa từng cử đại diện tham gia.





Thời Trung cổ là thời kỳ nào trong lịch sử?

Thời Trung cổ (hay Trung đại) là một thời kỳ trong lịch sử châu Âu, bắt đầu từ khoảng năm 750 và kết thúc vào thế kỷ 15 cùng với buổi bình minh của thời đại Phục hưng. Theo sau sự sụp đổ của Đế chế La Mã vào thế kỷ thứ 5, Tây Âu tràn ngập những kẻ ngoại đạo (không theo Kitô giáo). Năm 800 Charlemagne được giáo hoàng tấn phong hoàng đế. Quyền lực của giáo hoàng và hoàng đế thống trị cả thời



Trung đại. Trong thời kỳ này châu Âu bị phân chia thành nhiều vương quốc, lãnh địa công tước, giáo khu và nhiều nhà nước khác nhau. Vua giao đất cho lãnh chúa và hiệp sĩ, đổi lấy nghĩa vụ quân dịch. Nông dân trả cho lãnh chúa bằng công lao động và một phần mùa màng. Giáo hội cũng chiếm giữ khá nhiều đất đai và dùng một phần của cải để khuyến khích học tập và hoạt động nghệ thuật. Sau thất bại của những tên cướp biển Viking, cuộc chiến Trăm năm (1337-1453) nổ ra giữa các vua Anh và Pháp để tranh nhau quyền trị vì nước Pháp. Nhiều cuộc chiến tranh kéo dài nhằm chinh phục những vùng đất mới. Khoảng sau năm 1100 châu Âu ngày càng trở nên giàu có. Những phường hội của nhà buôn và thợ thủ công giúp truyền bá tay nghề và khuyến khích giao thương giữa các vùng. Tới năm 1400 đã có số đông dân chúng tham gia sản xuất và buôn bán.





Tại sao Thụy Sĩ lại dùng tới 4 ngôn ngữ chính thức và là nước có mức sống rất cao?

Thụy Sĩ là một quốc gia không giáp biển thuộc khu vực Tây Âu với diện tích 83.859km² và với dân số khoảng 8,2 triệu người. Thụy Sĩ là quốc gia theo thể chế cộng hòa liên bang gồm 26 bang với thủ đô là thành phố Berne và hai trung tâm kinh tế lớn là Genève và Zurich. Do vị trí địa lí đặc biệt nằm giữa nhiều nước lớn nên ngôn ngữ của Thụy Sĩ rất đa dạng. Đất nước này có tới 4 ngôn ngữ chính thức là tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý và tiếng Romansh. Bên cạnh đó, Thụy Sĩ còn là nước có truyền thống lịch sử về sự trung lập. Đất nước này không xảy ra bất kỳ một cuộc chiến tranh nào từ năm 1815 đến nay và là trụ sở của nhiều tổ chức quốc tế quan trọng như Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế, Tổ chức Thương mại Thế giới. Thụy Sĩ là một quốc gia nhiều đồi núi với những phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp trên dãy núi Alps như những đỉnh núi cao, những dòng sông băng và



những hồ nước đẹp. Đất nước này được biết đến như một trong những nền kinh tế thịnh vượng nhất thế giới. Thụy Sĩ là nước có diện tích nhỏ, dân số ít, là đất nước của đồi núi, với trên 40 dãy núi cao trên 4.000m so với mặt nước biển nhưng Thụy Sĩ lại có mức phát triển vững mạnh đáng kể trên toàn cầu, và có vị trí quan trọng về kinh tế-tài chính và hệ thống Ngân hàng uy tín đặc biệt nổi tiếng nhất trên toàn cầu. Thụy Sĩ là một nước công nghiệp phát triển cao ở châu Âu, trong đó có nhiều ngành đạt trình độ hàng đầu trên thế giới như: Cơ khí chế tạo (nổi tiếng nhất thế giới về sản xuất đồng hồ chính xác và sang trọng), điện cơ, hóa chất, dược phẩm, thuốc tân dược, tài chính-ngân hàng, du lịch, đồng hồ, đồ trang sức, dịch vụ và bảo hiểm. Ngoại thương đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Thu nhập quốc dân (GDP/PPP) tính theo đầu người là 47.863USD (2014).



Người Viking, họ là ai và sống ở thời nào?

Người Viking là những nhà thám hiểm, thương nhân, chiến binh, hải tặc ở Bắc Âu vào thời đại đồ đá muộn, trên bán đảo Scandinavia, vùng Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển và Phần Lan ngày nay. Người ta thường nói tới những người Viking như các chiến binh lưu động trên các chiến thuyền hoặc những kẻ cướp biển, nhưng họ cũng là nông dân và các nhà buôn. Đặc biệt họ đi biển rất giỏi, nhất là những tay cướp biển người Viking thường giương buồm đi khắp châu Âu và Bắc Đại Tây Dương trên những chiếc thuyền dài, đánh phá cướp bóc, xâm chiếm phần lớn các vùng đất trù phú tại châu Âu, rồi định cư tại những vùng đất chiếm được. Thời đại Viking bắt đầu khoảng cuối thế kỷ 8 và kéo dài đến giữa thế kỷ 11. Một trong những





cuộc thám hiểm quân sự đầu tiên của người Viking, được ghi lại trong sử sách của người Anglo-Saxon, là cuộc đánh chiếm đảo Portland, gần quận Dorset của Anh, vào năm 787. Sau đó tháng 6 năm 793 họ lại tấn công tu viện trên đảo Lindisfarne phía Đông nước Anh. Trong hai trăm năm tiếp theo, lịch sử châu Âu đã tràn ngập những ghi chép về hải tặc Viking và những cuộc cướp phá của họ. Người Viking đã xâm chiếm và thiết lập thuộc địa tại nhiều vùng đất. Họ đã từng xâm lăng vương quốc của người Anglo-Saxon, chiếm đóng phần lớn miền Tây và Bắc của Anh cùng toàn bộ nước Ireland, để lại nhiều ảnh hưởng tại các vùng duyên hải của Ireland và Scotland. Họ cũng đã xâm chiếm các quốc gia trên bán đảo Iberia, Pháp, vùng Baltic và Nga, thiết lập được thuộc địa các quần đảo bắc như Greenland, Iceland, quần đảo Faroe. Các công trình nghiên cứu khảo cổ còn cho thấy người Viking tới châu Mỹ trước nhà thám hiểm Christopher Columbus những 500 năm và



đã lập những làng nhỏ dọc theo bờ biển Bắc Đại Tây Dương - một di tích của họ còn được bảo tồn tại bang Newfoundland và Labrador của Canada.



Lễ Vu Lan có ý nghĩa như thế nào?

Vu Lan hay còn gọi là Tết Trung nguyên, là một trong những ngày lễ chính của Phật giáo, còn được hiểu là lễ Báo hiếu. Vào mùa Vu Lan người ta hay tổ chức để con cháu tưởng nhớ đến cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Ngày này còn được gọi là lễ *Xá tội vong nhân*. Theo tín ngưỡng dân gian, đây là ngày mở cửa ngục, các vong nhân được xá tội nên có lễ cúng Cô hồn (vào buổi chiều) cho các vong linh không nhà cửa không nơi nương tựa, không có thân nhân trên Dương thế thờ cúng. Theo kinh Vu Lan thì ngày xưa, Mục Kiền Liên đã tu luyện thành công nhiều phép thần thông. Mẫu thân của ông là bà Thanh Đề đã qua đời, ông tưởng nhớ và muốn biết bây giờ mẹ như thế nào nên dùng mắt phép nhìn khắp trời đất để tìm. Thấy mẹ mình, vì gây nhiều nghiệp ác nên phải sinh làm Ngạ quỷ, bị đói khát hành hạ khổ sở, ông đã đem cơm xuống tận Cõi quỷ để dâng mẹ. Tuy nhiên do đói ăn lâu ngày nên mẹ





của ông khi ăn đã dùng một tay che bát cơm của mình đi không cho các cô hồn khác đến tranh cướp, vì vậy khi thức ăn đưa lên miệng đã hóa thành lửa đỏ. Mục Liên quay về tìm Phật để hỏi cách cứu mẹ, Phật dạy rằng: “Dù ông thần thông quảng đại đến đâu cũng không đủ sức cứu mẹ ông đâu. Chỉ có một cách nhờ hợp lực của chư tăng khắp mười phương mới mong giải cứu được. Ngày rằm tháng bảy (âm lịch) là ngày thích hợp để cúng thỉnh Chư tăng, hãy sắm sửa lễ cúng vào ngày đó”. Tại Việt Nam, việc cúng Rằm tháng Bảy bao giờ cũng phải cúng ở chùa (thờ Phật) trước, rồi mới đến cúng tại gia. Lễ này thường được làm vào ban ngày, tránh làm vào ban đêm, khi Mặt Trời đã lặn. Trên mâm cúng tổ tiên, gia đình bày đặt một mâm cỗ mặn, tiền vàng và cả những *vật dụng* dành cho người cõi Âm làm bằng giấy tượng trưng từ những vật truyền thống. Trên mâm cúng chúng sinh thì lễ vật gồm có: quần áo, các loại bỏng ngô, chè lam, kẹo vừng, kẹo dồi, bánh quế, cháo, tiền vàng, cốc nước lã hoặc cốc gạo trộn lẫn với muối, ngô, khoai lang luộc, cháo hoa... và những lễ vật khác dành cho những cô hồn, ma đói không nơi nương tựa. Ở chùa khi cúng chúng sinh xong người ta thường gọi những đứa trẻ xung quanh đến rồi cho chúng cùng nháy vào cướp những vật cúng: như bỏng, oản... tượng trưng cho những cô hồn...



Phong trào xây dựng hệ thống sông đào Bắc Hưng Hải là phong trào gì?

Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải là một hệ thống kênh, đập, trạm bơm, đê điều nhằm phục vụ việc tưới tiêu và thoát úng cho một vùng tứ giác nước được giới hạn bởi sông Hồng ở phía Tây, sông Đuống ở phía Bắc, sông Thái Bình ở phía Đông, và sông Luộc ở phía Nam. Mỗi tỉnh thành Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải



Dương đều có một phần địa bàn của mình trong tứ giác này. Vì thế hệ thống thủy lợi này được đặt tên là Bắc Hưng Hải. Hệ thống được xây dựng bắt đầu từ cuối năm 1958. Tổng chiều dài của hệ thống kênh chính là 200km. Nước tưới được lấy từ sông Hồng chủ yếu qua cống Xuân Quan (rộng



19m, 4 khoang cửa, lưu lượng $75\text{m}^3/\text{s}$). Nước tiêu chủ yếu qua các cống Cầu Xe (rộng 56m, 7 khoang cửa, lưu lượng $230\text{m}^3/\text{s}$), An Thổ (rộng 56m, 6 khoang cửa và 1 âu thuyền, lưu lượng $105\text{m}^3/\text{s}$). Ngoài ra còn có một số trạm bơm kết hợp tưới - tiêu trực tiếp với các sông lớn tại những vùng hẹp ven các sông Đuống, Luộc, Thái Bình. Trong quá trình chuẩn bị và xây dựng hệ thống này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã một vài lần tới công trường thăm, động viên và kiểm tra. Việc đào kênh, đắp đê chủ yếu được thực hiện bởi sức người. Hệ thống máy bơm do Trung Quốc viện trợ. Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải là công trình thủy lợi lớn nhất miền Bắc Việt Nam một thời và từng được gọi là Đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải. Năm 1959, bộ phim tài liệu "*Nước về Bắc Hưng Hải*" về quá trình xây dựng hệ thống thủy lợi này được dựng; sau này đoạt giải Bông sen vàng và huy chương vàng tại Liên hoan phim Matxcova 1959. Hiện nay, việc điều hòa lượng nước trong hệ thống thủy lợi cũng như việc duy tu, nâng cấp hệ thống do Công ty Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải (Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên) đảm nhiệm.



Trống Ngũ Lôi là loại trống gì và có từ bao giờ?

Ngày xưa, các bậc đế vương coi mình là thiên tử - con trời, mà trời là đấng chí tôn giữ gìn vận mệnh và ban phát hạnh phúc cho muôn dân nên thường năm họ đều tổ



chức long trọng lễ tế trời đất. Vì là con trời, thay trời trị dân nên đích thân nhà vua phải đứng làm chủ tế để chứng tỏ hiếu nghĩa của một người làm con. Dưới triều Nguyễn, lễ tế trời được cử hành tại đàn Nam Giao vào trung tuần tháng hai hàng năm. Trước triều vua Thành Thái, lễ được tổ chức một năm hoặc hai năm một lần. Đến năm Thành Thái thứ 2 (1890), ba năm tế một lần. Đàn Nam Giao được xây dựng xong vào năm Gia Long thứ 5 (1806) ở làng Dương Xuân, phía nam Kinh thành Huế. Đám rước bắt đầu vào lúc trời vừa tảng sáng, mở đầu bằng việc các Thái giám bưng Đồng nhân trong phòng Trai cung điện Cần Chánh bàn giao cho quan Thái Thường tự; Đồng nhân này sẽ được rước lên đặt ở Trai cung tại đàn Nam Giao. Thế rồi, phút chốc cờ vàng tung bay trên Kỳ Đài báo hiệu giờ phút vua lên đường đến Đàn Nam Giao để tế trời. Đoàn Ngự đạo tiến về Đàn Nam Giao với 3 đạo: Tiền đạo, Trung đạo và Hậu đạo. Đoàn Tiền đạo gồm 2 voi dẫn đầu, với đầy đủ các tượng binh, quân tượng, binh lính cầm cờ Ngũ hành, Nhị thập bát tú, lễ bộ, phan, trường kiếm, chiêng, lọng đỏ và các nhạc công phường trống Ngũ lôi



(gọi là Ngũ lôi đồng cổ) mang não bạt, thanh la và trống (đánh hai tiếng một), thể hiện uy quyền của đoàn Ngự đạo.

Tên gọi Ngũ lôi xuất phát từ truyền thuyết đời Hán Cao Tổ (Lưu Bang) có ông Trương Lương (tự Tử Phòng) hóa Ngũ Lôi dẹp đường khi hoàng đế ngự. Ngoài ra từ Ngũ Lôi còn xuất hiện trong 5 câu chú: Nhất lôi chấn động thiên địa; Nhị lôi khai thông đạo lễ; Tam lôi trấn động yêu tinh; Tứ lôi cầu an quốc tự; Ngũ lôi thiên hạ thái bình.



Các vị thần Hy Lạp gồm những vị thần nào?

Người Hy Lạp thường nhắc đến 12 vị thần. Thần Jupiter (hay Zeus) là vị thần thống trị toàn nhân loại. Thần Juno (hay Hera) là vợ của thần Jupiter. Thần Neptune (hay Poseidon) là anh em với thần Jupiter. Ông có thể điều khiển sóng gió ngoài khơi. Thần Vulcan (hay Hephestus) là Thần Lửa. Thần Apollo là Thần Mặt trời, cũng là thần của thi ca và âm nhạc. Thần Diana (hay Artemis) là Thần Mặt trăng,





em gái đẹp nhất của thần Apollo. Thần Mars (hay Ares) là Thần Chiến tranh. Thần Mercury (hay Hermes) là Sứ giả truyền tin và hòa giải. Thần Minerva (hay Athena) là Nữ thần Trí tuệ. Thần Venus (hay Aphrodite) là Nữ thần Ái tình và cũng là Nữ thần Sắc đẹp. Thần Vesta là Nữ thần Gia đình. Thần Ceres (hay Semeter) là Nữ thần Nông nghiệp. Đây là các vị thần trên núi Olympus. Ngoài ra còn có thần Pluto là em của thần Jupiter, và là thần coi sóc cõi âm. Người ta đã dùng các tên các vị thần này để đặt tên cho một số các hành tinh của Hệ Mặt trời: Mộc tinh-Jupiter, Hỏa tinh-Mars, Kim tinh- Venus, Thủy tinh -Mercury, Hải vương tinh-Neptune.



Tại sao lại gọi là Thánh địa Mỹ Sơn?

Thánh địa Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 69km và cách thành cổ Trà Kiệu khoảng 20km, là tổ hợp bao gồm nhiều đền đài Chăm-pa, trong một thung lũng đường kính khoảng 2km, bao quanh bởi đồi núi. Đây từng là nơi tổ chức cúng tế của vương triều Chăm-pa cũng như là lăng mộ của các vị vua Chăm-pa hay hoàng thân, quốc thích. Thánh địa Mỹ Sơn được coi là một trong những trung tâm đền đài chính của Ấn Độ giáo ở khu vực Đông Nam Á và là di sản duy nhất của thể loại này tại Việt Nam. Thông thường người ta hay so sánh thánh địa này với các tổ hợp đền đài chính khác ở Đông Nam Á như Borobudur (Java, Indonesia), Pagan (Myanmar), Angkor Wat (Campuchia) và Ayutthaya (Thái Lan). Từ năm 1999, thánh địa Mỹ Sơn đã được UNESCO chọn là một trong các di sản thế giới. Mỹ Sơn có lẽ được bắt đầu xây dựng vào thế kỷ 4. Trong nhiều thế kỷ, thánh địa này được bổ sung thêm các ngọn tháp





lớn nhỏ và đã trở thành khu di tích chính của văn hóa Chăm-pa tại Việt Nam. Ngoài chức năng hành lễ, giúp các vương triều tiếp cận với các thánh thần, Mỹ Sơn còn là trung tâm văn hóa và tín ngưỡng của các triều đại Chăm-pa và là nơi chôn cất các vị vua, thầy tu nhiều quyền lực. Những di vật đầu tiên được tìm thấy ghi dấu thời đại vua Bhadravarman I (Phạm Hồ Đạt, trị vì từ năm 381 đến 413), vị vua đã xây dựng một thánh đường để thờ cúng Linga và Shiva. Mỹ Sơn chịu ảnh hưởng rất lớn của Ấn Độ cả về kiến trúc - thể hiện ở các đền tháp đang chìm đắm trong huy hoàng quá khứ, và về văn hóa - thể hiện ở các dòng bia ký bằng chữ Phạn cổ trên các tấm bia. Dựa trên các tấm bia văn tự khác, người ta biết nơi đây đã từng có một đền thờ đầu tiên được làm bằng gỗ vào thế kỷ 4. Hơn 2 thế kỷ sau đó, ngôi đền bị thiêu hủy trong một trận hỏa hoạn lớn. Vào đầu thế kỷ 7, vua Sambhuvarman (Phạm Phạn Chi, trị vì từ năm 577 đến năm 629) đã dùng gạch để xây dựng lại ngôi đền còn tồn tại đến ngày nay (có lẽ sau khi dời đô từ Khu Lật về Trà Kiệu).



Các triều vua sau đó tiếp tục tu sửa lại các đền tháp cũ và xây dựng các đền tháp mới để thờ các vị thần. Gạch là vật liệu tốt để lưu giữ ký ức của một dân tộc kỳ bí và kỹ thuật xây dựng tháp của người Chăm cho tới nay vẫn còn là một điều bí ẩn. Người ta vẫn chưa tìm ra lời giải đáp thích hợp về chất liệu gắn kết, phương thức nung gạch và xây dựng. Những ngọn tháp và lăng mộ có niên đại từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 14, nhưng các kết quả khai quật cho thấy các vua Chăm đã được chôn cất ở đây từ thế kỷ 4. Tổng số công trình kiến trúc là trên 70 công trình. Thánh địa Mỹ Sơn có thể là trung tâm tôn giáo và văn hóa của nhà nước Chăm pa khi thủ đô của quốc gia này là Trà Kiệu hay Đồng Dương.



Ai là người đầu tiên khám phá ra Bắc cực?

Vùng Bắc cực (Arctic) đã kích thích sự tò mò của con người từ thời Hy Lạp cổ đại và có thể còn sớm hơn nữa. Vào thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên, nhà thám hiểm Hy Lạp Pytheas đã đi thuyền buồm từ Địa Trung Hải lên phía Bắc, đến tận giáp ranh của vùng Bắc cực. Cũng có thể còn có những người Anh hay Na Uy đến sớm hơn nhưng không có tài liệu ghi chép lại. Đến thế kỷ thứ 16 thì mới có nhiều



Nhà thám hiểm Hoa Kỳ Richard E. Byrd



nhà thám hiểm đến khám phá Bắc cực và năm 1903 nhà thám hiểm Roald Amundsen đã phát hiện ra một con đường đến Bắc cực một cách thuận lợi. Tuy nhiên mãi đến ngày 6-4-1909 thì đô đốc Hoa Kỳ Robert E. Peary mới được coi là người đầu tiên vượt băng biển để đến được Bắc cực. Chuyến bay đầu tiên đến Bắc cực được nhà thám hiểm Hoa Kỳ Richard E. Byrd thực hiện thành công vào ngày 9-5-1926.



Ai là người đầu tiên khám phá ra châu Đại dương?

Châu Đại dương rộng đến 8.538.716km², bao gồm 35,67 triệu dân thuộc 14 quốc gia (lớn nhất là Australia và New Zealand) và 25 lãnh thổ phụ thuộc. Năm 1642 thuyền trưởng Hà Lan Abel Tasman khám phá ra hòn



đảo mà ngày nay gọi là Tasmânia và khám phá ra New Zealand, về sau ông còn khám phá ra bờ biển phía Bắc của Australia. Năm 1770 thuyền trưởng Anh là James Cook khám phá tiếp được bờ biển phía Đông của Australia và đặt tên là New South Wales. Ông đã tiếp cận được cảng Botany (nay là nơi gần Sydney). Năm 1788 thuộc địa Anh đầu tiên được thiết lập ở khu vực ấy và nay trở thành đô thị Sydney.





Khách sạn được đánh giá theo chất lượng “sao” là như thế nào?

Theo Quy định về tiêu chuẩn khách sạn thì: Khách sạn là công trình kiến trúc được xây dựng độc lập, có quy mô từ 10 buồng ngủ trở lên, bảo đảm chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dịch vụ cần thiết phục vụ khách du lịch. Khách sạn đạt tiêu chuẩn



Khách sạn Dubai

xếp hạng từ 1 đến 5 sao: Là khách sạn có cơ sở vật chất, trang thiết bị, chất lượng phục vụ cao, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách du lịch về ăn, nghỉ, sinh hoạt, giải trí theo tiêu chuẩn của từng hạng, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, được đánh giá thông qua các tiêu chí: 1. Vị trí, kiến trúc; 2. Trang thiết bị, tiện nghi phục vụ; 3. Dịch vụ và mức độ phục vụ; 4. Nhân viên phục vụ; 5. Vệ sinh. Khách sạn hạng càng cao, yêu cầu chất lượng phục vụ, trang thiết bị tiện nghi, số lượng các dịch vụ càng phải đầy đủ, hoàn hảo, đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách. Ngoài việc đáp ứng đủ các yêu cầu chung về tiêu chuẩn khách sạn theo quy định, đối với từng hạng



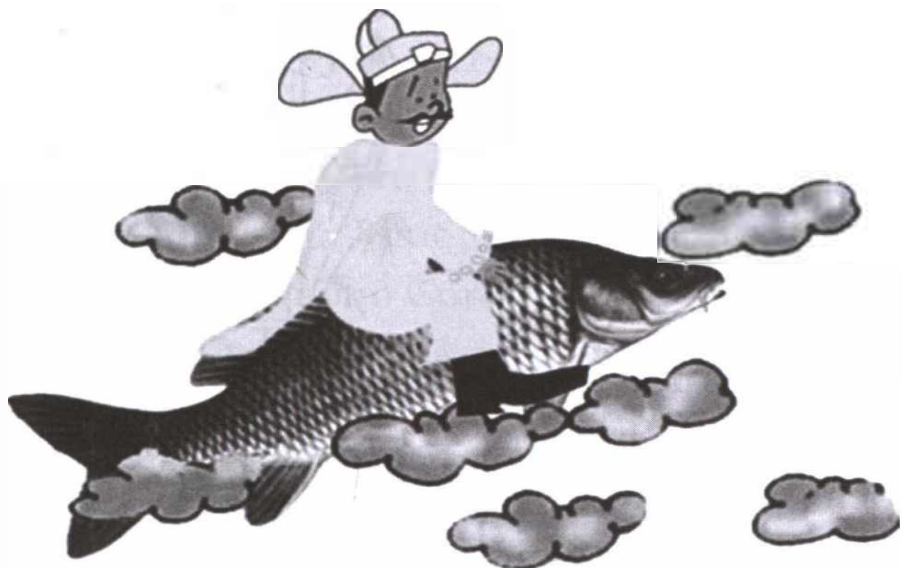
“sao” của khách sạn thì cần đáp ứng thêm các điều kiện tiêu chuẩn của từng hạng mục của các tiêu chí theo quy định riêng. Một số nước đã có những khách sạn 6 sao, 7 sao. Khách sạn 7 sao Emirates Palace tại Các tiểu vương quốc Ảrập thống nhất vừa tung ra kỳ nghỉ một tuần trị giá hơn 1 triệu USD dành cho hai người, với những hình thức phục vụ vốn chỉ dành cho các bậc vua chúa.



Nguồn gốc của tục lễ tiễn ông Táo châu Trời?

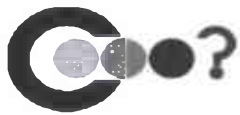
Theo tục lệ cổ truyền, người Việt tin rằng, hàng năm, cứ đến ngày 23 tháng Chạp âm lịch, Táo Quân lại cưỡi cá chép bay về trời để trình báo mọi việc xảy ra trong gia đình với Ngọc Hoàng. Cho đến đêm Giao thừa Táo Quân mới trở lại trần gian để tiếp tục công việc coi sóc bếp lửa của mình. Vì Táo Quân quanh năm ở trong bếp nên biết hết mọi chuyện hay dở tốt xấu của mọi người, cho nên để Vua Bếp “phù trợ” cho mình được nhiều điều may mắn trong năm mới, người ta thường làm lễ tiễn đưa ông Táo về châu Ngọc Hoàng rất trọng thể. Người ta thường mua hai mũ ông Táo có hai cánh chuồn và một mũ dành cho Táo Bà

không có cánh chuồn, ba cái áo bằng giấy cùng một con cá chép (còn sống hoặc bằng giấy, hoặc cũng có thể dùng loại vàng mã gọi là “cò bay ngựa chạy”) để làm





phương tiện cho “Vua Bếp” lên châu trời. Ông Táo sẽ tâu với Ngọc Hoàng về việc làm ăn, cư xử của mỗi gia đình dưới hạ giới. Lễ cúng thường diễn ra trước 12 giờ trưa, sau khi cúng xong, người ta sẽ hóa vàng đồ lễ, nếu có cá sống thì sẽ đem thả xuống sông, hồ, biển hay giếng nước, tùy theo khu vực họ sinh sống.

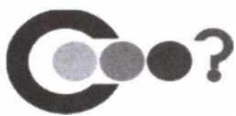


Có phải Táo Quân trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có nguồn gốc từ ba vị thần Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ?

Trong lễ cúng ông Táo thường có phong tục làm một mâm cúng gồm cỗ mặn, bánh kẹo, rượu, trầu cau. Ngoài ra còn có bát hương, đèn nến, hoa tươi, đĩa ngũ quả và ba bộ mũ áo, hia hài và những đồng tiền vàng, lại còn phải có ba con cá chép sống để Táo quân cưỡi về Trời (!). Sau khi bày lễ, thắp hương và khăn vái xong, đợi hương tàn lại thắp thêm một tuần hương nữa, lễ tạ rồi hóa vàng mã và thả cá chép ra ao, hồ, sông, suối... để cá chở ông Táo lên châu Trời. Táo Quân trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có nguồn gốc từ ba vị thần Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ của Lão giáo Trung Quốc nhưng được Việt hóa thành huyền tích “2 ông 1 bà” - vị thần Đất, vị thần

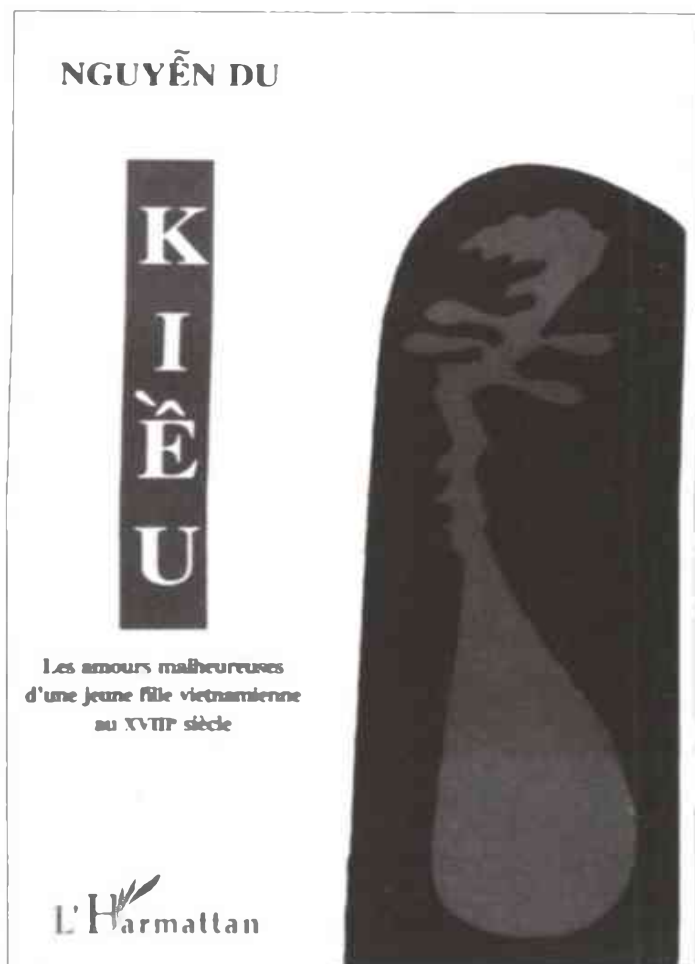


Nhà, vị thần Bếp núc. Tuy vậy người dân vẫn quen gọi chung là Táo Quân hoặc ông Táo do kết quả của thuyết tam vị nhất thể (thuyết Ba ngôi) khá phổ biến trong các tín ngưỡng, tôn giáo. Bếp là bản nguyên của nhà khi người nguyên thủy có lửa và đều dựa trên nền móng là đất. Sự tích Táo Quân được truyền khẩu, rồi ghi chép, do đó có những sự khác nhau về tình tiết, nội dung chính được tóm tắt như sau: Trọng Cao có vợ là Thị Nhi ăn ở với nhau đã lâu mà không con, nên sinh ra buồn phiền, hay cãi cọ nhau. Một hôm, Trọng Cao giận quá, đánh vợ. Thị Nhi bỏ nhà ra đi sau đó gặp và bằng lòng làm vợ Phạm Lang. Khi Trọng Cao hết giận vợ, nghĩ lại mình cũng có lỗi nên đi tìm vợ. Khi đi tìm vì tiền bạc đem theo đều tiêu hết nên Trọng Cao đành phải đi ăn xin. Khi Trọng Cao đến ăn xin nhà Thị Nhi, hai vợ chồng nhận ra nhau. Thị Nhi rước Trọng Cao vào nhà, hai người kể chuyện và Thị Nhi tỏ lòng ân hận vì đã trót lấy Phạm Lang làm chồng. Phạm Lang trở về nhà, Thị Nhi sợ chồng bắt gặp Trọng Cao nơi đây thì khó giải thích nên bảo Trọng Cao ẩn trong đồng rơm ngoài vườn. Phạm Lang về nhà vô tình đốt đồng rơm để lấy tro bón ruộng. Trọng Cao không dám chui ra nên bị chết thiêu. Thị Nhi trong nhà chạy ra thấy Trọng Cao đã chết bởi sự sắp đặt của mình nên nhào vào đồng rơm đang cháy để chết theo. Phạm Lang gặp tình cảnh quá bất ngờ, thấy vợ chết không biết tính sao, liền nhảy vào đồng rơm đang cháy để chết theo vợ. Linh hồn của ba vị được đưa lên Thượng đế. Thượng đế thấy ba người đều có nghĩa, nên sắc phong cho làm Táo Quân, gọi chung là: Định Phúc Táo Quân, nhưng mỗi người giữ một việc: Phạm Lang làm Thổ Công, trông coi việc bếp. Trọng Cao làm Thổ Địa, trông coi việc nhà cửa. Thị Nhi làm Thổ Kỳ, trông coi việc chợ búa. Người Việt quan niệm ba vị thần Táo Quân định đoạt phúc đức cho gia đình do việc làm đúng đạo lý của gia chủ và mọi người trong nhà.



Truyện Kiều của Nguyễn Du được dịch ra bao nhiêu thứ tiếng? Hiện nay bản dịch nào được xem là chính xác nhất?

Theo GS. Lê Thành Khôi thì *Truyện Kiều* đã được dịch ra tới 31 ngôn ngữ. Nhà văn hóa Hữu Ngọc đã đọc khá nhiều bản dịch. Đặc biệt, ông đang giữ trong nhà 10 bản (1 bản tiếng Đức, 1 bản tiếng Hán, 2 bản tiếng Anh, và 6 bản tiếng Pháp). Ông cho biết: “Có rất nhiều góc độ khác nhau để đánh giá một tác phẩm dịch. Nếu theo “ngữ” thì có lẽ sự đồng văn (cùng ở châu Á, có nền văn hóa gần với Việt Nam) sẽ dễ lột tả được tinh thần nguyên bản hơn. Các ngôn ngữ phương Tây gặp nhiều khó khăn khi chuyển tải hơn, bởi vì tiếng Việt là thứ tiếng đơn âm nhưng lại mang tính tổng hợp còn các thứ tiếng phương Tây thì đa âm nhưng lại mang tính chất phân tách. Ngữ pháp tiếng Việt rất lỏng lẻo còn ngữ pháp phương Tây thì chặt chẽ. Ví dụ như cùng một từ trong tiếng Việt vừa có thể là trạng từ vừa là tính từ hoặc danh từ. Điều này cực kỳ phổ biến trong thơ. Cái mơ hồ này chính là điểm hay trong “Truyện Kiều” thì khi dịch sang các thứ tiếng phương Tây sẽ không thể chuyển tải nổi, cho nên phần nào mất đi “hồn thơ” trong nguyên tác. Các yếu tố thuộc



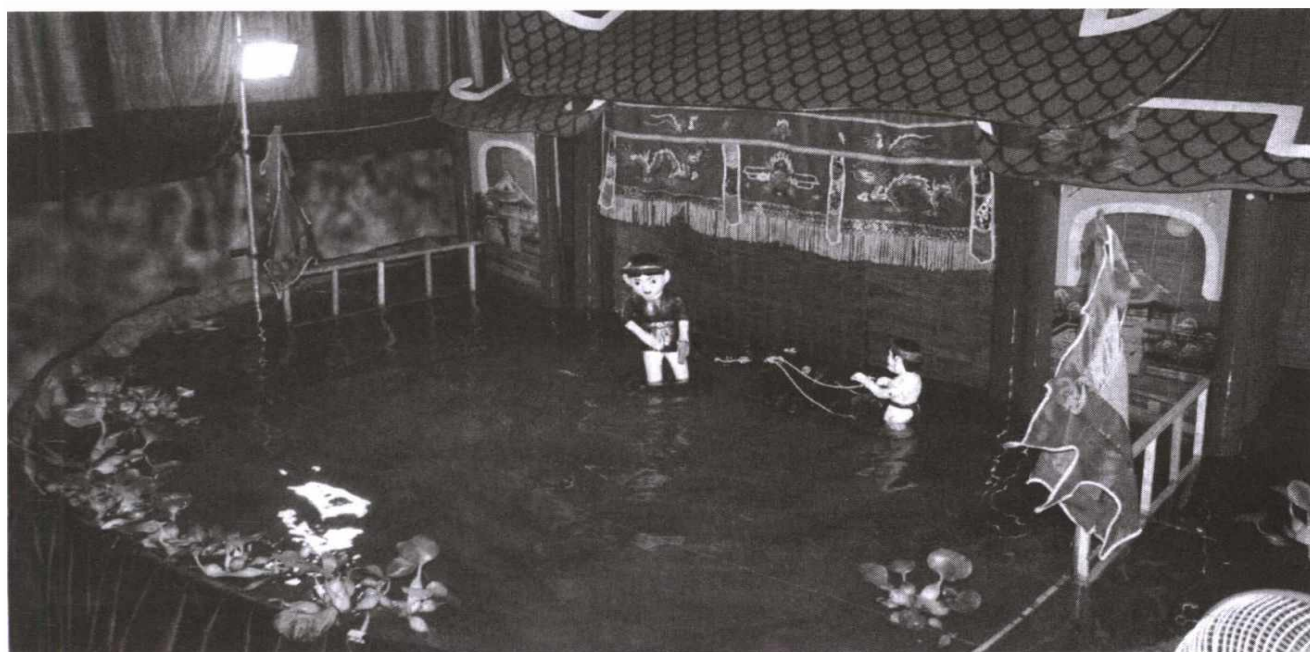
về huyền thoại hay lịch sử, các liên hệ cổ văn khiến cho câu thơ vừa đọc lên đã mang tính “gợi” với rất nhiều tầng lớp văn hóa ẩn giấu thì càng không thể dịch được. Nhưng nếu sa đà vào giải thích nhiều quá thì sẽ mất hết hơi văn. Những bản dịch Kiều dù hay đến mấy thì cũng không thể giải quyết được cùng lúc cả ba vấn đề khó khăn này. Hành trình từ gốc sang tiếng nước ngoài chỉ đảm bảo đạt được tới 60-70% là cùng.

Xét trên nhiều khía cạnh, bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Pháp của Nguyễn Khắc Viện là tốt nhất”.



Loại hình nghệ thuật múa rối nước được bắt nguồn từ khi nào và từ nước nào?

Múa rối nước (hay còn gọi là trò rối nước) là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống độc đáo, ra đời từ nền văn hóa lúa nước. Từ một nghệ thuật mang yếu tố dân gian, múa rối nước đã trở thành một nghệ thuật truyền thống, một sáng tạo đặc





biệt của người Việt. Múa rối nước đã ra đời vào triều đại nhà Lý (1010 - 1225) ở vùng châu thổ sông Hồng. Loại hình này thường diễn vào dịp lễ, hội làng, ngày vui, ngày Tết, dùng con rối diễn trò, diễn kịch trên mặt nước. Trò rối nước cũng được coi là nét văn hóa phi vật thể đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Do tính đặc sắc, nên từ nghệ thuật mang yếu tố dân gian, múa rối nước đã nhanh chóng trở thành nghệ thuật truyền thống, có thể sánh ngang với tuồng, chèo là những bộ môn nghệ thuật có vị trí cao trong nền sân khấu dân tộc. Múa rối thì có ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhưng múa rối nước thì chỉ duy nhất có ở Việt Nam. Nghệ thuật múa rối nước có đặc điểm khác với múa rối thông thường: Dùng mặt nước làm sân khấu (nhà rối hoặc thủy đình); phía sau có phong che và xung quanh trang trí cờ, quạt, lọng, cổng hàng mã. Những con rối được những người khiển rối đứng sau phong biểu diễn. Múa rối nước không thể thiếu tiếng trống và tiếng pháo phụ trợ, nhạc rối nước thường sử dụng các làn điệu chèo hoặc dân ca Bắc Bộ.



Ngày Nhà giáo Việt Nam lần đầu tiên được tổ chức vào năm nào?

Ngày 20 tháng 11 được coi là ngày kỷ niệm Quốc tế hiến chương các nhà giáo. Tháng 7 năm 1946, một tổ chức quốc tế các nhà giáo tiên bộ được thành lập ở Paris đã lấy tên là Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục (*Fédération Internationale Syndicale des Enseignants - FISE*). Năm 1949, tại một hội nghị ở Warszawa (thủ đô của Ba Lan), Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục đã ra bản “Hiến chương các nhà giáo” gồm 15 chương với nội dung chủ yếu là đấu tranh chống nền giáo dục tư sản, phong kiến, xây dựng nền giáo dục trong đó bảo vệ những quyền lợi của nghề dạy học và nhà





giáo, đề cao trách nhiệm và vị trí của nghề dạy học và nhà giáo. Trong cuộc họp của FISE từ 26 đến 30 tháng 8 năm 1957 tại Warszawa, đã quyết định lấy ngày 20 tháng 11 năm 1958 là ngày “Quốc tế hiến chương các nhà giáo”. Ngày này lần đầu tiên cũng đã được tổ chức trên toàn miền Bắc Việt Nam. Những năm sau đó, ngày lễ này được còn tổ chức tại nhiều vùng giải phóng ở miền Nam Việt Nam. Sau khi nước nhà

thống nhất, ngày này đã trở thành ngày truyền thống của ngành giáo dục Việt Nam. Vào ngày 28 tháng 9 năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành quyết định số 167-HĐBT xác định ngày 20 tháng 11 hằng năm là “Ngày nhà giáo Việt Nam”.



Tiền giấy lần đầu tiên lưu hành tại Việt Nam từ thế kỷ nào?

Thời nhà Hồ ở Việt Nam đã ban hành tiền giấy vào năm 1396. Sử cũ chỉ chép lại rằng: “Mùa hạ, tháng 4 năm Bính Tý, niên hiệu Quang Thái năm thứ 9 (1396) (khi đó Hồ Quý Ly chưa cướp ngôi nhà Trần) bắt đầu phát hành tiền giấy “Thông bảo hội sao”. In xong, hạ





lệnh cho người đem tiền đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy; Ai làm giả phải tội chết và bị tịch thu điền sản nộp nhà nước; Cấm hẳn tiền đồng không được chứa và tiêu riêng. Chính sách này của Hồ Quý Ly là nhằm mục đích thu thập kim loại làm vũ khí phục vụ chiến tranh. Cách phát hành tiền là đổi hoàn toàn tiền cũ lấy tiền mới, và đã thấy ngay sự không hợp lý của chính sách này. Sự ra đời tiền giấy không có những tiền đề kinh tế của nó, không trải qua những giai đoạn thai nghén trung gian để có được lòng tin của dân chúng nên đã dẫn tới tiền giấy khó lưu thông trong dân chúng. Vì vậy, thực tế chính sách tiền giấy của Hồ Quý Ly đã hoàn toàn thất bại. Cùng với sự sụp đổ của nhà Hồ, tiền giấy cũng chấm dứt lưu hành. Năm 1429, ngay năm thứ hai sau khi lên ngôi, Lê Thái Tổ đã cho đúc tiền kim loại trở lại, nhân dân lại quay trở lại dùng tiền này. Tiền giấy “Thông bảo hội sao” nhà Hồ ban hành như một bông hoa trái mùa nên nhanh chóng lụi tàn.



Tiền giấy “Thông bảo hội sao”





Người Nhật Bản treo cờ cá chép vào ngày lễ nào trong năm?

Koinobori là một loại cờ đón gió truyền thống mô phỏng hình dạng cá chép được treo ở Nhật Bản để chào mừng ngày lễ kỷ niệm truyền thống trong năm của quốc gia có tên gọi là Tango no kekku. Tại



Nhật Bản ngày 5 tháng 5 âm lịch là ngày dành cho trẻ em Nhật Bản, và cũng là một ngày lễ của quốc gia. Đây cũng là ngày kỷ niệm sự lớn lên, khỏe mạnh, và hạnh phúc của các bé trai. Những gia đình có bé trai thường treo cờ cá chép đầy màu sắc. Cờ cá chép này được gọi là *koinobori* thường được treo ở phía trước cửa nhà của họ với hy vọng rằng các con của họ sẽ lớn lên khỏe mạnh. Việc treo cờ cũng mang ý nghĩa thông báo của gia đình rằng con trai của họ đã lớn lên khỏe mạnh và dũng cảm, có thể lập thân, lập nghiệp thành công trong cuộc đời như “cá chép vượt Vũ Môn”. Vì vậy *koinobori* đã được coi là một truyền thống tại Nhật và đã trở thành một lễ hội quốc gia. Cờ cá chép thường được treo vào những ngày nắng, vì cờ thường được vẽ bằng giấy Nhật Bản nên trong những ngày mưa nó sẽ làm chảy các nét vẽ trên cờ cá chép điều này cũng giống như cá chép bị chảy máu.

Cờ cá chép rồng ruột có thể bay theo chiều gió có bán tại các siêu thị Nhật Bản, không chỉ tại Nhật mà còn tại nhiều nước trên thế giới.





Ngày Môi trường Thế giới bắt đầu từ lúc nào?

Ngày 5 tháng 6 năm 1972, nhân Hội nghị Môi trường Thế Giới tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển, Đại Hội đồng Liên hiệp quốc đã quyết định ngày này là Ngày Môi trường Thế Giới. Từ đó, hơn 150 quốc gia trên thế giới đã hưởng ứng tham gia vào ngày kỷ niệm này. Cách hoạt động hưởng ứng thường được tổ chức trong tuần lễ quanh ngày 5 tháng 6 hàng năm. Các thành phố đăng cai tổ chức các hoạt động quốc tế nhân Ngày Môi trường Thế giới. Không ai có thể phủ nhận vai trò của môi trường đối với sự tồn tại và phát triển của con người. Trong điều kiện hiện nay, khi môi trường đã trở thành một vấn đề toàn cầu thì việc bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa mục tiêu kinh tế với mục tiêu an sinh xã hội và mục tiêu bảo vệ môi trường là sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan. Dù ở bất kể thời kỳ nào thì môi trường vẫn luôn đóng một vai trò không thể thiếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của con người.



5 JUNE



WORLD ENVIRONMENT DAY

Forests: Nature at Your Service

In support of the UN International Year of Forests





9 kỷ lục mới được xác nhận ở nước ta về biển đảo gồm những kỷ lục nào?

Nhân tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam diễn ra từ ngày 5 đến 8-6-2012 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được sự hỗ trợ của Tổng cục Biển và hải đảo Việt Nam, sau một thời gian tìm kiếm và đề xuất, Tổ chức Kỷ lục Việt Nam chính thức công bố 9 kỷ lục Việt Nam trong lĩnh vực biển và hải đảo nhằm quảng bá các đặc trưng, sản vật, sản phẩm của biển, đảo Việt Nam đến người dân trong nước và bạn bè quốc tế.

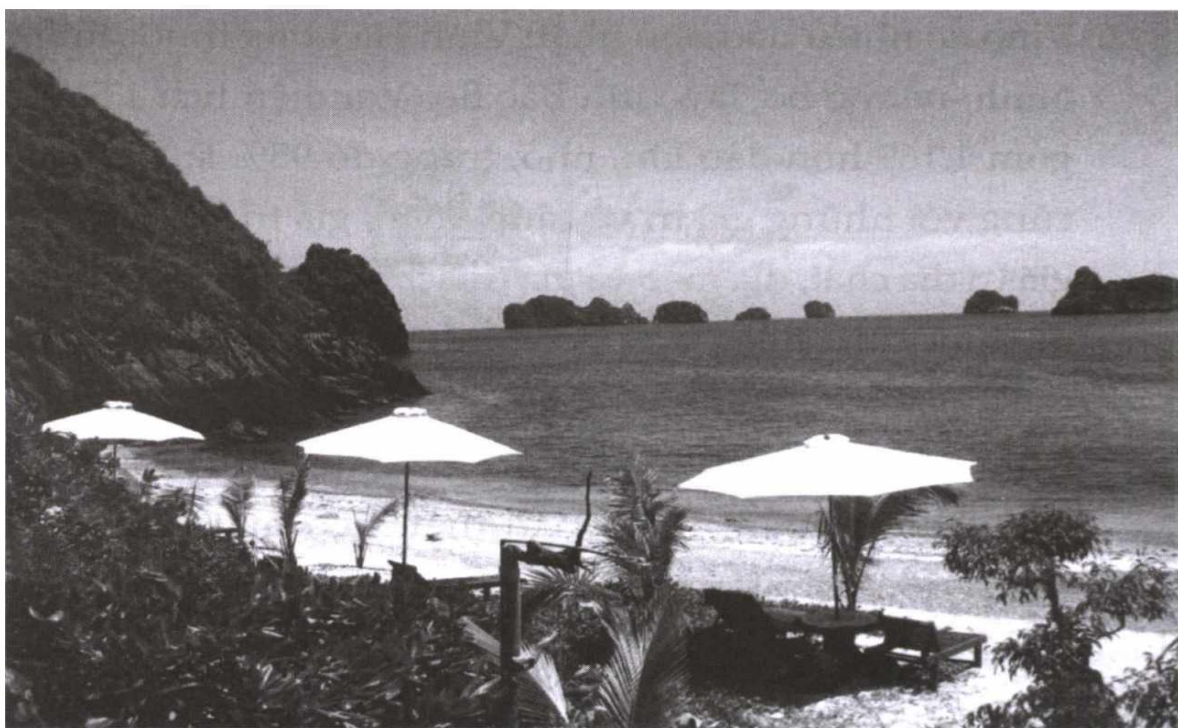
Chín kỷ lục này gồm:

1. Bãi biển dài nhất: Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh Quảng Ninh nằm ở cực Đông Bắc của Tổ quốc, nơi giáp ranh giữa Việt Nam và Trung Quốc có chiều dài 17km, diện tích khoảng 170ha cong hình vành khuyên, trải từ Mũi Gót phía Bắc đến Mũi Ngọc ở phía Nam. Trà Cổ được đánh giá là một trong những bãi biển đẹp nhất Việt Nam.
2. Vịnh có nhiều đảo nhỏ nhất: Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh, nằm ở bờ Tây vịnh Bắc Bộ. Với diện tích 1.553km² bao gồm 1.169 hòn đảo lớn, nhỏ, trong đó 95% là các đảo đá vôi cùng với những giá trị về cảnh quan; giá trị đa dạng sinh học, giá trị địa chất, địa mạo và giá trị lịch sử, văn hóa, vịnh Hạ Long đã được công nhận là di tích danh thắng cấp quốc gia và di sản thế giới.
3. Đầm phá lớn nhất: Tam Giang - Cầu Hai (thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên - Huế) với diện tích mặt nước 21.600ha, chiếm 48,2% tổng số diện tích mặt nước các đầm phá ven bờ Việt Nam.
4. Quần đảo có nhiều đảo nhất: Quần đảo Cát Bà với 367 hòn đảo lớn, nhỏ nằm ở phía Nam vịnh Hạ Long, ngoài khơi



Thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh. Quần đảo Cát Bà có đa dạng sinh học cao.

5. Quần đảo xa bờ nhất: Quần đảo Trường Sa - Khánh Hòa, nằm giữa biển Đông về phía Đông Nam nước ta, phía Bắc là quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, phía Đông giáp biển Philippines, phía Nam giáp biển Malaysia, Brunei và Indonesia; cách Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa) 243 hải lý, cách Vũng Tàu 440 hải lý.
6. Cụm đảo gần xích đạo nhất: Cụm đảo Hòn Khoai thuộc xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển - Cà Mau gồm 5 đảo nhỏ và rất nhỏ: Hòn Khoai ($4,96\text{km}^2$), hòn Sao ($0,7\text{km}^2$), hòn Gò ($0,03\text{km}^2$), hòn Đồi Mồi ($0,03\text{km}^2$) và hòn Đá Lẻ ($0,005\text{km}^2$). Cụm đảo có tọa độ từ $8^\circ 22' 46''$ đến $8^\circ 27' 30''$ độ vĩ Bắc và từ $104^\circ 48' 30''$ đến $104^\circ 52' 30''$ độ kinh Đông.
7. Hòn đảo lớn nhất: Đảo Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất trong số 38 đảo của huyện đảo Phú Quốc - Kiên Giang. Đảo Phú Quốc còn là hòn đảo lớn nhất trong hệ thống hải đảo của Việt Nam



Đảo Phú Quốc



với diện tích 561km², nằm ở tọa độ 10°00' - 10°27' vĩ độ Bắc và 103°49' - 104°05' kinh độ Đông, cách Rạch Giá 116km, cách Hà Tiên 45km.

8. Khu bảo tồn biển Việt Nam lớn nhất: Khu Bảo tồn biển Nam Yết, thuộc huyện Trường Sa - Khánh Hòa, ở tọa độ 10°11'00" vĩ độ Bắc và 114°21'42" kinh độ Đông. Khu Bảo tồn biển Nam Yết có tổng diện tích là 35.000ha, trong đó diện tích biển là 20.000ha và toàn bộ diện tích đảo rạn san hô Nam Yết 15.000ha.

Khu Bảo tồn biển đảo Nam Yết nằm ở phía Nam cụm đảo Nam Yết, cách Thành phố Nha Trang khoảng 450km về phía Đông Nam, có tầm quan trọng kinh tế đối với nghề đánh bắt hải sản xa bờ. Ngoài ra, nó còn có giá trị pháp lý đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia về mặt lãnh thổ và tài nguyên môi trường.

9. Huyện đảo có mật độ dân số cao nhất: Lý Sơn là huyện đảo tiền tiêu nằm ở ngoài khơi vùng biển tỉnh Quảng Ngãi, cách Thành phố Quảng Ngãi 45km về phía Đông Bắc. Huyện đảo bao gồm đảo Lý Sơn, cù lao Bờ Bãi và hòn Mù Cu có tổng diện tích đất là 9,97km², dân số 18.223 người (năm 2009). Với mật độ dân số 1.888 người/km², đây là huyện đảo có mật độ dân số cao nhất trong 12 huyện đảo của Việt Nam.



Dân gian có câu “Lênh đênh qua cửa Thần Phù, khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm”. Vậy cửa Thần Phù ở đâu?

Cửa Thần Phù là tên một địa danh lịch sử xa xưa gắn với nhiều truyền thuyết, hiện chỉ còn là vùng đất nằm ở hai bên cửa biển cũ nay đã lùi sâu trong đất liền hơn 10 kilomet. Trước đây khu vực này





thuộc tỉnh Ninh Bình, dưới thời Nguyễn, một phần được tách về tỉnh Thanh Hóa. Cửa biển Thần Phù hiện thuộc ranh giới giữa 2 xã Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình và Nga Điền, Nga Sơn, Thanh Hóa. Ngày nay khu vực này đã được phù sa bồi đắp thuộc lưu vực sông Càn, con sông cùng với dãy núi Tam Điệp là ranh giới giữa hai miền Trung - Bắc Việt Nam. Theo *Nam Ông mộng lục*, Vua Lý Thái Tông (có thuyết lại cho rằng vua Trần) mang quân Nam chinh dẹp Chiêm Thành, đến cửa biển Thần Phù gặp gió to sóng dữ, không đi được; may nhờ một đạo sĩ có phép thuật cao cường dẹp yên sóng dữ. Khi ban sự trở về, đạo sĩ mất ở dọc đường. Vua cho lập đền thờ ở cửa biển, phong hiệu là “Áp Lãng Chân Nhân” (*Người dẹp yên được sóng dữ*). Hiện nay đền thờ và những di chứng khác vẫn còn ở thôn Yên Phẩm và Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.



Cửa biển Thần Phù





Người ta thường dọa làm điều xấu khi chết sẽ bị đày ải xuống 18 tầng địa ngục. Vậy đó là những tầng gì vậy?

Trong *Thập Bát Nê Lê kinh*, địa ngục hay còn gọi là Naraka. Đây là khái niệm về địa ngục của đạo Phật, đạo Jaina, đạo Sikh, đạo Hindu. Một số nơi còn được dùng cho Hồi giáo. Naraka được chia thành 18 tầng gọi là Quang Tựu Cư, Cư Hư Thối Lược, Tang Cư Đô, Lâu, Phòng Tốt, Thảo Ô Ti Thứ, Đô Lư Nan Đán, Bất Lư Bán Hô, Ô Cảnh Đô, Nê Lư Đô, Ô Lược, Ô Mãn, Ô Tịch, Ô Hô, Tu



Kiện Cư, Vị Đô Can Trục Hô, Khu Thông Đồ, Trần Mạc. Mỗi tầng đều có những hình phạt khác nhau tùy theo những tội lỗi đã làm khi đang ở trần gian. Đó là các tầng địa ngục sau đây:

1. Bạt Thiệt Địa Ngục: Nếu ai khi còn sống đã phạm tội li gián, nói dối, phỉ báng, chửi rủa... người khác thì sẽ bị đày vào tầng này.
2. Tiễn Dao Địa Ngục: Người nào làm mai mối cho những bà góa phụ thì sẽ bị đày vào tầng này.
3. Thiết Thụ Địa Ngục: Những ai làm chia rẽ tình ruột thịt anh em, gia đình sẽ bị đày vào tầng này.





4. Nghiệt Kính Địa Ngục: Tầng này dành cho những ai đã trốn tội cả đời.
5. Chưng Lung Địa Ngục: Tầng này dành cho những ai hãm hại người khác.
6. Đồng Trụ Địa Ngục: Những ai còn sống mà phóng hỏa giết người nhân chứng sẽ phải đày vào tầng này.
7. Dao Sơn Địa Ngục: Những ai khinh khi thần linh hoặc sát sinh động vật thì sẽ đày vào tầng này.
8. Băng Sơn Địa Ngục: Người vợ nào không làm tròn bốn phận làm vợ hoặc thông gian thì sẽ bị đày vào đây.
9. Dầu Oa Địa Ngục: Tầng này dành cho những ai ăn chơi trác táng, mưu đồ trộm cướp.
10. Ngưu Khanh Địa Ngục: Những ai đã ngược đãi súc vật thì sẽ bị chúng trừng phạt lại tại đây.
11. Thạch Áp Địa Ngục: Những ai giết hoặc bỏ rơi con của mình sẽ bị đày ải vào đây.
12. Thung Cữu Địa Ngục: Những ai phí phạm của ăn thì sẽ đày ải vào đây.
13. Huyết Trì Địa Ngục: Những kẻ bắt hiếu sẽ bị trừng trị tại đây.
14. Uống Tử Địa Ngục: Những người tự sát, không biết quý mạng sống mình thì sẽ bị đày vào đây.
15. Trách Hình Địa Ngục: Nếu ai đào mộ người khác cho lợi ích cá nhân thì sẽ đày vào đây.
16. Hỏa Sơn Địa Ngục: Ai ăn hối lộ sẽ phải vào đây.
17. Thạch Ma Địa ngục: Người nào cậy mình có quyền rồi ức hiếp dân lành thì sẽ đày vào đây.
18. Dao Cư Địa Ngục: Tầng này dành cho những người buôn bán dối trá.





Miền Nam có những phương ngữ mà người miền Bắc nhiều khi không hiểu và hiểu nhầm. Ngược lại cũng vậy. Có cách nào để hiểu được các phương ngữ này không?

Có thể lấy ví dụ bằng bài về dân gian sau đây:

Bắc bảo Kỳ, Nam kêu Cọ (Kỳ Cọ); Bắc gọi lọ, Nam kêu chai; Bắc mang thai, Nam có chứa; Nam xẻ nửa, Bắc bỏ đôi; Bắc quở Gầy, Nam than Ốm; Bắc cáo Ốm, Nam khai Bệnh; Bắc định đến muộn, Nam liền la trễ; Nam mằn Sợ Sợ, Bắc làm Lầy lẹ; Bắc lệ tuôn trào, Nam chảy nước mắt; Nam bắc Vạc tre, Bắc kê Lều chõng; Bắc nói Thế thôi, Nam kêu Vậ đó; Bắc đan cái Rọ, Nam làm Giỏ tre; Nam không nghe Nói dai, Bắc chẳng mê Lải nhải; Nam Cãi bai bài, Bắc

Lý sự ào ào; Bắc vào Ô tô, Nam vô Xế hộp; Hồi hộp Bắc hăm Phanh, trợn tròng Nam đập Thắng; Khi nắng Nam mở Dù, Bắc lại xòe Ô; Diên rồ Nam Đi trốn, nguy khốn Bắc Lánh mặt; Chưa chắc Nam nhắc Từ từ, Bắc khuyên Gượng lại; Bắc là Quá đại, Nam thì Ngu ghê; Nam Sợ ghê, Bắc Hãi quá; Nam thừa Tía Má, Bắc gọi Thầy U; Nam nhủ Ưng





ghê, Bắc phê Hải lòng; Nam chôi Lòng vòng, Bắc bảo Dôi quanh; Nhanh nhanh Nam bẻ Bắp, hấp tấp Bắc vật Ngô; Bắc thích cứ Vồ, Nam ưng là Chụp; Nam rờ Bông búp, Bắc vuốt Tường vi; Nam nói: Mày đi! Bắc hô: Cút xéo; Bắc bảo: Cứ véo! Nam: Ngắt nó đi; Bắc gửi Phong bì, Bao thơ Nam gói; Nam kêu: Muốn ới, Bắc bảo: Buồn nôn ; Bắc gọi Tiền đồn, Nam kêu Chòi gác; Bắc hay Khoác lác, Nam bảo Xạo ke; Mưa đến Nam Che, gió ngang Bắc Chấn; Bắc khen Giỏi mắng, Nam nói Chửi hay; Bắc nấu Thịt cầy, Nam thui Thịt chó; Bắc vén búi tóc, Nam Bới tóc lên; Anh Cả Bắc Quên, anh Hai Nam Lú; Nam: Ăn đi chú, Bắc: Mời anh Xơi; Bắc mới tập Bơi, Nam thời đi Lội; Bắc Đi phó hội, Nam Tới chia vui; Thui thui Bắc kéo Xe lôi, một mình Xích lô Nam đạp; Nam thời Mập mập, Bắc cho là Béo; Khi Nam khen Béo, Bắc bảo là Ngậy; Bắc quậy Sướng phê, Năm rên Đã quá; Bắc khoái đi Phà, Nam thường qua Bắc; Bắc nhắc Môi giới, Nam liền Giới thiệu; Nam ít khi Điệu, Bắc hay Làm dáng; Tán mà Không thật, Bắc bảo là Điêu; Giốn hớt hơi nhiều, Nam kêu là Xạo; Bắc Nạo bằng Gươm, Nam Thọt bằng Kiếm; Nam mê Phiếm , Bắc thích Đùa; Bắc vua Bia bọt, Nam chúa La-de; Bắc khoe Bui bui Lạc rang, Nam : Thơm thơm Đậu phộng; Bắc xơi Na vương hòng, Nam ăn Măng cầu mắc hầu; Khi khổ Nam Tròm tròm ăn vụng, Bắc Len lén ăn vèn; Nam toe toét Hồng chịu đền, Bắc vắn mình em Chã; Bắc Giấm chua cái ả, Nam Bậm trợn con kia; Nam Mía tên cà chua, Bắc Rửa đồ phải gió; Nam Nhậu nhẹt thịt Chó, Bắc Đánh chén Cày tơ; Bắc vờ vịt Lá mơ, Nam thẳng thừng lá Thúi địt; Khi thăm, Nam xách Thùng, Bắc bê Xô; Nam bỏ trong Rương, Bắc tuôn vào Hòm; Nam Lết vô hòm, Bắc Mặc áo quan; Bắc xuýt xoa Cái Lan Xinh cực!, Nam trầm trồ Con Lan Đẹp hết chê; Phủ phê Bắc trùm Chăn, no đủ Nam đắp Mền...





Ý nghĩa của cụm từ Ba hồn bảy vía là như thế nào?

Xưa nay, người bình dân chỉ quan niệm giản đơn rằng, người ta sống là do có tinh thần tức là hồn vía nhập vào thể xác. Khi hồn vía lìa khỏi xác thể thì cũng là lúc con người từ bỏ thế giới này mà về nơi chín suối, về với tổ tiên. Tất cả cái tinh anh, khí phách của người đàn ông hợp thành ba hồn bảy vía, còn tất cả cái khôn ngoan, tháo vát ở người đàn bà hợp thành ba hồn chín vía. Chính vì thế, ở dân tộc Kinh, mỗi khi có người ốm thập tử nhất sinh hoặc bị tai nạn bất tỉnh nhân sự, tính mạng bị đe dọa thì người ta thường trèo lên mái nhà hoặc chạy ra ngã bảy, ngã ba... vừa đi về nhà vừa gọi hồn vía người bị nạn để mong cho họ đừng bỏ đi xuống suối vàng. Hoặc giả, nếu họ có chết thì hồn khỏi bị lạc đường, bơ vơ dế sa vào bàn tay bọn ma quỷ vô lại, làm công cụ để hại người lương thiện. Sự gọi hồn ấy, tùy theo người bị nạn là nam hay nữ mà gọi ba hồn bảy vía hay ba hồn chín vía. Nhưng nguyên do của ba hồn bảy vía và ba hồn chín vía là ở đâu? Tại sao đàn ông lại chỉ có bảy vía mà đàn bà lại chín vía? Đó là những câu hỏi không dễ giải thích ngọn ngành, chỉ biết rằng từ xưa người Việt đã có quan niệm và xử sự như vậy. Tìm về với tôn giáo, chúng ta thấy sáng rõ được nguồn gốc của quan niệm trên. Thật ra, đó là xuất phát từ quan điểm duy tâm của Đạo giáo. Theo kinh sách của Lão Tử, hồn là cái linh, thuộc vào phần khí của con người, phách (vía) là cái tình, phụ vào phần hình của con người. Hồn là phần khinh thanh (nhẹ), phách là phần trọng trọc (nặng). Vì vậy, khi người ta chết, hồn bay về trời, còn phách thì tiêu xuống đất theo thể xác. Hồn thì tồn tại mãi mãi, phách và xác thì sẽ tiêu tan. Đàn ông và đàn bà đều có ba hồn phụ thuộc vào tam tiêu (tam tiêu là ba miền - thượng tiêu là miền trên dạ dày, trung tiêu là miền giữa dạ dày và hạ tiêu là miền trên bàng quang), song chỗ khác nhau giữa



đàn ông và đàn bà là: Đàn ông có ba hồn và bảy phách phụ vào thất khiếu (thất khiếu là bảy lỗ trên mặt: hai mắt, hai tai, hai mũi và miệng), còn đàn bà có ba hồn và chín phách phụ thuộc vào cửu khiếu là (thất khiếu giống nam và thêm hai khiếu là lỗ sinh dục và hậu môn). Quan niệm về hồn vía ở trên, không ai khác, chính là do các bậc nho học truyền bá và ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian đến mức người ta chỉ còn biết cái ngọn của nó và tin theo, làm theo. Do có nguồn gốc như vậy, mỗi khi gặp một trường hợp bất tỉnh nhân sự, đáng lẽ cần cấp cứu trong khi không có thầy thuốc, thì người Việt theo thói quen mê tín, thường hú gọi hồn vía người ấy quay về, đừng bỏ phần xác mà ra đi theo ma quỷ.



Vào dịp Tết người ta thường bày mâm ngũ quả. Đó là những loại quả gì?

Gọi là ngũ quả nhưng thật ra chẳng ai rõ quy định là những loại quả gì mà tùy từng địa phương với đặc trưng về khí hậu, sản vật và quan niệm riêng mà người ta chọn ra các loại quả để bày mâm ngũ quả. Tuy nhiên, dù là loại quả gì, mâm ngũ quả vẫn mang một ý nghĩa chung: Dâng cúng tổ tiên thể hiện lòng hiếu thảo và ước mong những điều tốt lành trong gia sự. Mỗi loại quả đều có mùi vị, màu sắc riêng và cũng mang những ý nghĩa nhất định. Người miền Bắc bày chuối, bưởi, đào, hồng và quýt. Cách bày truyền thống sẽ là nải chuối được đặt dưới cùng, ở giữa để đỡ lấy toàn bộ các trái cây khác. Quả bưởi đặt giữa nải chuối, xung quanh là hồng, quýt, đào đan xen vào nhau. Phong tục mỗi nơi mỗi khác. Nếu như ở miền Bắc, hầu như tất cả các loại quả đều có thể bày lên bàn thờ, kể cả quả ớt mang vị cay đắng, miễn sao mâm ngũ quả trông đẹp mắt là được trong khi người miền Nam lại có sự kiêng cử. Mâm ngũ quả của họ không bao



giờ có chuối, vì loại quả này tên gọi có âm giống từ *chúi*, thể hiện sự nguy khó. Quả cam cũng không được có mặt trong mâm ngũ quả ngày Tết, vì có câu *quýt làm cam chịu*... Với triết lý *cầu vừa đủ xài sung túc*, người miền Nam chuộng 5 loại quả: mãng cầu, dừa, đu đủ, xoài và sung. Trước tiên ba loại quả có hình dáng to và trọng lượng nặng là đu đủ, dừa, xoài đặt lên mâm trước để lấy thế; sau đó, bày những quả khác chen lên, để tạo thành một ngọn tháp. Đặc biệt, mâm ngũ quả của người miền Nam không thể thiếu cặp dưa hấu ruột đỏ vỏ xanh, tượng trưng cho lòng trung nghĩa và trinh tiết của người dân phương Nam. Với người Huế, mâm ngũ quả thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa hai miền Nam - Bắc. Giống như một số tỉnh phía Bắc, mâm ngũ quả của người Huế bao giờ cũng có nải chuối đặt ở phía dưới, từng trái chuối ôm gọn các quả khác ở phía trên. Nhưng khác với miền Bắc, người Huế không dùng nải chuối tiêu thon dài như miền Bắc mà chọn loại chuối mật vừa mập vừa tròn. Ngoài ra, người





Huế còn bị ảnh hưởng bởi phong tục tập quán của người miền Nam nên trên mâm ngũ quả của người Huế bao giờ cũng có các loại quả sau: mãng cầu, sung, dừa, đu đủ và xoài. Nhiều năm gần đây, khi mức sống người dân ngày càng được nâng cao, giao lưu kinh tế, văn hóa cũng ngày càng được mở rộng, mâm ngũ quả ngày Tết không chỉ gồm 5 loại trái mà đã trở thành lục, thất,... thập quả, với đủ sắc màu, kiểu dáng. Nhưng tựu chung lại, mâm ngũ quả trên bàn thờ của gia đình trong những ngày Tết mang ý nghĩa gìn giữ bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc Việt. Chính vì vậy, người dân Việt dù ở phương trời nào, đến ngày Tết cổ truyền vẫn không bỏ qua tục lệ này, như một sự nhắc nhở, cho bản thân và cho con cháu, về cội nguồn của mình...



Có bao nhiêu kiểu cười khác nhau?

Có bạn đã sưu tầm và đưa lên mạng được các kiểu cười như sau: 1. Cười chê, 2. Cười cợt, 3. Cười duyên, 4. Cười gằn, 5. Cười góp, 6. Cười khà, 7. Cười khẩy, 8. Cười khi, 9. Cười mát, 10. Cười mỉm chi, 11. Cười mũi, 12. Cười nắc nẻ, 13. Cười ngất, 14. Cười nhạt, 15. Cười như nắc nẻ, 16. Cười nịnh, 17. Cười nụ, 18. Cười ồ, 19. Cười phá, 20. Cười ra nước mắt, 21. Cười rộ, 22. Cười ruồi, 23. Cười sặc, 24. Cười sằng sặc, 25. Cười tình, 26. Cười trừ, 27. Cười túm, 28. Cười vỡ bụng, 29. Cười xòa, 30. Cười buồn (khác buồn cười), 31. Cười vu vơ, 32. Cười lặng lẽ; 33. Cười vô duyên; 34. Cười nhạt (cười lạt), 35. Cười Mơn (cầu tài), 36. Cười ha hả, 37. Cười hồng hộc, 38. Cười khàn khạch, 39. Cười ngật nghẻo, 40. Cười ằng ặc, 41. Cười thẳm, 42. Cười khô (cười khan), 43. Cười lạnh, 44. Cười cười, 45. Cười ngượng ngập (ngượng nghịu), 46. Cười té đái (vãi đái), 47. Cười thủy tinh, 48. Cười trịch thượng, 49. Cười hạ bệ, 50. Cười the thé, 51. Cười e thẹn, 52. Cười khinh bỉ



(khinh miệt), 53. Cười khục khục (nín cười), 54. Cười chua cay, 55. Cười ranh mãnh, 56. Cười bí ẩn, 57. Cười độc, 58. Cười đón, 59. Cười đưa, 60. Cười rập khuôn, 61. Cười bằng mắt, 62. Cười khúc khích, 63. Cười cuồng loạn, 64. Cười giòn, 65. Cười chúm chím, 66. Cười xã giao, 67. Cười thỏa mãn (mãn nguyện), 68. Cười đau khổ, 69. Cười ngô nghê (ngờ ngạc), 70. Cười hì hì, 71. Cười nửa miệng, 72. Cười thành thật, 73. Cười vang, 74. Cười toe toét, 75. Cười đều, 76. Cười xảo trá, 77. Cười ngạo nghễ, 78. Cười chanh chua, 79. Cười ý nhị, 80. Cười tuyệt vọng, 81. Cười sang sảng (rõ ràng), 82. Cười hô hố, 83. Cười tự phụ, 84. Cười đắc thắng, 85. Cười đứ đờ, 86. Cười hóm hỉnh, 87. Cười nhí nhảnh, 88. Cười châm biếm, 89. Cười hiền, 90. Cười phớt tỉnh, 91. Cười trây trúa (nham nhở), 92. Cười như mèo, 93. Cười bò càng, 94. Cười hồn nhiên, 95. Cười ô trọc, 96. Cười đồng lõa, 97. Cười thú nhận, 98. Cười rử rượi, 99. Cười bằng thích, 100. Cười ba lơ, 101. Cười lém lỉnh, 102. Cười chúm chím, 103. Cười hồ hởi, 104. Cười tiếp thị, 105. Cười lảng lơ, 106. Cười bù khú, 107. Cười hênh hếch, 108. Cười khinh khỉnh, 109. Cười nhếch mép, 110. Cười xúy xóa, 111. Cười ré, 112. Cười khanh khách, 113. Cười dâm dăng, 114. Cười xách mé, 115. Cười lơ trôn, 116. Cười miếng chại...





Ý nghĩa lễ hội “tế nước cầu may” của người Lào là gì?

Tháng 4 hàng năm, lễ Bunpimay lại tung bùng trên khắp đất nước Triệu Voi. Vào ngày này, mọi người đều sẵn sàng với một bộ đồ nhanh khô và đón nhận những trận nước mát mẻ cầu may năm mới. Bất kể ai đến Lào vào những ngày này đều được tiếp đón bằng những trận nước té ướt từ đầu đến chân. Lễ hội té nước là một trong những lễ hội văn hóa truyền thống của các nước Đông Nam Á. Người Lào gọi Tết té nước là Bunpimay (hay Pi Mai, Pee Mai, Koud Song Kane, Bunhot Nặm), người Thái Lan gọi là Songkran (theo tiếng Phạn có nghĩa là “Lúc thời gian chuyển dịch, Mặt trời đi từ khu vực Hoàng đạo sang khu vực Kim Ngưu trong vũ trụ”), người Campuchia thì gọi là Chol Chnam Thmey (hay Tết núi cát) và người Myanmar gọi là Thingyan. Tuy hội diễn ra dưới



nhiều dạng khác nhau nhưng tất cả đều mang tính tín ngưỡng. Vào đầu năm mới, thay cho lời chúc may mắn đầu năm, các dân tộc có tục té nước vào nhau để chúc phúc, vẩy nước khắp mọi nơi trong ngày hội để cầu mong mưa thuận gió hòa, cầu cho một năm mới ấm no, hạnh phúc. Lễ hội ở Lào thường được gọi là Bun. Bun có nghĩa là làm phước, làm phước để được phước. Lễ hội Bunpimay ở Lào thường diễn ra từ 13 đến 15/4 hàng năm theo Phật lịch. Lễ hội mang ý nghĩa đem lại sự mát mẻ, phồn vinh cho vạn vật, ấm no, hạnh phúc, thanh khiết cho cuộc sống của con người. Ngày Tết, mọi người thường té nước vào nhau để cầu may cho cả năm. Tết Bunpimay thường diễn ra trong ba ngày. Ngày đầu tiên cũng là ngày cuối cùng của năm cũ, người ta lau dọn sạch sẽ trong nhà ngoài ngõ, chuẩn bị nước thơm và hoa. Vào buổi chiều, người dân trong làng tập trung ở chùa để làm lễ cúng Phật, cầu nguyện, nghe các nhà sư giảng đạo. Người ta lên chùa để cầu mong sức khỏe và hạnh phúc cho cả năm. Sau đó, người ta rước tượng Phật ra một gian riêng trong ba ngày và mở cửa để mọi người có thể vào tắm Phật. Nước thơm sau khi tưới lên các tượng Phật sẽ được hứng lại đem về nhà để súc vào người làm phước. Ngày thứ hai không được tính đến vì đó là giao thời giữa năm cũ và năm mới. Hội bắt đầu vào ngày cuối cùng với nhiều hoạt động tung bừng khắp nơi. Trước khi té nước cho nhau, người ta thường dành cho nhau những lời chúc tốt lành. Để tỏ lòng tôn kính, người trẻ tuổi té nước những người lớn tuổi để chúc sống lâu và thịnh vượng. Bạn bè té nước vào nhau. Họ không chỉ té nước vào người mà còn vào nhà cửa, đồ thờ cúng, súc vật và công cụ sản xuất. Người Lào tin rằng nước sẽ giúp gạt rửa điều xấu xa, bệnh tật và cầu chúc năm mới sống lâu, sạch sẽ và mạnh khỏe. Ai bị ướt nhiều là hạnh phúc nhiều. Người ta làm tháp bằng cát, trang trí bằng cờ, hoa, dây vải và vẩy nước thơm. Trong những ngày này, người dân còn phóng



sinh các loài động vật như rùa, cá, cua, chim... để lấy phước. Trong ngày Tết, người Lào rất thích ăn món Lạp với xôi nóng. Ngày tết khách đến xông nhà được chủ nhà buộc vào cổ tay một vòng chỉ xanh hoặc đỏ, biểu tượng hạnh phúc và sức khỏe. Trong suốt ba ngày tết ai có nhiều chỉ buộc cổ tay được coi là người sẽ gặp may mắn cả năm. Người ta dùng hoa muồng (bò cạp vàng) cột vào xe và treo trên nhà để cầu may mắn, kết hoa Chăm-pa thành từng chùm hay cài trên tóc để cầu mong điều phước lành trong năm.



Qua các thời kỳ lịch sử, nước ta đã có bao nhiêu quốc hiệu khác nhau và vào những thời kỳ nào?

Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử đã dùng nhiều quốc hiệu (tên chính thức của quốc gia) khác nhau. Bên cạnh đó, cũng có những danh xưng được dùng chính thức hay không chính thức để chỉ vùng lãnh thổ thuộc quốc gia Việt Nam. Dưới đây là danh sách các quốc hiệu chính thức của Việt Nam theo dòng lịch sử. Các quốc hiệu này đều được ghi chép trong các sách sử Việt Nam, hoặc được chính thức sử dụng trong nghi thức ngoại giao quốc tế.

Văn Lang: Được coi là quốc hiệu đầu tiên của Việt Nam. Lãnh thổ gồm khu vực Đồng bằng Bắc Bộ và ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ. Kinh đô đặt ở Phong Châu.

Âu Lạc: Năm 257 TCN, nước Âu Lạc được dựng lên, từ liên kết các bộ lạc Lạc Việt (Văn Lang) và Âu Việt, bao gồm lãnh thổ của Văn Lang trước đây và một phần Đông Nam Quảng Tây (Trung Quốc).

Vạn Xuân: Là quốc hiệu của Việt Nam trong một thời kỳ độc lập ngắn ngủi dưới sự lãnh đạo của Lý Nam Đế. Quốc hiệu này tồn tại từ năm 544 đến năm 602.



Đại Cồ Việt: Là quốc hiệu của Việt Nam từ thời nhà Đinh đến đầu thời nhà Lý, do Đinh Tiên Hoàng đặt năm 968. Quốc hiệu này tồn tại đến năm 1054 (86 năm).

Đại Việt: Là quốc hiệu của Việt Nam từ thời nhà Lý, bắt đầu từ năm 1054, khi vua Lý Thánh Tông lên ngôi. Quốc hiệu này tồn tại không liên tục (gián đoạn 7 năm thời nhà Hồ và 20 năm thời thuộc Minh), đến năm 1804, trải qua các vương triều Lý, Trần, Lê, Mạc và Tây Sơn, khoảng 743 năm.

Đại Ngu: Là quốc hiệu của Việt Nam thời nhà Hồ, từ năm 1400. Chữ *Ngu* ở đây có nghĩa là “sự yên vui, hòa bình”.

Việt Nam: Quốc hiệu Việt Nam chính thức xuất hiện vào thời nhà Nguyễn. Vua Gia Long đã đề nghị nhà Thanh công nhận quốc hiệu Nam Việt. Tuy nhiên, tên Nam Việt trùng với quốc hiệu của quốc gia cổ Nam Việt thời nhà Triệu, gồm cả Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa. Nhà Thanh yêu cầu nhà Nguyễn đổi ngược lại thành Việt Nam để tránh nhầm lẫn. Quốc hiệu này được tuyên phong vào





năm 1804. Tuy nhiên, tên gọi Việt Nam có thể đã xuất hiện sớm hơn. Ngay từ cuối thế kỷ 14, đã có một bộ sách nhan đề *Việt Nam thế chí* và đầu thế kỷ 15 trong cuốn *Dư địa chí* đã thấy nhiều lần nhắc đến hai chữ “Việt Nam”. Điều này còn được đề cập rõ ràng trong những tác phẩm của Nguyễn Bình Khiêm. Người ta cũng tìm thấy hai chữ “Việt Nam” trên một số tấm bia khắc từ thế kỷ 16-17 như bia chùa Bảo Lâm (1558) ở Hải Dương, bia chùa Cam Lộ (1590) ở Hà Nội, bia chùa Phúc Thánh (1664) ở Bắc Ninh... Đặc biệt bia Thủy Môn Đình (1670) ở biên giới Lạng Sơn có câu đầu: “Việt Nam hầu thiệt, trấn Bắc ải quan” (Đây là cửa ngõ yết hầu của nước Việt Nam và là tiền đồn trấn giữ phương Bắc).

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là tên gọi của cả nước Việt Nam từ 1945 đến 1954. Nhà nước này được thành lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 (ngày Quốc khánh của Việt Nam ngày nay). Vì sự can thiệp của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nên đất nước ta gặp phải sự chia cắt và các chế độ ngụy quyền đã đặt ra các chính quyền mang các tên khác. Tên Quốc gia Việt Nam do cựu hoàng đế Bảo Đại ký với Pháp ngày 8-3-1949. Năm 1955 Ngô Đình Diệm phế truất Bảo Đại và thành lập nên cái gọi là chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Để góp phần đấu tranh thống nhất đất nước, nhân dân miền Nam đã thành lập ra Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sau 30-4-1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh toàn bộ đất nước đã thống nhất thành một khối. Ngày 2 tháng 7 năm 1976, Quốc hội khóa 6 nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã quyết định đổi tên nước thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và trở thành tên gọi chính thức cho đến nay.





Thế nào thì được gọi là Rửa tiền?

Rửa tiền (*money laundering*) là hành vi của cá nhân hay tổ chức tìm cách tạo ra vẻ bên ngoài hợp pháp cho các khoản tiền hoặc tài sản khác có được từ hành vi phạm tội. Rửa tiền đã trở thành vấn nạn nghiêm trọng mang tính quốc tế, được cộng đồng thế giới rất quan tâm. Nó gây ra hậu quả kinh tế, xã hội nghiêm trọng, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia và uy tín quốc tế của quốc gia, làm suy yếu nền kinh tế, cũng như việc cải tổ nền kinh tế. Rửa tiền không chỉ giúp cho tội phạm che giấu được nguồn gốc của những khoản tiền bất hợp pháp mà còn tạo ra cơ sở cho chúng hưởng thụ và sử dụng những đồng tiền đã được tẩy rửa để phục vụ cho những hoạt động tội phạm khác. Trong quá khứ, rửa tiền đã được áp dụng chỉ cho những giao dịch tài chính có quan hệ với tổ chức tội phạm. Ngày nay định nghĩa đó được mở rộng bởi những người nắm giữ





việc điều khiển chính phủ để kiểm tra bất kỳ giao dịch tài chính nào mà phát sinh tài sản hay một giá trị như kết quả của một hành vi phạm pháp bao gồm như hoạt động trốn thuế hay kế toán sai. Hoạt động bất hợp pháp của rửa tiền hiện được coi như hoạt động tiềm năng của những cá nhân, doanh nghiệp lớn và nhỏ, những viên chức hư hỏng, những thành viên của tổ chức phạm tội có tổ chức, người phân phối ma túy hay tổ chức mafia, tổ chức tôn giáo, thậm chí là cả các cơ quan đầu não thông qua một mạng doanh nghiệp phức tạp là vỏ bọc của những công ty là trung tâm tài chính bên ngoài có mức thuế thấp. Hoạt động cụ thể của rửa tiền có thể là việc đầu tư vào một dự án, một công trình, góp vốn vào một doanh nghiệp hoặc tìm cách khác che đậy, nguy trang hoặc cản trở việc xác minh nguồn gốc, bản chất thật sự hoặc vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có; Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào một giao dịch liên quan đến tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có; Thu nhận, chiếm giữ, chuyển dịch, chuyển đổi, chuyển nhượng, vận chuyển, sử dụng, vận chuyển qua biên giới về tiền và tài sản do phạm tội mà có. Hoặc có thể là việc cung cấp các giải pháp kỹ thuật hoặc trợ giúp gián tiếp các hoạt động phạm tội...



Thời Phục hưng là thời kỳ nào và tại sao lại gọi là Phục hưng?

Phục hưng (tiếng Pháp: *Renaissance*, tiếng Ý: *Rinascimento*, từ *ri-* "lần nữa" và *nascere* "được sinh ra") là một phong trào văn hóa bao phủ giai đoạn từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17, khởi đầu tại Firenze (Ý) vào Hậu kỳ Trung đại, sau đó lan rộng ra phần còn lại của châu Âu ở những quy mô và mức độ khác nhau. Người ta cũng dùng từ Phục



hưng để chỉ, một cách không nhất quán, thời kỳ lịch sử diễn ra phong trào văn hóa nói trên.

Thuật ngữ *Rinascenza* (tái sinh) được nhà sử học Giorgio Vasari dùng ban đầu vào năm 1550 để chỉ sự hồi sinh và phát triển rực rỡ các hoạt động nghệ thuật và khoa học bắt đầu tại Ý vào thế kỷ 13. Sau đó, thuật ngữ *Renaissance* được dùng trong tiếng Pháp và nhà sử học Thụy Sĩ Jacob Burckhardt phát triển (khoảng những năm 1860). *Tái sinh* ở đây có hai nghĩa: Một là sự *khám phá lại* các sách vở cổ điển và đem ứng dụng vào trong khoa học và nghệ thuật; hai là để chỉ kết quả của các hoạt động văn hóa đó mang lại sự *hồi sinh* cho văn hóa châu Âu nói chung. Như vậy Phục hưng có thể hiểu theo hai cách chính, tuy khác biệt nhưng đều có ý nghĩa là sự tái sinh của nền giáo dục cổ điển Tây phương thông qua sách vở, tài liệu kinh điển của phương Tây và hồi sinh của văn hóa châu Âu nói chung. Trong một nghĩa rộng người ta hiểu Phục hưng là sự hồi sinh của thời kỳ Cổ đại với các ảnh hưởng của thời kỳ này đến khoa học, văn học, xã hội, cuộc sống của những tầng lớp thượng lưu và sự phát





triển của con người đi đến tự do cá nhân ngược lại với chế độ đẳng cấp của thời kỳ Trung cổ. Trong nghĩa hẹp hơn Phục hưng là một thời kỳ của lịch sử nghệ thuật.

Phục hưng là một phong trào văn hóa đã tác động sâu sắc tới đời sống trí thức châu Âu trong thời sơ kỳ hiện đại. Bắt đầu ở Ý, lan ra khắp châu Âu vào thế kỉ 16, ảnh hưởng của nó hiện diện trong văn học, triết học, mỹ thuật, âm nhạc, chính trị, khoa học, tôn giáo, và các khía cạnh khác của đời sống tinh thần. Trong chính trị, Phục hưng đã đóng góp vào sự phát triển những hiệp ước ngoại giao, và trong khoa học là một sự quan tâm lớn hơn tới quan sát thực nghiệm. Các sử gia thường lập luận những biến đổi về trí tuệ này là một cầu nối giữa Trung cổ và thời hiện đại. Mặc dù Phục hưng chứng kiến những cuộc cách mạng trong nhiều lĩnh vực, cũng như những thay đổi chính trị-xã hội, nó vẫn được biết đến nhiều nhất bởi những thành tựu lớn lao về mỹ thuật và những công hiến của những vĩ nhân đa tài như Leonardo da Vinci hay Michelangelo đã làm xuất hiện thuật ngữ *Vĩ nhân Phục hưng* ("Renaissance Great Man").



Tại sao lại "Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi"?

Dân gian có câu "Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi" để nói về phong tục tập quán của người Việt trong năm mới. Câu tục ngữ này gắn với hai tập tục: Phiên chợ đầu năm người ta đi chợ thể nào cũng mua một ít muối về nhà và phiên chợ cuối năm người ta sẽ mua vôi. Và khi mua muối cũng phải lưu ý. Người ta thường mua một bát muối đọng đầy tới tận ngọn chứ không gạt ngang miệng bát.



Người xưa quan niệm muối là thứ mặn, chống xú uế, xua đuổi tà ma, và đem lại nhiều may mắn trong gia đình. Mua muối đầu năm cũng có ý nghĩa trong văn hóa ẩm thực, văn hóa tình cảm, nó mang lại sự



Mua muối đầu năm

đậm đà cho các mối quan hệ gia đình, sự hòa thuận giữa vợ chồng, con cái. “Cuối năm mua vôi” là để xây nhà, ăn trầu và dùng để rải 4 góc nhà đuổi tà ma. Người ta thường tránh mua vôi đầu năm vì vôi trắng, người xưa quan niệm vôi là biểu tượng cho sự bạc bẽo - “bạc như vôi”. Tránh mua vôi vào đầu năm là tránh những rủi ro trong năm mới, tránh được những mối hiểm nguy, hiềm khích và rạn nứt. Cuối năm mua vôi là để quét lại căn nhà, tường cổng cho sạch sẽ, trắng tinh tươm, chuẩn bị đón năm mới. Vôi quét nhà, cũng là để xóa đi những điều không hay trong năm cũ, thể hiện một sự khởi đầu, bắt đầu lại để sửa chữa những sai lầm, khôi phục lại những thất bát đã qua.

Có người giải thích rằng, đầu năm mua muối để muối dưa, muối cà ăn uống tận tiện, cuối năm có tiền mua vôi làm nhà. Theo tác giả Lê Văn Huân thì ở quê trước đây có phong tục cứ sáng mừng một, mừng hai tết là có người rao bán muối. Muối được gói sẵn thành từng gói nhỏ bán với giá rất thấp nên ai mua cũng được. Người dân mình có tập quán trong ngày ba mươi tết phải vệ sinh vườn tược, nhà cửa để đón rước ông bà. Sau lễ rước ông bà là kiểm tra, sửa chữa chuẩn bị mọi thứ trong nhà thật đầy đủ, như báo hiệu cho một năm



mới đủ đầy, nguyên cầu sung túc. Đến như nước cũng “trữ” cho đầy lu, đầy ang, đầy vại, đầy chum dùng đủ trong ba ngày tết. Huống chi “Ông trạng lấy muối làm ngon/ Lấy nước làm sạch, lấy con làm giàu” thì sao lại quên cho được một thứ không thể thiếu trong từng bữa ăn là muối, mà phải để đến mừng một, mừng hai phải đi mua? Con người cần muối cũng như cần không khí và nước. Nên thế mới có câu: “Gừng cay, muối mặn xin đừng quên nhau”. Có người còn nói muối là đậm đà, là mặn mà nên mới mua muối để giữ quanh năm, để tình người cũng mặn mà, gia đình hòa khí. Chẳng ai muối dưa, muối cà trong ba ngày tết cả. Còn cuối năm mua vôi để làm gì? Ngày xưa, mỗi khi tết đến nhà ai cũng có “Thịt mỡ, dưa hành câu đối đỏ - Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh”. Trên cây nêu có một miếng vải đỏ vẽ cung tên để trừ ma quỷ. Cái hình cung tên này được vẽ bằng vôi. Nên vôi phải mua trước ngày hai mươi ba tháng chạp, tức là trước ngày dựng nêu. Lại có người giải thích rằng vôi là để tẩy trừ tất cả những gì xấu xa, không hay, không tốt của năm qua, để đón mừng năm mới. Tú Xương từng viết: “Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo/Nhân tình trắng thế lại bôi vôi”. Bôi vôi ở đây là nói chuyện vẽ cung tên vào cuối năm và quét vôi via hè, trên thân cây. Tập tục này còn giữ cách đây mười năm. Cứ tết đến là nhiều nhà mua vôi về quét tường nhà, quét miếu, đền đình và quét cả trên các thân cây to.



Tại sao lại kiêng quét nhà, đổ rác ra ngoài trong mấy ngày Tết?

Từ xưa dân ta đã có tục lệ là kiêng không quét nhà vào mùng 1 tới mùng 3 Tết. Không quét nhà, không đổ rác, tránh dọn dẹp vì sợ thần Tài sẽ theo đó mà đi ra khỏi nhà. Trong ba ngày này, vạn bất đắc dĩ phải quét nhà thì họ quét vào trong nhà và vun rác thành đống ở góc



khuất nào đó, như một cách tích tụ tài lộc trong suốt cả năm. Theo một điển tích của Trung Quốc ghi trong “Sưu thần ký” thì có người lái buôn tên là Âu Minh, đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một cô hầu tên là Như Nguyệt, đem về nhà được vài năm thì Âu Minh ăn nên làm ra nhà rất giàu. Một hôm, nhân ngày mùng một Tết, không biết vì lý do gì Âu Minh đánh Như Nguyệt, nó sợ quá chui vào đồng rác ở góc nhà. Vợ Âu Minh không để ý nên vô tình quét nhà hót luôn cả đồng rác có Như Nguyệt bên trong đổ đi. Từ đó nhà Âu Minh lại nghèo đi. Người ta bảo Như Nguyệt chính là thần tài và lập bàn thờ để thờ ở góc nhà. Từ đó có tục kiêng hót rác trong ba ngày đầu năm vì sợ hót mất thần tài. Việt Nam lại có chuyện “Sự tích cái chổi” để giải thích tập tục này. Ngày xưa vì trên trời có một người đàn bà nấu ăn rất khéo tay nên Ngọc Hoàng giao cho bà chuyên trông nom công việc nấu ăn. Nhưng bà lại có tật hay ăn vụng và tham lam. Bà ta yêu một lão chăn ngựa trên thiên đình. Đã nhiều phen bà lấy cắp rượu thịt giấu đưa ra cho lão và cũng nhiều phen bà dắt lão lên vào kho rượu, mặc sức cho lão bí tử. Lệ nhà trời quy định những người hầu hạ đều có thức ăn riêng, nhất thiết không được





đụng chạm đến ngự thiện, dù là Ngọc Hoàng ăn thừa cũng vậy. Một hôm, Ngọc Hoàng mở tiệc đãi quần thần. Giữa lúc cỗ đang bày lên mâm thì từ đằng xa, bà đã nghe tiếng lão chăn ngựa hát. Bà biết lão tìm mình. Bà lật đặt ra đón và đưa giấu lão vào phía góc chạn. Trong bóng tối, trên giá mâm đặt ở gần đó có biết bao là món ngon vật lạ thơm phức. Đang đói sẵn, lão giờ lòng bàn sờ soạng bốc lấy bốc để. Khi lính hầu vô tình bùng mâm ngự thiện ra thì bát nào bát ấy đều như đã có người nếm trước. Ngọc Hoàng không ngăn được cơn thịnh nộ. Tiếng quát tháo của Ngọc Hoàng dữ dội làm cho mọi người sợ hãi. Người đàn bà nấu bếp cúi đầu nhận tội và bị đày xuống trần, bắt phải làm cái chổi để làm việc luôn tay và tìm thức ăn trong rác rưởi dơ bẩn. Lâu về sau, thấy cái chổi ngày này qua tháng khác không lúc nào được nghỉ, Ngọc Hoàng thương tình ra lệnh cho nghỉ ba ngày trong một năm. Ba ngày đó là ba ngày Tết Nguyên đán. Bởi vậy đời sau trong dịp Tết Nguyên đán, người ta có tục lệ kiêng không quét nhà để cho chổi được nghỉ.



Tết Nguyên đán bắt nguồn từ văn hóa dân tộc của quốc gia nào?

Theo lịch sử Trung Quốc, nguồn gốc Tết Nguyên đán có từ đời Tam Hoàng Ngũ Đế và thay đổi theo từng thời kỳ. Đời Tam đại, nhà Hạ chuộng màu đen nên chọn tháng giêng, tức tháng Dần. Nhà Thương thích màu trắng nên lấy tháng Sửu, tức tháng chạp, làm tháng đầu năm. Nhà Chu ưa sắc đỏ nên chọn tháng Tý, tức tháng mười một, làm tháng Tết. Các vua chúa nói trên quan niệm về ngày giờ “tạo thiên lập địa” như sau: Giờ Tý thì có trời, giờ Sửu thì có đất, giờ Dần sinh loài người nên đặt ra ngày tết khác nhau. Đời Đông Chu, Khổng Tử đổi ngày Tết vào một tháng nhất





định là tháng Dần. Đời nhà Tần (thế kỷ 3 TCN), Tần Thủy Hoàng lại đổi qua tháng Hợi, tức tháng mười. Đến thời nhà Hán, Hán Vũ Đế (140 TCN) lại đặt ngày Tết vào tháng Dần, tức tháng giêng. Từ đó về sau, không còn triều đại nào thay đổi về tháng Tết nữa. Trước năm 1967, Việt Nam lấy múi giờ Bắc Kinh làm chuẩn cho âm lịch. Ngày 8 tháng 8 năm 1967, nhà nước ta ban hành việc đổi lịch dùng múi giờ GMT+7 làm chuẩn. Vì thế hai nước có ngày Tết lệch nhau chút ít và Tết Việt Nam không còn trùng với Tết Trung Quốc, Đài Loan và những nước có nhiều người Hoa sinh sống.



Tại sao có phong tục Xin chữ và Cho chữ trong dịp Tết Nguyên đán?

Cùng với việc khai bút, người Việt có tục xin và cho chữ vào ngày Tết. Đây là nét văn hóa thể hiện sự trọng chữ nghĩa, tri thức và cũng là mong muốn xin chữ lấy may mắn, cầu một năm tài lộc, phúc thọ

đầy nhà. Ngay từ xa xưa, khi ông cha chúng ta còn dùng chữ Hán, chữ Nôm làm chữ viết chính thống thì sự quý chữ, trân trọng chữ và kính chữ đã đạt đến đỉnh cao. Hơn thế nữa, nó còn được coi là một trong những chuẩn mực làm nên nhân cách con người. Ông đồ nào, văn nhân nào viết chữ đẹp, danh giá sẽ được lan truyền hàng tỉnh, hàng miền và cả nước. Không phải ngẫu nhiên mà nhà văn Phan Ngọc viết rằng: "... Khi bước vào một căn nhà Việt Nam cái đập vào mắt ta là câu đối, trướng, hoành phi, nhắc chúng ta nhớ đến văn hóa tổ tiên. Tại sao cái tiêu biểu cho văn hóa Việt Nam không phải là những kiến trúc nguy nga của vua chúa mà là chữ? Chữ ghi lại trong các câu đối, hoành phi, trong các gia phả, trong trí nhớ mọi người...". Và nhất là những ngày Tết, khắp tỉnh cùng quê ở Việt Nam, hầu hết mọi nhà, từ giới thượng lưu đến giới bình dân, đều dán hoặc treo câu đối Tết. Người văn hay chữ tốt "tự biên tự diễn" cho gia đình mình, kẻ ít học có thể cậy người thân phóng bút, hoặc ra phố chợ mua chữ ở các lều sạp của mấy ông đồ. Hình ảnh "ông đồ" trong thơ Vũ Đình Liên (1913-1996), gần 70 năm qua đã trở thành ký ức đẹp của nhiều lớp người. Hình ảnh thiêng



Ai là những tỷ phú trẻ nhất thế giới năm 2013?

1. Mark Zuckerberg: Tuổi: 28; Trị giá tài sản: 13,3 tỷ USD; Hiếm có CEO nào thu hút truyền thông mạnh như Zuckerberg.



- 2 Huiyan Yang: Tuổi: 31; Trị giá tài sản: 5,7 tỷ USD; Yang là con gái của người sáng lập công ty bất động sản Country Garden Holdings. Một lần nữa cô trở thành người phụ nữ giàu có nhất Trung Quốc. Bố cô đã ủng hộ cổ phần cho trường Cao học Ohio State trước khi công ty cổ phần hóa vào năm 2007.
- 3 Scott Duncan: Tuổi: 30; Trị giá tài sản: 5,1 tỷ USD; Duncan là người trẻ nhất trong số bốn người thừa hưởng gia tài đồ sộ của ông trùm năng lượng quá cố Dan Duncan, nhà sáng lập Enterprise Products Partners. Ngày nay công ty sở hữu hơn 50.000 dặm đường ống khí gas, dầu và các chất hóa dầu.
- 4 Dustin Moskovitz: Tuổi: 28; Trị giá tài sản: 3,8 tỷ USD; Moskovitz vốn là bạn cùng phòng của Mark Zuckerberg và là người đồng sáng lập Facebook. Hiện anh đã rời mạng xã hội này. Dustin Moskovitz tham gia cam kết đóng góp từ thiện của Bill Gates và Warren Buffett - một chương trình vận động các tỷ phú ủng hộ tài sản. Là một người bình dân, anh đạp xe tới chỗ làm, đi máy bay thương thay vì phi cơ riêng và tham gia những hoạt động cộng đồng như tự dựng trại hè ở lễ hội Burning Man hàng năm tại Mỹ.
5. Eduardo Saverin: Tuổi: 30; Trị giá tài sản: 2,2 tỷ USD; Nhà đồng sáng lập Facebook đã từ bỏ quốc tịch Mỹ vào năm 2011. Tin này nổ ra chỉ vài ngày trước khi công ty phát hành cổ phiếu và nhận được nhiều chỉ trích về vấn đề trốn thuế. Trong phim *The Social Network*, Saverin được mô tả như bạn thân nhất một thời của Mark Zuckerberg, đã tiến hành một vụ kiện dài hơi với Facebook và nhận về 5% cổ phần. Hiện anh giữ quốc tịch Brazil, định cư ở Singapore và đầu tư vào các doanh nghiệp mới.
6. Sean Parker: Tuổi: 33; Trị giá tài sản: 2 tỷ USD; Parker đang chấn chỉnh lại doanh nghiệp đầu tay được đánh giá cao



Airtime, với hy vọng trang web chat video này sẽ mang tác động tích cực đến các công ty mạng khác của anh. Ở tuổi 19, Parker đã bỏ học và gây chao đảo ngành công nghiệp thu âm với trang web trao đổi âm nhạc Napster. Anh là chủ tịch đầu tiên của Facebook ở tuổi 24.

7. Hoàng tử Albert (Vùng Thurn und Taxis, Đức): Tuổi: 29; Trị giá tài sản: 1,5 tỷ USD; Albert xuất hiện lần đầu trong danh sách tỷ phú của Forbes từ khi lên 8, nhưng chỉ chính thức thừa kế tài sản của mình vào năm 2001, sau lễ sinh nhật 18 tuổi. Anh này còn là vận động viên đua xe và tham gia thi đấu trong giải đua ô tô Đức.
8. Marie Besnier Beauvalot: Tuổi: 32; Trị giá tài sản: 1,5 tỷ USD; Marie, cùng với các anh chị em là Emmanuel, 42 tuổi và Jean-Michel, 45 tuổi, thừa kế công ty sữa khổng lồ Lactalis của Pháp. Đây là nhà sản xuất của các sản phẩm Président nổi tiếng, cùng với hàng trăm thương hiệu phô mai, sữa và sữa chua khác.
9. Fahd Hariri: Tuổi: 32; Trị giá tài sản: 1,35 tỷ USD; Hariri là con trai út của Thủ tướng Lebanon Rafik Hariri. Anh tốt nghiệp Học viện Kiến trúc Ecole Spéciale d'Architecture de Paris năm 2004. Từ khi còn là sinh viên, anh đã điều hành một xưởng thiết kế nội thất ở ngoại thành và bán sản phẩm cho các khách hàng từ Ả-rập Xê út.
10. Ayman Hariri: Tuổi: 34; Trị giá tài sản: 1,35 tỷ USD; Hariri cũng là con trai của Thủ tướng Lebanon - Rafik Hariri. Anh này tham gia điều hành Saudi Oger, một trong những công ty xây dựng lớn nhất tại Ả-rập Xê út, cũng như là nguồn tài sản của gia đình Hariri.



Ai là người đầu tiên nghĩ ra chiếc áo dài truyền thống của phụ nữ Việt Nam?

Đó là họa sĩ Nguyễn Cát Tường. Ông sinh năm 1911 tại Sơn Tây và tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Vào năm 1934, ông đã có công cải tiến chiếc áo dài tứ thân trước đây thành chiếc áo dài mà chị em phụ nữ đã mặc trong gần một trăm năm qua. Lúc đầu chiếc áo dài này có tên gọi là “áo dài Le Mur”. Có giả thuyết cho rằng khi sáng tạo ra chiếc áo dài này ông đã lấy tên là Cát Tường, nhưng người Pháp lại hiểu nhầm là Bức tường nên mới gọi là Le mur(!). Đây là bài viết của ông Cát



Họa sĩ Nguyễn Cát Tường

Tường được đăng trên báo tuần báo Ngày nay số 14 ngày 13 tháng Mười một, 1936: “Trời sinh ra người, vốn sẵn dành cho các hình dáng riêng, chỗ nở, chỗ thắt hợp với đủ phương diện mỹ thuật, chứ chẳng phải là trơn tuột như cái hộp kẹo siu hay ống bột “Nét lê”. Sau nữa, kiểu mẫu phải tùy theo từng người mà thêm bớt. Ví dụ như áo người gầy phải nhiều nếp chếp thêm, mà áo người mập mạp phải cho lắn thì trông mới mất vẻ khẳng khiu hay sỗ sề. Muốn các bạn hiểu được những sự sửa sang hay thêm bớt đó, thì từ kỳ sau tôi sẽ lần lượt phô bày những kiểu mẫu tôi đã nghĩ được. Tôi mong rằng rồi đây các bạn gái sẽ mạnh bạo mà tiến bước, gác bỏ ra ngoài nhiều điều bình phẩm vô giá trị. Vẫn biết rằng: Người ta phải cân dư luận nhưng dư luận “quáng gà” ta có quyền vứt bỏ. Điều gì hay, ta theo, dở ta bỏ, miễn là ta không làm điều gì quá lắm, rơm đời, có thể tổn hại đến hạnh phúc, hại đến danh dự của ta và của cả nước... Tôi hãy tạm cho một kiểu áo

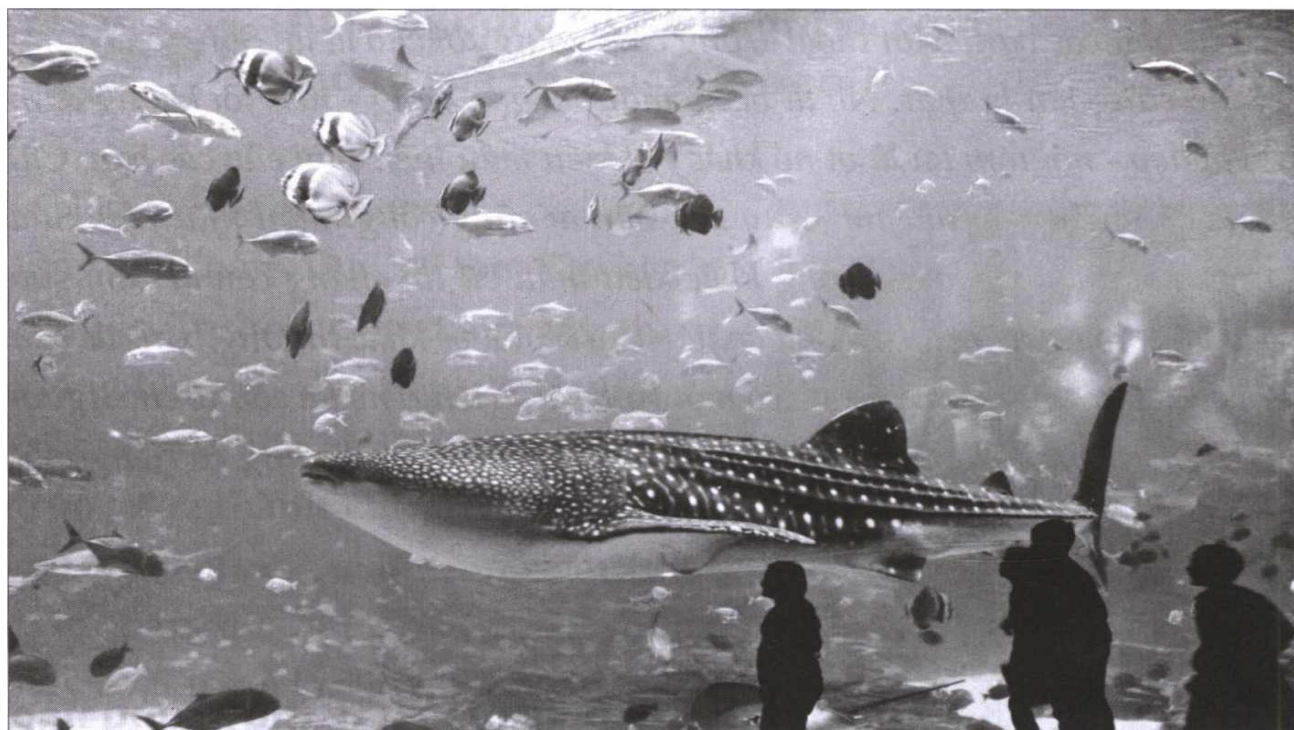


mới ra mắt các bạn. Mới thoát trông chắc có người cho là lạ. Song của đáng tội, nó cũng hơi lạ thật. Nó lạ vì nó mới, nó gọn gàng - nếu tôi không dám bảo là đẹp - nói tóm lại là vì nó khác với kiểu mẫu hiện thời của các bạn. Cái đó đã cố nhiên nếu để làm - suy xét, hẳn ai cũng công nhận như vậy. Sửa sang mà lại không mới, không khác kiểu mẫu cũ thì chẳng còn ai dám sửa sang cho "to chuyện". Vậy kiểu áo này tuy có đôi vẻ khác thường, xin các bạn cứ yên lòng. Không những nó có một tính cách riêng, nó lại còn tỏ cho người ngoài biết rằng: Nước ta đã đến thời kỳ biết cải cách và cũng có riêng một bộ y phục hợp thời..."



Thế nào là thủy cung và hiện nay thủy cung nào là lớn nhất thế giới?

Thủy cung (Aquarium) là bể nuôi động vật thủy sinh dành cho mọi người đến tham quan, chiêm ngưỡng, học tập. Thủy cung Georgia (Georgia Aquarium) là thủy cung lớn nhất và đắt tiền nhất thế giới ở Atlanta (Hoa Kỳ). Không phải là ngày cuối tuần mà người mua vé vào xem đã đông nghịt. Ngày 23- 11-2005, thủy cung Georgia bắt đầu chính thức mở cửa. Thủy cung Georgia có số động vật thủy sinh nhiều hơn bất kỳ thủy cung nào khác. Lượng nước được sử dụng là 10 triệu gallon (38 triệu lít) nước. Năm 1979, Bernie Marcus - người đồng sáng lập ra hãng Home Depot, mở cửa hàng và trụ sở chính tại Atlanta, rồi trở thành một trong những công ty phát triển nhanh nhất ở Mỹ. Ông Marcus đã dành số tiền 250 triệu USD để ủng hộ xây dựng thủy cung vĩ đại này. Đã có tới 11.000.000 lượt người vào thăm thủy cung với sự hướng dẫn của hơn 400 nhân viên và trên 2.000 tình nguyện viên. Thủy cung đã dành tới 25% không gian phục vụ cho sự học tập ngoại khóa của thanh thiếu niên. Đây cũng là nơi dùng để huấn luyện các chuyên gia chăm sóc sức khỏe cho các động



vật thủy sinh. Ở phạm vi quốc tế đây là nơi bảo tồn và nghiên cứu trên quy mô lớn về các động vật thủy sinh và về môi trường biển. Đặc biệt là có một sân khấu dành cho việc biểu diễn cá heo hết sức hoành tráng và thú vị. Đó là nhà hát AT&T Tales Dolphin, có bối cảnh hoàn hảo cho một buổi biểu diễn ngoạn mục, âm nhạc làm nổi bật các liên kết mạnh mẽ tình cảm giữa cá heo và con người.



“Văn hóa đọc” là gì?

Văn hóa đọc là một khái niệm có hai nghĩa, một *nghĩa rộng* và một *nghĩa hẹp*. Ở nghĩa rộng, đó là ứng xử đọc, giá trị đọc và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân, của cộng đồng xã hội và của các nhà quản lý và cơ quan quản lý nhà nước. Còn ở nghĩa hẹp, đó là ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân. Ứng xử, giá trị và chuẩn mực này cũng gồm ba thành phần: thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng



đọc. Ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của các nhà quản lý và cơ quan quản lý nhà nước là chính sách, đường lối và ứng xử hàng ngày nhằm phát triển nền văn hóa đọc. Các hoạt động này đều nhằm tạo ra hành lang pháp lý phát triển tài liệu đọc có giá trị và lành mạnh cho mọi người đọc khác nhau và sự thuận tiện của tài liệu đọc đến với người đọc (thông qua các loại cửa hàng sách và các loại hình thư viện, phòng đọc sách). Ứng xử đọc của cộng đồng xã hội còn phải kể tới truyền thống văn hóa của xã hội hay nói chính xác hơn là truyền thống văn hóa tôn vinh người viết sách, người đọc sách và người truyền thụ kiến thức (kể cả giáo dục kỹ năng đọc và hướng dẫn đọc). Ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân trong xã hội là thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc của mỗi người. Trước hết cần tạo ra và phát triển thói quen đọc suốt cuộc đời cho mỗi người. Xây dựng thói quen đọc phải được bắt đầu từ tuổi ấu thơ, ở nhiều nước người ta bắt đầu thực hiện từ tuổi trước khi đến trường, do các bậc cha mẹ thực hiện. Còn trong suốt cuộc đời đi học và sau khi ra đời là quá trình học tập và rèn luyện các kỹ năng đọc. Trong suốt quá trình học tập, mỗi cá nhân phát hiện ra sở thích đọc của chính





họ để phát huy sở trường và hạn chế những sở đoản. Mục đích cuối cùng của kỹ năng đọc là đọc có hiệu quả cao nhất, nắm chắc nội dung cốt lõi và biết vận dụng những điều đã đọc được vào cuộc sống của chính người đọc để có thể cải thiện được chính cuộc sống của họ. Ở nước ta trong mấy chục năm qua, văn hóa đọc đã có những bước phát triển vượt bậc. Điều đó thể hiện ở những con số sau đây: Trước năm 1975, cả hai miền Bắc và Nam xuất bản hàng năm được khoảng chưa đầy 4.000 tên sách, ngày nay hàng năm xuất bản khoảng xấp xỉ 25.000 tên sách, tăng gấp 6 lần, gần đây tốc độ gia tăng hàng năm khoảng 10%. Cả nước hiện nay đang xuất bản khoảng gần 400 tên báo, tạp chí, nhiều báo có số lượng xuất bản mỗi số lên tới 500.000 bản. Ngày nay hệ thống thư viện công cộng đã phát triển từ tỉnh tới huyện và đang vươn tới nhiều xã trên toàn quốc, khắp từ Bắc tới Nam, bao gồm 64 thư viện tỉnh, 587 thư viện huyện và khoảng 10.000 thư viện và tủ sách cơ sở ở xã. Trong loại thư viện phục vụ công chúng rộng rãi còn phải kể tới 10.000 tủ sách pháp luật xã và cũng khoảng trên 10.000 điểm bưu điện văn hóa xã. Tại các vùng nông thôn Việt Nam đã có khoảng 3 vạn điểm đọc sách báo cho người dân. Cho đến nay chúng ta đã có 12.000 cửa hàng sách và nhà sách tư nhân. Tuy vậy công tác xuất bản có xu hướng cho ra đời các bộ sách dày trên nhiều lĩnh vực, thực chất chỉ nhằm vào những người đọc có thu nhập cao trong xã hội... Tuy số lượng sách hàng năm đã đạt khoảng 25.000 tên, nhưng có tới 80% là sách giáo khoa, giáo trình. Và không thể không kể tới sự xuất hiện của Internet trong đời sống xã hội chúng ta trong mười năm qua, đã tạo ra một phương thức đọc hiện đại, với một lượng thông tin, tri thức khổng lồ. Tốc độ phát triển thuê bao trường truyền Internet và tỷ lệ dân chúng sử dụng Internet của chúng ta đạt một tỷ lệ cao so với khu vực châu Á.

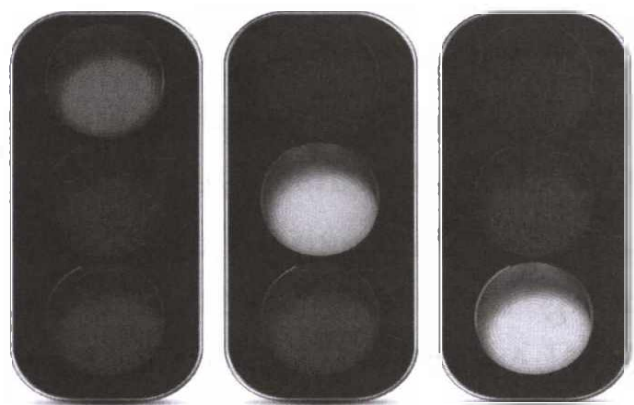
(Số liệu thống kê của Nguyễn Hữu Viêm đăng trên website của Thư viện Quốc gia Việt Nam)





Tại sao đèn tín hiệu giao thông lại có ba màu: đỏ, xanh lục và vàng?

Gần như việc hệ thống đèn tín hiệu có 3 màu: đỏ - vàng - xanh lục đã trở thành điều hiển nhiên phải thế với những ý nghĩa cho từng màu là giống nhau trên toàn thế giới. Đỏ dừng, vàng chuẩn bị, xanh được đi. Nhưng tại sao những màu này lại mang ý nghĩa như vậy? Hệ thống đèn giao thông đầu tiên trên thế giới xuất hiện tại Luân đôn (Anh) vào năm 1868, được sử dụng để kiểm soát giao thông đường sắt tại ngã giao giữa phố George và Bridge. Thiết kế thuở sơ khai của chiếc đèn giao thông chỉ là hai “cánh tay” có thể di chuyển trên theo chiều ngang, giờ biển thông báo tàu sắp đến và họ cần phải dừng lại. Nhưng một vấn đề đặt ra lúc đó là những tấm biển được sơn vẽ thông thường sẽ không thể nhìn thấy được khi trời tối. Lúc này, các kỹ sư đường sắt đã nảy ra ý tưởng gắn những chiếc đèn nhỏ với màu sắc khác nhau trên biển để cảnh báo người qua đường dừng lại và thận trọng để ý tàu đang sắp đi qua. Các kỹ sư đã lựa chọn màu đỏ cho ý nghĩa dừng lại và màu xanh lá cây để cảnh báo thận trọng với đường tàu. Màu đỏ liên quan mật thiết đến máu và do đó được lựa chọn làm tín hiệu “dừng” cho tất cả các xe đang đi đến. Màu đỏ gợi ấn tượng về những tình huống nguy hiểm, có thể sẽ dẫn đến hệ quả nghiêm trọng nếu bỏ qua tín hiệu màu đỏ. Sự gợi tưởng đặc trưng của màu đỏ khiến nó trở thành màu được áp dụng cho tín hiệu “dừng” và tránh những tai nạn có thể xảy ra trên khắp thế giới. Đối với màu xanh lá





cây, đây là một biểu tượng màu sắc khác dùng trong giao thông. Như màu đỏ, màu xanh là nguồn gốc của một loại cảm xúc, gợi tưởng khác cho con người. Màu xanh gợi sự thư thái, dễ chịu của thiên nhiên sẽ không để lại ấn tượng mạnh mẽ đến người lái xe khi nhìn nó. Thêm vào đó, màu xanh còn dễ nhận thấy trong đêm, không làm lái xe nhầm lẫn. Cuối cùng là màu vàng. Các nhà nghiên cứu đã phải tốn khá nhiều công suy nghĩ để chọn ra màu này sử dụng trong hệ thống đèn giao thông. Nó được dùng để báo hiệu sắp chuyển sang đèn xanh. Hầu hết mọi người vẫn nghĩ màu vàng biểu tượng cho mặt trời, một lần nữa mang lại hiệu ứng thư thái cho người đi đường và ít gây sự chú ý cho lái xe hơn màu đỏ. Tuy nhiên, đây cũng là một lựa chọn tốt cho ban đêm bởi một ánh sáng màu vàng như vậy có thể dễ dàng nhận biết từ xa.



Tại sao lại gọi là “Một nắng hai sương”?

Một số người đã luận giải thành ngữ này một cách sai lầm rằng, một nắng là ánh nắng suốt một ngày, còn hai sương là sương tối và sương sáng. Và, một nắng hai sương là làm lưng vất vả, nắng nôi suốt một ngày trời! Hình như ở thành ngữ “Một nắng hai sương” không có sự hạn định thời gian một cách cụ thể (từ sáng đến tối). Đặc biệt theo cách suy luận này thì sẽ biện minh như thế nào cho dạng thức một nắng hai sương? Sự mâu thuẫn này hướng người ta tìm cách lý giải khác. Quả nhiên, trong tiếng Việt có một loại thành ngữ được cấu tạo theo quy tắc đối và điệp. Thành ngữ “Một nắng hai sương” thuộc vào loại đó. Cấu trúc tổng quát của loại thuật ngữ này là một A hai B (trong đó A và B cùng một phạm trù ý nghĩa và cùng một từ loại). Thí dụ: *một vừa hai phải, một sống hai chết, một ngày vãi chài*





hai ngày phơi lưới... Thành ngữ “Một nắng hai sương” cũng nằm trong quy tắc cấu tạo như vậy. Điều đáng chú ý là trong thành ngữ “Một nắng hai sương” các yếu tố nắng, sương gợi lên sự vất vả gian truân, còn các yếu tố một, hai có tác dụng nhấn mạnh mức độ. Trong sử dụng ngôn ngữ, thành ngữ một nắng hai sương có thể xuất hiện với những dạng thức biến thể như hai sương, một nắng, một sương hai nắng. Ở đây, sự nhắc lại ý về số lượng tạo ra cảm giác nhất, nhiều, liên tục. Và, sự lấy lại ý về sự gặt gao của nắng, sự vắng lạnh của sương gây ấn tượng về sự nhọc nhằn, vất vả, lặn lội triền miên, phải chịu đựng.



Trên thế giới có khoảng bao nhiêu dân tộc?

Theo những thống kê chưa đầy đủ, con số dân tộc trên thế giới có chừng 2.000 dân tộc. Số lượng nhân khẩu của các dân tộc trên thế giới khác nhau rất xa. Dân tộc lớn nhất lên tới nghìn triệu, dân tộc nhỏ nhất chỉ có vài chục người. Bảy dân tộc có tổng số nhân khẩu lên





tới quá 100 triệu người là người Hán, người Induxtan, người Mỹ, người Bắnggan, người Nga, người Nhật, người Braxin, 60 dân tộc có nhân khẩu từ 10 triệu, 92 dân tộc có nhân khẩu từ mười vạn đến một triệu. Nhân khẩu các dân tộc khác không có đủ mười vạn. Có người cho rằng Trung Quốc có thể là quốc gia có nhiều dân tộc nhất thế giới, kỳ thực không phải như thế. Ở châu Á, nếu tính các quốc gia có hơn 50 dân tộc thì còn có Ấn Độ, Philippin, Indonesia, Việt Nam. Indonesia có khoảng 150 dân tộc. Quốc gia có nhiều dân tộc nhất thế giới là Nigieria, có tới 250 dân tộc lớn nhỏ với hơn 80 triệu người, chiếm 1/8 tổng số dân tộc trên thế giới. Tổng số các dân tộc ở châu Á là trên một nghìn, chiếm nửa tổng dân số trên thế giới, châu Á là đại lục có nhiều dân tộc nhất trên thế giới, châu Âu ước tính có 170 dân tộc, khoảng 20 quốc gia cơ bản chỉ có một dân tộc. Ở Hàn Quốc có vài nhóm nhỏ Hoa kiều, còn ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên gần như không có nhóm dân tộc thiểu số nào. Nhật Bản là một ví dụ kinh điển về một quốc gia dân tộc và được xem là

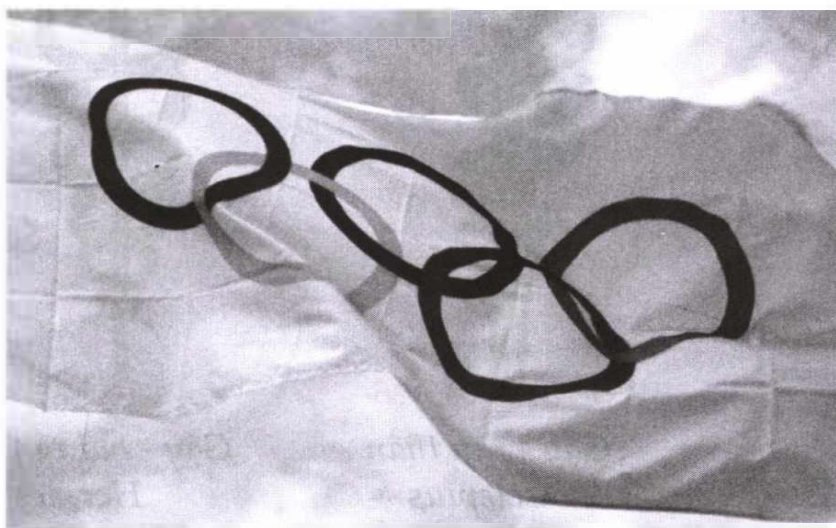


quốc gia dân tộc lớn nhất với dân số người Nhật Bản thuần gốc là 120 triệu người. Tuy nhiên trong lãnh thổ Nhật vẫn tồn tại vài nhóm dân tộc thiểu số như: người Hán, người Triều Tiên, người đảo Lưu Cầu và người Ainu ở đảo Hokkaido nhưng số lượng quá ít ỏi trước dân tộc “đa số” (người Ainu). Quốc gia Đan Mạch hầu như chỉ bao gồm dân tộc Đan Mạch, số dân của các cộng đồng sắc tộc thiểu số chiếm tỷ lệ rất nhỏ.



Tại sao trên lá cờ Olympic lại có 5 vòng tròn và 5 vòng tròn này mang ý nghĩa gì ?

Lá cờ Olympic có 5 vòng tròn với 5 màu: xanh da trời, vàng, đen, xanh lá cây, đỏ xen lẫn với nhau trên nền trắng. Lá cờ này được Nam tước Pierre de Coubertin vẽ năm 1913. Năm vòng tròn trên biểu thị cho 5 châu lục (châu Á, Âu, Mỹ, Phi, Úc) và việc các vòng tròn này liên kết nhau như những mắt xích biểu thị sự đoàn kết không thể tách rời của các châu lục này. Trong mỗi lá cờ của bất kỳ một dân tộc nào trên thế giới, bạn đều có thể tìm thấy ít nhất 1 trong 5 màu của 5 vòng tròn trên. Lá cờ Olympic đầu tiên giống như trên đã được sử dụng tại Olympic 1920 tổ chức tại Antwerp, Bỉ. Khẩu hiệu “Citius, Altius, Fortius” có nghĩa là “Nhanh hơn, cao hơn, mạnh hơn” cũng đã được thêu lên lá cờ này. Bởi tính lịch sử mà lá cờ Olympic sau này còn được gọi là lá cờ Antwerp. Trong suốt 64 năm (từ năm 1920 tới năm 1984), lá





cờ này được sử dụng lại sau mỗi lần tổ chức Olympic. Cho tới năm 1988, sau khi thấy lá cờ đã quá cũ, một lá cờ mới được làm bằng lụa của Hàn Quốc đã được sản xuất và được treo lần đầu tiên tại Olympic năm 1988.



Tại sao biểu tượng của ngành Y lại là con rắn quấn quanh cái ly?

Đây là một câu chuyện dài và rất phức tạp, vì các nhà nghiên cứu Cổ học và Y khoa đã tranh cãi về nguyên ủy của biểu tượng ấy suốt nhiều thập kỷ qua, nói chung chưa hẳn ngã ngũ nhưng cũng đã có dấu hiệu sáng tỏ. Trong nhiều thế kỷ, có thể vào thời kỳ Pindare, đầu thế kỷ thứ 5 trước Công Nguyên; Esculape mới được tôn thờ như một vị thần linh của y học Hy Lạp. Cũng có lẽ từ thời điểm này, những đền thờ đầu tiên được xây dựng để ghi ơn ông, đồng thời



Gậy - rắn thân
Asclepius



Gậy - hai rắn thân
Hermes



Rắn - cái ly nữ thần
Hygeia



còn được dùng làm nơi khám chữa bệnh. Chử Esculape về sau đã trở thành danh từ chung để chỉ những người hành nghề y dược. Để tưởng nhớ Esculape, hậu thế đã dựng bức tượng của ông, tay cầm chiếc gậy làm bằng cây nguyệt quế và một con rắn quấn chung quanh. Con rắn này có tên là Elaphe longissima, một loài rắn lành có màu sắc đẹp, sống phổ biến ở châu Âu. Cũng theo truyền thuyết, loài rắn đã được đưa đến La Mã để cứu nguy cho người dân bị nạn dịch hạch đang gieo rắc nỗi khiếp đảm lúc bấy giờ. Có người còn cho rằng, những con rắn của thần Esculape đã chữa bệnh cho người bằng cách liếm các vết thương của người bệnh trong lúc họ đang ngủ. Dựa vào truyền thuyết trên, ngành y đã dùng biểu tượng con rắn quấn quanh cây gậy phép của Esculape. Con rắn quấn quanh cây gậy tượng trưng cho sự khôn ngoan, khả năng chữa trị bệnh và kéo dài tuổi thọ. Trong biểu tượng của ngành dược cũng sử dụng con rắn này nhưng nó quấn quanh một cái ly hoặc cốc có chân cao. Chiếc ly/cốc tượng trưng cho chén thuốc của nữ thần sức khỏe Hygeia, bên trong có chứa đựng chất dịch được chiết xuất từ các loại cây cỏ. Con rắn tượng trưng cho sức khỏe và sự trẻ trung. Biểu tượng của ngành dược nhanh chóng được quốc tế công nhận giống như biểu tượng con rắn và cây gậy của ngành y.



MỤC LỤC

Âm nhạc xuất hiện từ bao giờ?	7
Thành phố Babilon nổi tiếng trước đây hiện nay thuộc vùng đất nào?	9
Con người biết vẽ bản đồ từ bao giờ?	10
Con người bắt đầu biết in báo từ bao giờ?	11
Hòn đảo nào là hòn đảo lớn nhất thế giới?	12
Người ta gọi nước Mỹ là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ hay là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ?	13
Cuộc cách mạng công nghiệp xảy ra trên thế giới từ khi nào?	15
Hiện nay trên thế giới những tôn giáo nào có đông tín đồ nhất?	16
Châu lục nào hiện nay có nhiều quốc gia nhất?	17
Nhà nước Ai Cập cổ đại xuất hiện cách đây bao nhiêu năm?	19
Tại sao châu Nam cực là châu cao nhất thế giới?	21
Thế nào gọi là Chiến tranh lạnh?	21
Có phải Napoléon tự phong là Hoàng đế nước Pháp?	23
Tại sao lại có hai cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và lần thứ hai?	25
ASEAN gồm những nước nào và được thành lập từ bao giờ?	26
Tại sao có thể nói người Hy Lạp cổ đại đã tạo ra một trong những nền văn minh vĩ đại nhất thế giới?	28
Có phải 2/3 diện tích đất nước Hà Lan nằm thấp hơn mặt nước biển?	29



Tại sao nước Ý được coi là trung tâm của nền văn minh châu Âu trong nhiều thế kỷ?	30
Tại sao dân tộc Do Thái được cho là thông minh nhất thế giới?	31
Có phải trong lăng mộ của Tần Thủy Hoàng tìm thấy hàng nghìn binh lính bằng đất nung?	33
Thế nào là kiến trúc Gô-tích?	34
Tổ chức Liên hiệp quốc được hình thành từ bao giờ và có nhiệm vụ gì?	35
Luật pháp xuất hiện từ bao giờ?	37
Quốc gia nào mà có hai phần cách nhau tới 650km?	38
Nước nào choán hết biên giới phía Nam của Hoa Kỳ?	39
Tại sao Mông Cổ có lúc đã là đế quốc có lãnh thổ liền nhau lớn nhất trong lịch sử loài người?	41
Rừng mưa Amazon thuộc về châu lục nào?	42
Nước nào có kiểu chào cọ mũi vào nhau?	43
Nước Nga có phải là quốc gia rộng lớn nhất trên thế giới?	44
Ngôn ngữ khác thế nào với lời nói. Esperanto có phải ngôn ngữ chung cho tất cả mọi người trên thế giới?	46
Tại sao lại gọi Điện ảnh là Nghệ thuật thứ bảy?	47
Thế nào là khuynh hướng Nhiếp ảnh siêu thực ngoại cỡ?	48
Có phải họa sĩ Picasso là người sáng lập trường phái <i>Lập thể</i> trong hội họa và điêu khắc?	49
Có phải trước khi trở thành nhà soạn kịch vĩ đại, Sếch-xpia ban đầu chỉ là anh chăn ngựa và soát vé ở rạp hát?	51
Ai là những người đầu tiên đặt chân đến châu Mỹ?	52
Có phải tín đồ đạo Hồi ít nhất một lần trong cuộc đời phải hành hương về thánh địa Mecca?	53
Loài người thông minh xuất hiện trên Trái đất từ bao giờ?	55





Con đường tơ lụa là con đường như thế nào?.....	56
Nguồn gốc của nghệ thuật múa?.....	58
Tại sao người Nhật lại hâm mộ môn võ Sumo?	59
Có phải tổng thống Mandela đã nhận hơn 250 giải thưởng trong đó có Giải Nobel Hòa bình?	61
Có phải trước đây đã từng có 25 triệu người gốc Phi bị bắt làm nô lệ?	62
Ở những nước nào quyền phụ nữ được đề cao nhất?	63
Có phải Bảo tàng Louvre rất nổi tiếng về những bộ sưu tập nghệ thuật?.....	64
Thế nào thì được gọi là phong tục, tập quán?	66
Vì sao người dân Singapore có mức sống vào hàng cao nhất châu Á?	67
Tục đấu bò tót có ý nghĩa thế nào với người dân Tây Ban Nha?.....	68
Thế nào là truyện thần thoại?	70
Tại sao nhiều cuộc chiến tranh thời xưa lại được gọi là Thập tự chinh?.....	71
Thế vận hội đầu tiên tổ chức vào năm nào và Việt Nam bắt đầu tham gia Thế vận hội năm nào?.....	73
Thời Trung cổ là thời kỳ nào trong lịch sử?	75
Tại sao Thụy Sĩ lại dùng tới 4 ngôn ngữ chính thức và là nước có mức sống rất cao?.....	76
Người Viking, họ là ai và sống ở thời nào?	77
Lễ Vu Lan có ý nghĩa như thế nào?	79
Phong trào xây dựng hệ thống sông đào Bắc Hưng Hải là phong trào gì?	80
Trống Ngũ Lôi là loại trống gì và có từ bao giờ?	82
Các vị thần Hy Lạp gồm những vị thần nào?	83
Tại sao lại gọi là Thánh địa Mỹ Sơn?	84
Ai là người đầu tiên khám phá ra Bắc cực?	86
Ai là người đầu tiên khám phá ra châu Đại dương?	87
Khách sạn được đánh giá chất lượng “sao” là như thế nào?	88



Nguồn gốc của tục lệ tiễn ông Táo chầu Trời?	89
Có phải Táo Quân trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có nguồn gốc từ ba vị thần Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ?	90
<i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du được dịch ra bao nhiêu thứ tiếng? Hiện nay bản dịch nào được xem là chính xác nhất?	92
Loại hình nghệ thuật múa rối nước được bắt nguồn từ khi nào và từ nước nào?	93
Ngày Nhà giáo Việt Nam lần đầu tiên được tổ chức vào năm nào?	94
Tiền giấy lần đầu tiên lưu hành tại Việt Nam từ thế kỷ nào?	95
Người Nhật Bản treo cờ cá chép vào ngày lễ nào trong năm?	97
Ngày Môi trường Thế giới bắt đầu từ lúc nào?	98
9 kỷ lục mới được xác nhận ở nước ta về biển đảo gồm những kỷ lục nào?	99
Dân gian có câu “Lênh đèn qua cửa Thần Phù, khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm”. Vậy cửa Thần Phù ở đâu?	101
Người ta thường dọa làm điều xấu khi chết sẽ bị đày ải xuống 18 tầng địa ngục. Vậy đó là những tầng gì vậy?	103
Miền Nam có những phương ngữ mà người miền Bắc nhiều khi không hiểu và hiểu nhầm. Ngược lại cũng vậy. Có cách nào để hiểu được các phương ngữ này không?	105
Ý nghĩa của cụm từ Ba hồn bảy vía là như thế nào?	107
Vào dịp Tết người ta thường bày mâm ngũ quả. Đó là những loại quả gì?	108
Có bao nhiêu kiểu cười khác nhau?	110
Ý nghĩa lễ hội “tê nước cầu may” của người Lào là gì?	112
Qua các thời kỳ lịch sử, nước ta đã có bao nhiêu quốc hiệu khác nhau và vào những thời kỳ nào?	114
Thế nào thì được gọi là Rửa tiền?	117
Thời Phục hưng là thời kỳ nào và tại sao lại gọi là Phục Hưng?	118





Tại sao lại “Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi”?	120
Tại sao lại kiêng quét nhà, đổ rác ra ngoài trong mấy ngày Tết?	122
Tết Nguyên đán bắt nguồn từ văn hóa dân tộc của quốc gia nào?	124
Tại sao có phong tục Xin chữ và Cho chữ trong dịp Tết Nguyên đán?	125
Ai là những tỷ phú trẻ nhất thế giới năm 2013?	127
Ai là người đầu tiên nghĩ ra chiếc áo dài truyền thống của phụ nữ Việt Nam?	130
Thế nào là thủy cung và hiện nay thủy cung nào là lớn nhất thế giới?	131
“Văn hóa đọc” là gì?	132
Tại sao đèn tín hiệu giao thông lại có ba màu: đỏ, xanh lục và vàng?	135
Tại sao lại gọi là “Một nắng hai sương”?	136
Trên thế giới có khoảng bao nhiêu dân tộc?	137
Tại sao trên lá cờ Olympic lại có 5 vòng tròn và 5 vòng tròn này mang ý nghĩa gì?	139
Tại sao biểu tượng của ngành Y lại là con rắn quấn quanh cái ly?	140





Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập KHÚC THỊ HOA PHƯƠNG

Biên tập: Nguyễn Hòa Bình

Bìa: Ngô Xuân Khôi

Trình bày: Phạm Huyền

Sửa bản in: Thùy Dung

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối - Hà Nội.

ĐT: (04) 39717979 - 39717980 - 39710717 - 39716727 - 39712832

FAX: (04) 39712830

E-mail: nxbphunu@vnn.vn

Website: www.nxbphunu.com.vn

Chi nhánh:

16 Alexandre de Rhodes - Q. I - TP Hồ Chí Minh. ĐT: (08) 38234806



Trong lá thư gửi tới NASA (cơ quan hàng không vũ trụ Mỹ), cô bé Clara Ma, 12 tuổi ở thành phố Lenex, bang Kansas - Mỹ viết: "Sự tò mò là ngọn lửa vĩnh hằng thiêu cháy tâm trí mỗi người. Nó khiến cháu thức giấc mỗi sớm và tự hỏi hôm nay cuộc sống sẽ mang tới cho cháu điều gì... Tò mò là một động lực mạnh. Không có nó, chúng ta không thể có được như ngày hôm nay".

Ai? Tại sao? Thế nào?... luôn là những câu hỏi tò mò thường xuyên của con trẻ. Một đứa trẻ luôn tò mò sẽ kích thích trí tưởng tượng phát triển, say mê khám phá và mỗi ngày mới sẽ có vô số điều ngạc nhiên thú vị chờ đón. Cuốn sách này sẽ đồng hành cùng bố mẹ để khích lệ con trẻ tích cực tìm tòi câu trả lời. Bố mẹ nên dẫn dắt con qua những những câu hỏi bằng sự hiểu biết và chia sẻ, để trẻ thực sự được học và trưởng thành hơn qua những câu hỏi tò mò về cuộc sống xung quanh.



ISBN 978-604-926-711-6



Giá: 40.000đ

Con hỏi bố mẹ... KH XH